Sài Gòn Thất Thủ

Komori Yoshihisa & Khôi Nguyên

Giới thiệu:

"Sàigòn thất thủ" là tựa đề một loạt ký sự được đăng tải liên tục suốt gần một tháng trên Nhật Báo Sankei trong mục *"Đặc Phái Viên của Thế Kỷ 20"* từ ngày 29/10 cho đến ngày 27/11/1998. Người thực hiện loạt ký sự này là ký giả Komori Yoshihisa, một đặc phái viên kỳ cựu của Nhật Bản đã có mặt tại Sài Gòn trước và sau thời điểm 30/4/1975. Ông Komori Yoshihisa từng là ký giả của tờ báo Mainichi được biệt phái đến Sài Gòn từ năm 1972 với tính cách là trưởng ban biên tập tại Sài Gòn. Sau đó, đến năm 1987, ông chuyển sang làm việc cho tờ báo Sankei.

Cũng qua loạt bài viết liên quan đến sự kiện *"Sài Gòn Thất Thủ"*, năm 1976 ông Komori Yoshihisa đã nhận được giải thưởng danh giá "*Phóng Viên Quốc Tế"* Vaugh/Ueda Prize do hai cơ quan truyền thông Mỹ- Nhật UPI và Dentsu sáng lập. Hiện nay, ông đã 72 tuổi và nổi tiếng là một nhà bình luận thời cuộc thế giới kiêm công việc giáo sư danh dự tại trường đại học quốc tế Akita ở Nhật Bản. Ngoài ra, ông cũng từng được biết là một võ sư hướng dẫn môn Nhu Đạo tại đại học Georgetown ở thủ đô Washington, Hoa Kỳ.

Vì được chứng kiến biết bao sự kiện lịch sử liên quan đến chuyện Việt Cộng cưỡng chiếm miền Nam Việt Nam cũng như nội tình của chính phủ Sài Gòn lúc đương thời, ông đã có cái nhìn rất trung thực và đứng đắn về cuộc chiến Việt Nam -vốn rất phức tạp trong một tình thế tương tranh gay gắt mà phe Cộng sản chiếm phần ưu thế lúc bấy giờ, hơn nữa còn bị đảng Cộng sản Việt Nam xuyên tạc bóp méo để đánh lừa dư luận thế giới. Nhận thấy tính cách giá trị lịch sử của loạt bài này, dù đã được viết hơn 15 năm trước, xin giới thiệu phần trích lược trong số 23 bài ký sự của ông Komori Yoshihisa qua phần chuyển dịch của Khôi Nguyên.
Cũng cần nhắc lại, trước đây các phần chuyển dịch này của Khôi Nguyên từng được một số báo chí, trang web người Việt hải ngoại đăng tải và đọc lại.

©Komori Yoshihisa & Khôi Nguyên

Kỳ 1: "Kẻ ở, người đi và một sự thật bình thường"

"Nếu 500 ngàn trong tổng số 3 triệu dân Sài Gòn cầm súng chiến đấu với một tinh thần quyết tử thì chắc là quân cộng sản Bắc Việt phải chuốc lấy những thất bại nặng nề, và Sài Gòn sẽ trở thành một Stalingrad thứ hai. Lúc đó, dư luận thế giới bắt buộc phải quan tâm để đưa đến những cuộc thương thuyết về vấn đề ngưng chiến tại Việt Nam".

Ngồi trước mặt tôi và sau lưng là những người lính cận vệ trong bộ quân phục Không Quân hùng dũng, cựu tướng Nguyễn Cao Kỳ với một giọng chắc nịch và quả quyết, đã nói như vậy trong buổi phỏng vấn vào ngày 25/4/1975 tại nhà thờ Lộc Hưng ở ngoại ô thành phố Sài Gòn.

Ông Kỳ vốn là một nhân vật nổi tiếng vì trước đó đã giữ những chức vụ quan trọng trong chính quyền miền Nam như Tư Lệnh Không Quân, Thủ Tướng, Phó Tổng Thống. Ông đã được biết qua báo chí thế giới bằng hình ảnh một người đàn ông có dáng gầy, cao vừa phải, dung mạo đẹp trai, và nhất là bộ ria đen nhánh. Vợ ông là một phụ nữ xinh đẹp, xuất thân từ giới tiếp viên hàng không.

Tuy nhiên, từ năm 1971, trong cuộc tranh đua quyền lực, ông Kỳ đã bại dưới tay ông Nguyễn Văn Thiệu, một nhân vật từng sát cánh với ông lúc trước. Vì thế, ông đã bị hất văng ra khỏi chính trường miền Nam. Sau đó, người ta ít thấy ông Kỳ xuất hiện và cho đến gần thời điểm nguy ngập vào mùa Xuân năm 1975, ông Kỳ đã lên tiếng chỉ trích những thất sách về mặt quân sự cũng như sự thối nát về mặt chính trị của chính quyền Sài Gòn.

Vào ngày 25/4/1975 nói trên, trong một buổi tập họp được Ủy Ban Hành Động Cứu Nước do linh mục Trần Hữu Thanh lãnh đạo đứng ra tổ chức, ông Kỳ đã đến tham dự và phát biểu. Khi ông Kỳ dùng xe jeep đến nhà thờ Lộc Hưng thì nơi đây đã có gần 3 ngàn giáo dân tụ tập sẵn ngoài sân từ bao giờ. Địa phận Lộc Hưng vốn là nơi cư trú của đa số người Công Giáo miền Bắc tỵ nạn Cộng sản di cư về đây từ năm 1954. Trước khi đến đây, ông Kỳ đã nhận trả lời phỏng vấn của những phóng viên ngoại quốc như chúng tôi.

"Nếu đồng báo nhất trí đoàn kết, thì chúng ta sẽ còn con đường sống. Chúng ta phải cương quyết chiến đấu cho đến hơi thở cuối cùng. Quân cộng sản chỉ chờ đợi nơi chúng ta tự chia rẽ và tự tan rã mà thôi. Tôi sẽ ở lại Sài Gòn và chiến đấu cho tới chết. Tôi muốn nói lên quyết tâm này với dân chúng Sài Gòn. Những người bỏ chạy ngay bây giờ trước khi quân địch tấn công vào đều là những kẻ hèn nhát".

Đứng trên bục gỗ trước máy phóng thanh, lời kêu gọi của ông Kỳ vang dội đến mấy ngàn giáo dân Công Giáo như càng làm tăng thêm dũng khí cho họ. Lúc này, quân Bắc Việt đã tràn đến những cứ điểm phòng thủ cuối cùng quanh vòng đai Sài Gòn sau khi nuốt gọn Xuân Lộc. Và Sài Gòn đang trong tình trạng hồi hộp, căng thẳng về một cuộc tổng công kích cuối cùng của quân Bắc Việt vào ngay lòng thủ đô. Tuy vậy, lúc nghe ông Kỳ diễn thuyết, tôi cũng cảm thấy yên tâm phần nào vì miền Nam vẫn có thể tránh khỏi một cuộc chiến bại toàn diện.

Thế nhưng vào sáng ngày 29/4/1975 ông Kỳ đã dùng trực thăng tháo chạy ra ngoại quốc, bỏ lại sau lưng những lời thề hứa chiến đấu quyết tử mà ông từng hùng hồn tuyên bố trước đó bốn ngày.

Từ lúc ông Kỳ bỏ chạy cho đến giây phút cuối cùng khi Sài Gòn rơi vào tay quân Bắc Việt, chỉ đúng một ngày. Trong khoảng thời gian này, số những tướng lãnh cùng binh sĩ VNCH ở lại chiến đấu cũng không phải là ít và có những vị tướng đã hy sinh.

*

Dọc theo quốc lộ 13, cách Sài Gòn khoảng 50 km về hướng Bắc là căn cứ Lai Khê do sư đoàn 5 VNCH trấn giữ. Đây là một trong năm sư đoàn được phối trí theo thế chiến lược bảo vệ vòng đai thủ đô Sài Gòn. Lúc này, Tổng Tham Mưu chỉ huy quân Bắc Việt là tướng Văn Tiến Dũng đã huy động tất cả 5 quân đoàn gồm 15 sư đoàn với quân số khoảng 200 ngàn để chọc thủng những tuyến phòng thủ vòng đai cuối cùng hầu tiến chiếm Sài Gòn.

Đúng vào buổi sáng 30/4/1975, sư đoàn 5 của VNCH đã phải hứng chịu những áp lực nặng nề trước sức tấn công mãnh liệt của quân đoàn 1 Bắc Việt, cuối cùng vì lực lượng quá ít so với quân số hùng hậu của quân Bắc Việt, sư đoàn 5 tan vỡ và vị Tư Lệnh sư đoàn là tướng Lê Nguyên Vỹ đã tự kết liễu vận mạng bằng cái chết hiên ngang, bất khuất.

Mặt khác, tại cứ địa Củ Chi cách Sài Gòn khoảng 30km về hướng Tây Bắc, sư đoàn 25 của VNCH cũng bị tấn công dữ dội và ngã gục trước quân đoàn 3 Bắc Việt. Tư Lệnh sư đoàn là tướng Lý Tòng Bá vì muốn bảo vệ sinh mạng binh sĩ nên đã chịu hàng và bị bắt làm tù binh.

Ngay cửa khẩu của khu vực đồng bằng sông Cửu Long là căn cứ Tân An nằm ở hướng Tây Nam Sài Gòn được sư đoàn 22 VNCH trấn thủ cũng không tránh khỏi sự tấn công mãnh liệt của lực lượng Bắc Việt và đã bị tiêu diệt. Kế đến là lực lượng những binh sĩ còn lại của sư đoàn 18 dưới sự chỉ huy của tướng Lê Minh Đảo đang trấn đóng tại phía Đông Sài Gòn đã bị đột kích bằng chiến thuật biển người của quân đoàn 2 Bắc Việt. Sau khi thất thủ, tướng Lê Minh Đảo bị bắt làm tù binh.

Trong tình thế hiểm nghèo này, chỉ còn lại lực lượng duy nhất của sư đoàn 7 ở Mỹ Tho là tương đối có khả năng kéo về Sài Gòn tiếp ứng nhưng vì các trục lộ giao thông đã bị địch quân cắt đứt nên ngay sau khi Sài Gòn thất thủ, sư đoàn 7 VNCH cũng đành phải đầu hàng.

Tiếp theo tại Cần Thơ, Bộ Tư Lệnh Quân Khu 4 của VNCH là nơi kiểm soát toàn bộ khu vực đồng bằng sông Cửu Long, đã tận lực trong việc bảo vệ và tiếp ứng cho hai sư đoàn 9 và 21 đang bị uy hiếp trầm trọng, nhưng kết cuộc cũng đành phải bó tay. Vị Tư Lệnh quân khu là tướng Nguyễn Khoa Nam cùng Tư Lệnh Phó là tướng Lê Văn Hưng đã chọn cái chết để bảo vệ khí tiết ngay tại căn cứ Cần Thơ.

*

Đối với tôi, thì việc trong hàng ngũ những tướng lãnh và nhân viên cao cấp của chính quyền miền Nam, người nào bỏ chạy, người nào ở lại tử thủ đã trở thành đối tượng cho sự suy nghĩ về những phương cách xử thế ở đời và là một bài học kinh nghiệm cho bản thân.

Những người thường hô hào chiến đấu chống cộng tới cùng, hoặc kêu gọi sự đoàn kết và lòng yêu nước theo chủ nghĩa dân tộc một cách kịch liệt nhất, lại là những người chạy trốn sớm nhất. Ngược lại, những người có vẻ như thân Mỹ hay thân Pháp lẽ ra phải nhanh chân chạy thoát thì lại hy sinh ở lại chiến đấu. Thêm một lần nữa, tôi cảm nhận được một sự thật rất bình thường là *"nếu chỉ dựa vào lời nói của một người, ta sẽ không thể phán đoán hành động của họ như thế nào"*.

Sau ngày Sài Gòn thất thủ hai năm, tôi được chuyển sang làm đặc phái viên ở Hoa Kỳ và đã có dịp ghé thăm nơi ở mới của ông Nguyễn Cao Kỳ tại California.
Từ lúc được chính phủ Hoa Kỳ tiếp nhận cho định cư, ông Kỳ đã mở một siêu thị để kinh doanh ở gần thành phố Los Angeles cách nhà ông khoảng chừng 20km, một ngôi nhà thuộc

hạng sang trọng đối với tiêu chuẩn của vùng này. Sau khi nhấn chuông, tôi được ông Kỳ đích thân mở cửa đón tiếp. Trong bộ quần áo màu vàng nâu, ông Kỳ có dáng vẻ của một vị trưởng giả và nếu gọi là có sự thay đổi nơi ông thì có lẽ chỉ là màu của bộ ria nay đã trở thành màu tro nhạt.

Ông tiếp tôi tại phòng khách và nhận trả lời cuộc phỏng vấn. Sau khi kể lại những khó khăn ban đầu từ lúc ông cùng vợ và 6 người con 4 trai 2 gái đặt chân tới đây, ông hồi tưởng lại chuyện chiến tranh: *"Tôi đã từng chủ trương rằng, hòa hợp hòa giải với thế lực cộng sản kết cuộc chỉ là một ảo tưởng. Điều này hoàn toàn đúng. Vì vậy, đối với cộng sản chỉ có chọn lựa một trong hai con đường: hoặc đầu hàng, hoặc chiến đấu tới cùng. Về điểm này có thể nói là những nhận thức của Tổng Thống Thiệu rất đúng đắn và chính xác"*.

Tuy nhiên, ông Kỳ đã không chiến đấu tới cùng với cộng sản.

Việc ông vừa tuyên bố sẽ tử thủ tại Sài Gòn sau đó lại bỏ chạy như vậy, quả thật đã khiến tôi khó đề cập đến vì thái độ biểu hiện của ông quá chai cứng: *"Tôi đã cố gắng đến cuối cùng và biết rằng miền Nam sẽ hoàn toàn thất trận nên phải ra đi. Vả lại, tôi cũng chỉ là một dân thường mà thôi. Nếu như lúc đó tôi ở vào vị trí trọng yếu của chính quyền thì chắc chắn tôi sẽ ở lại tử thủ. Tuy vậy, đối với những chiến sĩ VNCH đã chiến đấu đến giờ phút cuối thì tôi rất kính phục và không biết phải dùng lời lẽ gì để biểu hiện cho sự kính phục này"*.

Nói tóm lại, những lời biện minh, giải thích của ông Kỳ cho dù nghe ở một góc độ nào chăng nữa, quả thật người ta cũng không cảm nhận được ý nghĩa gì cả!

Kỳ 2: "Xuân Lộc, một chiến thắng ngắn ngủi làm nức lòng dân"

Xuân Lộc là một thành phố chính yếu của tỉnh Long Khánh, có vị trí cách thủ đô Sài Gòn khoảng 60km về hướng Đông Bắc. Ở vào thời điểm cuối cùng của cuộc chiến Việt Nam thì trận đụng độ tại nơi này giữa quân đội Bắc Việt và VNCH được coi như là một trận chiến khốc liệt nhất trước khi miền Nam Việt Nam hoàn toàn bị thất thủ. Đây là trận chiến duy nhất mang tính cách quy mô toàn diện trong giai đoạn cuối của kế hoạch xâm chiến miền Nam, qua đó quân Bắc Việt đã tận dụng hết toàn bộ lực lượng quân chính quy với những hỏa lực hùng hậu nhất nhằm tấn công triệt để quân đội VNCH hầu tạo thế quyết định chiến trường.

Nhưng có một điều mỉa mai và đau lòng đối với chính quyền Sài Gòn là qua trận chiến ác liệt này mặc dù sư đoàn 18 bộ binh của VNCH dưới sự chỉ huy của dũng tướng Lê Minh Đảo đã chiến đấu thật kiên cường và đẩy lui những đợt sóng tấn công ào ạt của địch hoàn thành sứ mạng bảo vệ Xuân Lộc trong một chiến thắng oanh liệt cũng như chiến thắng này đã đưa tên tuổi của tướng Lê Minh Đảo trở thành một vị anh hùng trong quân sử VNCH, nhưng chỉ một thời gian ngắn ngủi sau đó chính quyền Sài Gòn phải sụp đổ tan tành.

Thành phố Xuân Lộc có khoảng 100 ngàn dân cư, được những đồn điền cao su dày đặc bao bọc xung quanh. Trong thành phố, người ta thấy có rất nhiều tiệm buôn nho nhỏ xen kẽ với nhà cửa dân chúng và sự nổi bật của những ngôi nhà thờ nghiêm trang, cung kính như làm tăng thêm phần thanh nhã, êm đềm vốn là đặc tính của phong cảnh nơi này. Tôi cũng đã có nhiều dịp dùng xe đi ngang thành phố Xuân Lộc mỗi khi phải thực hiện phóng sự tại các tỉnh cao nguyên Trung phần và các thị trấn ven biển của miền Trung.

Mức độ tấn công của quân Bắc Việt vào Xuân Lộc đã thực sự trở nên ác liệt từ ngày 9/4/1975, tức thời điểm trước khi Sài Gòn thất thủ đúng 3 tuần lễ.

Đầu tiên, để uy hiếp và trấn áp tinh thần của sư đoàn 18 bộ binh VNCH, quân Bắc Việt đã dùng loại pháo 130 ly liên tục pháo kích vào những cứ điểm đóng quân của sư đoàn này và hầu hết những địa điểm trong ngoài thành phố Xuân Lộc. Loại pháo 130 ly này có xạ trình đến 27 km do Liên Xô và Trung Quốc phối hợp chế tạo và là một trong những vũ khí có sức công phá dữ dội nhất của quân Bắc Việt.

Sau khi Sài Gòn bị rơi vào tay quân đội Bắc Việt, tôi đã được chúng kiến tận mắt loại pháo 130 ly này với một số lượng không sao đếm hết. Đồng thời, với kích thước to lớn của nó, cũng đã cho thấy phần nào hỏa lực hùng mạnh của quân Bắc Việt.

Với chiến thuật vừa pháo kích, vừa cho xe tăng bộ đội xâm nhập vào Xuân Lộc, cộng sản Bắc Việt trong chiến lược tấn công nơi này đã sử dụng toàn bộ lực lượng binh sĩ thuộc quân đoàn 4. Đây là một quân đoàn được hình thành từ việc sát nhập 3 sư đoàn quân Bắc Việt gồm sư đoàn 6, sư đoàn 7 và sư đoàn 341. Quân đoàn 4 của Bắc Việt có vị trí đóng quân tại những vùng phụ cận biên giới Campuchia, nằm về hướng Bắc của thủ đô Sài Gòn.

Qua việc tận dụng cả lực lượng chính quy của quân đoàn 4 trong mục tiêu đánh chiếm Xuân Lộc đã cho thấy phía Bắc Việt rất coi trọng địa điểm này trên quan niệm vị trí chiến lược xung yếu. Đó là, nếu chiếm được Xuân Lộc thì những lộ quân của Bắc Việt xuất phát từ đây sẽ dễ dàng phối hợp cùng những tuyến quân xâm nhập từ phía Đông Nam để chọc thủng các hàng rào phòng thủ cuối cùng quanh thủ đô Sài Gòn.

Từ đó, Xuân Lộc đã trở thành mục tiêu hàng đầu trong chiếc lược tấn công của Bắc Việt. Mặt khác, nếu nhìn từ Sài Gòn ta sẽ thấy Xuân Lộc quả thật là một thành trì quan trọng nằm ở hướng Đông, có khả năng che chở cho cả thủ đô vì nó là giao điểm của quốc lộ số 1 dọc theo các bờ biển Trung phần và quốc lộ số 2 từ các tỉnh cao nguyên miền Trung. Nếu cho quân

thẳng tiến vào Nam thì phải đi theo 2 tuyến đường quốc lộ nói trên nên Bắc Việt có nhu cầu phải giải tỏa nút chặn chiến lược trọng yếu Xuân Lộc. Cũng vì vậy mà lúc đương thời Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đã hạ lệnh cho quân đội VNCH phải tử thủ Xuân Lộc bằng mọi giá.

Sau khi chịu đựng những đợt pháo kích liên tục như bão táp mưa sa của quân Bắc Việt, lực lượng phòng thủ sư đoàn 18 VNCH với tương quan quân lực kém hẳn địch thủ là 1 đối 3 bắt đầu tổ chức những đợt phản công đánh trả lại một cách hữu hiệu. Và thật đáng kinh ngạc, những chiến sĩ sư đoàn 18 đẩy lui không biết bao nhiêu đợt tấn công xâm nhập vào Xuân Lộc của địch với gần 1000 xác quân Bắc Việt và mấy chục chiến xa phải bỏ lại tại thành phố đầy lửa đạn này.

Trong tình thế liên tiếp mấy ngày liền bị vây hãm như vậy, chính quyền Sài Gòn đã phái một số quân tinh nhuệ thuộc Sư đoàn Nhảy Dù lúc đó đang đóng tại phía Bắc Sài Gòn, dùng trực thăng đến Xuân Lộc để tiếp ứng. Dưới sự chỉ huy tài tình của dũng tướng Lê Minh Đảo, những chiến sĩ VNCH đã kiên cường cố thủ cũng như phản kích mạnh mẽ. Đối với họ, sự nhận thức về Xuân Lộc là một cứ điểm vô cùng quan trọng trong việc bảo vệ thủ đô Sài Gòn đã tạo nên một tinh thần quyết tử cao độ.

Kết quả, sau ba ngày tấn công tới tấp vào Xuân Lộc, quân Bắc Việt đã bị nhiều tổn thất nặng nề nên đành phải ngưng chiến. Liên quan đến sự kiện này, tướng Văn Tiến Dũng của Bắc Việt, tổng tham mưu cuộc tấn công Xuân Lộc, đã viết: *"Tại Xuân Lộc, lần đầu tiên quân đội ta chạm phải một đội quân quyết tử của địch. Tuy quân ta đã nhiều lần xâm nhập được vào trong thành phố và tạo được thế uy hiếp mạnh mẽ nhưng đều bị đánh lui trở lại. Điều này chứng tỏ quân đoàn 4 của ta đã không lượng định được chính xác sức đề kháng kiên cường của địch"*.

Thế là phía Bắc Việt đã thú nhận sự thất bại qua cuộc công kích vào Xuân Lộc lần đầu tiên và ngược lại đối với quân VNCH thì đây là trận chiến thắng mang nhiều ý nghĩa to lớn trong việc củng cố niềm tin của dân chúng miền Nam. Do đó, chính quyền Sài Gòn đã truyền đạt và phổ biến rộng rãi đến các cơ quan truyền thông ngoại quốc cũng như người dân miền Nam về chi tiết trận chiến thắng ở Xuân Lộc

Dĩ nhiên là người dân Sài Gòn rất hoan hỷ và càng tăng niềm hy vọng, tin tưởng nơi khả năng chiến đấu, bảo vệ lãnh thổ của quân đội VNCH.

Sau chiến thắng tại Xuân Lộc, tôi đã có dịp gặp hai viên sĩ quan trẻ tuổi phụ trách việc thông tin cho sư đoàn 18 tại văn phòng hãng thông tấn UPI ở Sài Gòn. Hai viên sĩ quan này vừa đưa tôi xem những hình ảnh của trận chiến Xuân Lộc vừa nói: *"Sư đoàn 18 Number One!",* vì họ đã đánh lui được một phần lớn quân cộng sản Bắc Việt.

Tại thành phố Sài Gòn, không khí thật náo nức và nhộn nịp trong nỗi hân hoan chào mừng chiến thắng Xuân Lộc, một sự chiến thắng không ngờ. Với thắng lợi này, đa số dân chúng thủ đô đều nghĩ rằng quân Bắc Việt sẽ mỏi mệt và cần một thời gian khá dài để dưỡng sức, nhất là nếu có tướng Lê Minh Đảo thì Sài Gòn sẽ bình yên vô sự.

Cho đến này 13/4/1975 thì sinh hoạt tại Xuân Lộc đã tương đối trở lại bình thường với đường phố tấp nập xe cộ, người qua lại đông đúc. Cảnh mua bán rộn rịp, tưng bừng hẳn lên, hầu như họ đã quên rằng cách đó chỉ mấy chục cây số, quân Bắc Việt vẫn còn đóng chốt và chuẩn bị cho những cuộc tấn công khác.

Quả nhiên, quân Bắc Việt sau một thời gian ngắn ngủi tạm ngưng chiến đã dồn hết nỗ lực để bao vây chặt chẽ các khu vực chiến lược xung quanh Xuân Lộc tạo thế cô lập đối phương bằng cách cắt đứt các tuyến đường tiếp vận huyết mạch. Lúc này, 3 sư đoàn thuộc quân đoàn

2 Bắc Việt đã từ những vùng ven biển miền Trung kéo quân tiến đến Xuân Lộc để tăng cường thế công và tổng cộng có 3 sư đoàn của phía Bắc Việt với quân số đầy đủ vây hãm duy nhất một sư đoàn 18 của VNCH.

Sau đúng một ngày cầm cự, chịu đựng không nổi trước chiến thuật áp đảo của địch, sư đoàn 18 VNCH đã bắt đầu triệt thoái khỏi thành phố Xuân Lộc vào ngày 20/4/1975. Sau đó, sư đoàn này được tái tập trung và đóng quân phòng thủ ngay sát nách Sài Gòn về phía Đông, nhưng đã quá muộn màng vì quân Bắc Việt gỡ được nút chận Xuân Lộc và các tuyến quân Nam tiến của họ đã tựa như thế chẻ tre tiến công ào ạt về Sài Gòn khiến cho quân đội miền Nam bị tan rã thành từng mảnh, từng mảnh.

Dũng tướng Lê Minh Đảo, Tư Lệnh sư đoàn 18 cùng các binh sĩ của ông chiến đấu đến giờ phút cuối cùng nên bị quân Bắc Việt bắt giữ. So với một số tướng lãnh VNCH đã tháo chạy từ những ngày trước đó, tướng Lê Minh Đảo đã được dân chúng ngưỡng mộ và ca ngợi tinh thần dấn thân vì nước của ông.

Sau ngày miền Nam sụp đổ, tướng Lê Minh Đảo cũng như đa số sĩ quan cao cấp của VNCH đã bị nhà cầm quyền cộng sản giam giữ tại các trại tù khổ sai, cưỡng bức lao động. Kết cuộc, nhờ vào sự can thiệp của chính phủ Hoa Kỳ, sau mười mấy năm tù đầy, tướng Lê Minh Đảo đã được sang Mỹ để đoàn tụ cùng gia đình vào năm 1994.

Người Hùng Xuân Lộc năm nào nay đã trở thành người hùng cô đơn với nhiều tâm sự mà ít người thấu hiểu.

Kỳ 3: Hoa Kỳ triệt thoái

Lần đầu tiên bắt tay với ông Graham Martin, vị đại sứ của Hoa Kỳ tại miền Nam Việt Nam, tôi đã có một cảm giác lạ kỳ mà cho tới nay tôi vẫn không thể nào quên được, vì nơi lòng bàn tay của ông ta không có một chút sức lực nào tập trung vào đó cả.

Tôi đã được gặp ông Martin lúc ấy vào khoảng thời gian cuối năm 1973 tại Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ đặt ngay trung tâm thành phố Sài Gòn. Sau này nghe kể lại tôi mới biết ông Martin vì bị trọng thương do một tai nạn giao thông trước đó đã lâu nên lực bóp của bàn tay đã trở nên yếu hẫn.

Ông Martin là vị đại sứ cuối cùng của Hoa Kỳ tại miền Nam. Với thân hình gầy ốm, trông ông tôi có cảm giác như ông là một người không được sáng sủa cho lắm. Chuyên về ngành ngoại giao, ông đã làm đại sứ Hoa Kỳ tại Pháp, Ý và Thái Lan. Vào tháng 7/1973, ông Martin lúc đó đã 67 tuổi được bổ nhiệm đến Sài Gòn. Tuy ông là một người thường hay đau yếu bệnh hoạn, nhưng ông rất kỳ vọng vào chính quyền Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu và có lập trường chống cộng rất triệt để đối với thế lực của MTGPMN. Trong lúc Quốc Hội Hoa Kỳ có những do dự trước việc tiếp tục trợ giúp quân sự, kinh tế cho chính quyền Sài Gòn thì đại sứ Martin cũng là người đã có nỗ lực vận động nhiều nhất để yêu cầu Hoa Kỳ nên tái viện trợ cho VNCH.

Có giả thuyết cho rằng sở dĩ ông nhiệt tâm trong vấn đề này vì ông có một người con trai là binh sĩ Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ đã tử trận tại Khe Sanh vào năm 1968 trong cuộc đụng độ với quân Bắc Việt.

Sau khi hiệp định Ba Lê được ký kết, ông Martin đã đưa ra một kế hoạch với chủ trương là nếu Hoa Kỳ nếu Hoa Kỳ tiếp tục viện trợ thật dồi dào cho VNCH trong khoảng 5 năm nửa thì miền Nam sẽ trở thành một quốc gia có tư thế chính thức trong khối tự do và đủ sức bảo vệ lãnh thổ của mình. Vì vậy, ông lại càng được sự ủng hộ của chính quyền miền Nam.

Đến thời điểm tháng 3/1975, khi quân Bắc Việt mở những cuộc tiến công như vũ bão trên các địa bàn rộng lớn, tạo thế nguy ngập cho chính quyền miền Nam thì mọi người rất trông đợi cũng như hy vọng tràn trề vào quyết định của Quốc Hội chính phủ Hoa Kỳ lúc đó đang thảo luận việc viện trợ khẩn cấp 700 triệu mỹ kim cho miền Nam để đảo ngược cục diện. Nhưng không ngờ Quốc Hội Hoa Kỳ đã lạnh lùng cắt đứt luôn toàn bộ nguồn viện trợ cơ bản.

Riêng cá nhân ông Martin vẫn tin tưởng rằng cho dù Bắc Việt với thế lực đại quân số có tấn công trực tiếp vào Sài Gòn đi nữa thì miền Nam cũng chưa đến nỗi mất hết hy vọng nên ông đã vận động những cuộc thương thuyết để giải quyết vấn đề và cho đến phút cuối ông vẫn chống lại những mệnh lệnh triệt thoái toàn diện từ Washington.

Đối với phía Hoa Kỳ, cuộc triệt thoái cuối cùng của họ chính thức bắt đầu từ lúc 2 giờ trưa ngày 29/4/1975. Họ đã dùng trực thăng quân sự để di tản các nhân viên chính phủ Hoa Kỳ tại Sài Gòn cũng như những nhân viên, cán bộ, binh sĩ của chính quyền miền Nam cùng thân nhân đến chiến hạm của Đệ Thất Hạm Đội Hải Quân Hoa Kỳ đang đậu tại biển Đông tiếp giáp với cửa khẩu sông Sài Gòn.

Trong khi đó, đối với những ngoại quốc ở Sài Gòn, Hoa Kỳ đã dùng ám hiệu để thông báo về một cuộc triệt thoái cuối cùng bằng cách cho phát thanh liên tục bản nhạc "White Christmas" ngay tại vùng đất nhiệt đới nóng bức này. Tuy nhiên, vì muốn ở lại cho đến giờ phút cuối cùng với một số ít nhân viên phụ tá, ông Martin đã yêu cầu chính phủ Hoa Kỳ cho kéo dài thêm thời gian cuộc triệt thoái nói trên. Nhưng cho đến lúc nhận được những mệnh lệnh trực tiếp và nghiêm khắc từ cố vấn Kissinger thì ông Martin đã không còn cách nào khác nên đành

rời khỏi Sài Gòn vào lúc 4 giờ sáng ngày 30/4/1975. Vì vậy, ông Martin là người Mỹ cuối cùng theo đúng danh nghĩa đã rời khỏi Việt Nam. Theo tôi, ý nghĩa của cuộc triệt thoái này được kết luận rằng đó là những dấu hiệu sau cùng cho thấy sự can thiệp của cường quốc Hoa Kỳ vào VN từ thập niên 1950 đã hoàn toàn không đạt được mục đích gì và Hoa Kỳ phải ra đi trong sự thất bại, nhưng nếu mục kích quang cảnh sự di tản của Hoa Kỳ thì nhiều người thường có những nhận định thật lầm lẫn như "*Những người Mỹ cuối cùng đã bị đánh bại trước thế lực của quân Bắc Việt và dùng trực thăng tẩu thoát trước khi Sài Gòn thất thủ*".

Bởi vì trên thực tế, quân đội Hoa Kỳ đã rút quân khỏi VN từ hai năm trước đó và đối với họ thì những liên hệ trực tiếp về quân sự với cuộc chiến tranh VN đã thực sự chấm dứt từ lúc đó. Nói cách khác, Hoa Kỳ đã tuân theo đúng tinh thần của hiệp định Ba Lê và triệt thoái toàn bộ quân đội vào năm 1973. Tôi cũng đã chứng kiến cảnh những người lính Mỹ cuối cùng rời khỏi VN vào ngày 29/3/1973.

Quân đội Hoa Kỳ thực sự có mặt tại VN vào năm 1962 khi những viện trợ về nhân lực, vũ khí được gửi đến VN từ căn cứ Okinawa tại Nhật Bản. Năm 1964, lực lượng TQLC Hoa Kỳ đổ bộ vào Đà Nẵng đánh dấu sự kiện lần đầu tiên Hoa Kỳ đưa những chiến sĩ bộ binh của mình vào VN. Từ năm 1968 đến 1969, tổng số quân lính của Hoa Kỳ trú đóng tại VN đã lên đến hơn 540.000 người và từ cuối tháng 3/1973 những liên hệ quân sự này đã hoàn toàn chấm dứt.

Nghi thức tiễn biệt cuối cùng để đưa quân đội Hoa Kỳ về nước được chính quyền miền Nam tổ chức tại căn cứ không quân ở phi trường Tân Sơn Nhất vào ngày 29/3/1973 dưới những cơn gió thật lớn, thổi mạnh mà cho đến bây giờ tôi vẫn còn nhớ rõ.

Lúc đó, đứng ngay cạnh tôi là nhà văn Kaiko Takeshi cũng đang ghi chép để thực hiện bài phóng sự về buổi lễ này. Tướng Cao Văn Viên, Tổng Tham Mưu Trưởng VNCH đã đọc bài diễn văn bằng Anh ngữ để chuyển lời cảm tạ của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu. Tướng Frederick Weyand, vị Tư Lệnh Quân Đội Hoa Kỳ đặc trách viện trợ quân sự cho miền Nam đã đọc lời từ biệt bằng tiếng VN một cách ấp úng như sau: "*Quân đội của quý vị nay đã có đủ khả năng chiến đấu để tự bảo vệ và điều này đã được chứng thực rõ ràng"*.

Dĩ nhiên là lời nói này hoàn toàn không đúng với hiện thực, nhưng trên thực tế có 516 quân nhân các cấp của Hoa Kỳ mới chính là những quân nhân cuối cùng rời khỏi VN sau đó. Đa số họ là những sĩ quan, cố vấn và hạ sĩ quan của Bộ Tư Lệnh Hoa Kỳ tại VN. Trong tư thế điềm nhiên, những quân nhân Hoa Kỳ trông rất bình thản leo lên máy bay C-141 để về nước. Tuy vậy, cũng có một số người đã tuôn rời dòng lệ xúc cảm. Vì thế, sau này khi Sài Gòn thất thủ sự chú ý của tôi đã hướng về sự kiện người VN di tản nhiều hơn sự di tản của những người Mỹ cuối cùng tại đây.

Vào ngày 29 đến ngày 30/4/1975, số người Hoa Kỳ dùng trực thăng rời khỏi Sài Gòn ước chừng khoảng 1000 người và phần lớn là nhân viên ngoại giao, chuyên viên kỹ thuật chỉ có một số ít là dân thường. Riêng những người có mang vũ khí đều là những tướng tá và binh sĩ có nhiệm vụ bảo vệ toà Đại Sứ, con số này chỉ vỏn vẹn có 10 mấy người mà thôi.

Ngược lại, trong cùng thời điểm này các trực thăng Hoa Kỳ đã thực hiện cuộc di tản cho gần 10.000 người VN, tức gấp 10 lần số người Mỹ vả nếu tính luôn vài ngày trước đó thì Hoa Kỳ đã giúp đỡ việc di tản cho người VN gấp 10 mấy lần nhân số của họ. Nói khác hơn, Hoa Kỳ đã tận lực trong trách nhiệm cuối cùng của mình khi Sài Gòn hấp hối.

Xế trưa ngày 29/4/1975, từ văn phòng làm việc ở một cao ốc, tôi đã nhìn thấy từ xa những cảnh di tản hỗn loạn, ồn ào trên các đường phố Sài Gòn. Trên bầu trời vang dội những âm thanh gay gắt của loại trực thăng AH-1G Cobra và Cobra bay khắp nơi trong thành phố. Nhìn từ cửa sổ, tôi trông thấy quang cảnh chính diện trên sân thượng của Trung Tâm Văn Hóa Pháp

có nhiều người VN cả nam lẫn nữ đang đứng xếp hàng nối đuôi nhau như một đàn kiến và từng người một leo lên chiếc thang của những trực thăng Hoa Kỳ bay đến rồi đáp xuống tại đây.

Nói chung là ở vào cục diện cuối cùng của cuộc chiến tranh VN, điều khẳng định xác thực là Hoa Kỳ không phải là một nhân vật chính mà đây chỉ là sự xung đột làm chuyển đổi lịch sử giữa một bên phòng thủ là miền Nam và một bên tấn công để xâm chiếm là phía Bắc Việt.

Kỳ 4: Hư cấu về MTGPMN

"*Tại lãnh thổ miền Nam VN, thế lực chống lại chính quyền Sài Gòn và lực lượng quân đội Hoa Kỳ là thế lực nào? Những người đã dùng hình thức quân sự để tấn công quân đội và chính phủ miền Nam là ai?*". Đó là những câu hỏi trực tiếp liên quan đến bản chất của cuộc chiến tranh VN mà mỗi khi đặt vấn đề này, chúng ta cần phải nhận thức cho rõ ràng. Đối với một đặc phái viên của tờ báo Mainichi ở Sài Gòn lúc đó như tôi thì sau khi đặt chân đến đây, đó là những vấn đề trọng yếu hàng đầu mà tôi thường suy nghĩ để tìm hiểu.

Những người đấu tranh ở miền Nam tự xưng là MTGP và thế lực này đã chủ trương rằng chính phủ miền Nam vốn chỉ là một sản phẩm của thực dân Pháp trước đó và sau này trở thành chính quyền bù nhìn của chủ nghĩa đế quốc Mỹ để được nhận viện trợ, vì vậy họ đã tuyên bố chống lại chính phủ miền Nam trong mục đích đánh đuổi ngoại bang, giải phóng dân tộc khỏi ách nô lệ, giành lại độc lập quốc gia.

Vào năm 1960, thế lực này đã chính thức kết thành một tổ chức gọi là MTGPMN. Tổ chức này đưa ra chủ trương rằng những hoạt động của họ là đấu tranh vì tự do độc lập cho dân tộc, chứ không đặt dưới một chủ nghĩa hay ý thức hệ nào khác. So với phía Bắc Việt, họ là một tổ chức riêng biệt của những người dân thuần túy ở miền Nam. Đương thời, MTGPMN đã sử dụng các hình thức quân sự để chiến đấu với chính quyền ông Ngô Đình Diệm, mặt khác họ còn thực hiện không biết bao hành vi khủng bố để tạo áp lực khiến cho chính quyền lúc đó cũng có phản ứng lung lay dao động.

Tuy nhiên, ông Diệm với sự viện trợ của Hoa Kỳ từ trước đó, đã thành công trong việc củng cố thế lực và tăng cường sức mạnh quân đội nên chính quyền miền Nam tương đối tạo được nền tảng vững chắc.

Năm 1969, MTGP tuyên bố thành lập chính phủ CMLTMNVN để khuếch trương thế lực chính trị và tạo thế hiện hữu song hành cùng chính phủ VNCH. Đương nhiên, họ cũng vẫn tuyên bố là *"không hề dính líu với phía Bắc Việt cũng như tại miền Nam không hề có sự hiện diện chiến đấu của quân lính cộng sản Bắc Việt"*.

Những tuyên bố trên đây quả là điều hư cấu vĩ đại, hay nói khác đi đó là sự ngụy tạo lịch sử to lớn do phía Bắc Việt dựng nên vì trong lịch sử hơn 30 năm của cuộc chiến VN từ đầu chí cuối đều là do quân đội Bắc Việt dưới sự lãnh đạo của đảng cộng sản VN gây ra.

Đạo quân này đã giữ một vai trò chính yếu trong tất cả những cuộc tấn công về quân sự lẫn chính trị để chống lại miền Nam VN. Ngoài ra, lồng trong cuộc chiến đấu với mục đích vì độc lập tự do của dân tộc mà họ nêu ra, quân Bắc Việt còn được trang bị bằng những ý thức hệ của chủ nghĩa Mác- Lênin một cách cuồn tín nhằm thực hiện một cuộc cách mạng theo khuynh hướng chủ nghĩa cộng sản. Ngay chính đảng cộng sản VN sau khi chiếm được miền Nam cũng đã bộc lộ một cách trắng trợn đến mức làm cho mọi người phải kinh ngạc về cái gọi là "*cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc*" của MTGPMN vốn thuần túy dân tộc không bị áp đặt dưới một ý thức hệ chính trị nào, khi cho thấy đây chỉ là tấm bình phong ngụy tạo bằng cách khai tử lập tức tổ chức MTGPMN.

Việc những người thực hiện cuộc đấu tranh cách mạng vì lòng tin của họ trên quan điểm chính nghĩa và họ tự đặt ra những điều hư cấu để tác động vào mặt tuyên truyền hầu đạt được mục đích chiến thắng tuy là một điều hết sức tự nhiên, nhưng đối với những người thứ ba đứng ngoài cuộc chiến, tức không có liên hệ gì lại đi thông tin và truyền đạt rộng rãi những điều tuyên truyền mang tích cách hư cấu này thì nó lại là một vấn đề khác.

Đó chính là trường hợp của đa số những người trí thức và giới báo chí truyền thông Nhật Bản. Tuy có nhiều người biết hoặc không biết về sự thật hay sự ngụy tạo của ý nghĩa cuộc chiến tranh VN nhưng dường như tất cả vẫn mặc nhiên chấp nhận và loan tải một cách không suy xét, tức là "*nghe sao nói vậy"*.

Bản thân tôi cũng xuất thân từ môi trường hiểu biết cũng như những nhãn quan chính trị của Nhật Bản rồi sau đó lại được có cơ hội sống tại VN nên việc tôi tương đối nhận thức được mức độ cách biệt giữa sự chân thật và ngụy tạo nơi cuộc chiến VN cũng không có gì là lạ lùng.

Và giờ đây nghĩ lại, quả thật là trong 3 năm rưỡi ở VN đã cho tôi rất nhiều kinh nghiệm về những lường gạt chính trị vĩ đại này qua việc từng chiếc mặt nạ trá hình lần lượt bị rơi xuống phơi bày những sự thật rõ ràng.

Khi quyết định sống ở Sài Gòn, tôi đã cố gắng nhớ tiếng Việt và tiếp xúc với thật nhiều người bản xứ. Đầu tiên, tôi đã hiểu rằng việc người dân ở đây gọi thế lực chống lại chính quyền miền Nam bằng danh từ "*cộng sản*" vốn là điều thông thường. Và ai cũng biết rằng thế lực của cộng sản với phía Bắc Việt thật ra chỉ là một cho nên sự nhận thức này của họ được suy diễn rộng ra như vậy cũng là mang tính cách đương nhiên. Nhưng ở Sài Gòn cũng có người gọi lực lượng cộng sản là lực lượng cách mạng.

Tuy nhiên, trong giới truyền thông Nhật Bản lại thường sử dụng từ ngữ "*lực lượng giải phóng*" để ám chỉ những thành phần chống lại chính phủ miền Nam. Mặc dù tổ chức MTGPMN được gọi tắt là MTGP, nhưng ta không thể nào gán ghép từ ngữ "*giải phóng*" vào những danh xưng như "*quân giải phóng", "phe giải phóng", "lực lượng giải phóng*" để gọi tên các thế lực chống đối miền Nam một cách tùy tiện và chủ quan như vậy được.

Ngay cả giới truyền thông quốc tế như các hãng thông tấn AP, UPI, AFP v.v.., họ cũng chỉ dùng các từ như "*quân Bắc Việt", "phía cộng sản", "việt cộng*" hoặc "l*ực lượng cách mạng*" mà thôi. Theo sự hiểu biết giới hạn của tôi, thì họ không bao giờ sử dụng các từ ngữ *"quân giải phóng", "phe giải phóng", "lực lượng giải phóng*" để nói về MTGP hoặc quân đội Bắc Việt cả.

Do đó, danh xưng MTGP chỉ là một trường hợp đặc biệt, vì ý nghĩa của ngôn từ giải phóng đã mang theo một tác động tâm lý về mặt tuyên truyền rất hiệu quả là cởi mở sự trói buộc để trở thành tự do. Có nghĩa là tự thân của từ ngữ này đã vô hình chung mang một ý nghĩa rất chủ quan.

Trong một cuộc đấu tranh, nếu ta gọi một bên là phe giải phóng thì tất nhiên ta đã coi bên kia là phía trói buộc, đàn áp tự do và chẳng khác nào ta đã nhận định chủ quan để phân chia ra hai bên gồm một bên thiện và một bên ác, trong khi ta lại chưa rõ hư thực thế nào.

Và nếu như vậy thì ta đặt trường hợp ở bán đảo Triều Tiên xảy ra cuộc chiến do phía Bắc Hàn thực hiện việc Nam tiến để đánh lại quân đội Hoa Kỳ và Đại Hàn thì lúc đó giới truyền thông Nhật cũng gọi quân Bắc Hàn là "*quân giải phóng*" hay "*lực lượng giải phóng*" hay sao?

Vì từ trước đến nay, Bắc Hàn luôn đề xướng một cuộc giải phóng để đánh đổ chính quyền Đại Hàn và chủ nghĩa đế quốc Hoa Kỳ. Rõ ràng là khi Bắc Hàn đưa ra chủ trương giải phóng như vậy, ta đã nhận thấy tính phi hiện thực nơi lập trường cực đoan của họ vì khách quan mà nhìn nhận thì Bắc Hàn mới chính là nơi cần được giải phóng.

Ngược lại, đứng trên lập trường dư luận quốc tế, Nhật Bản là một quốc gia đồng minh của Hoa Kỳ lẫn Đại Hàn thì nếu trường hợp Đại Hàn bị bại dưới tay Bắc Hàn, liệu giới truyền

thông có thấy được sự kỳ dị của "*sự giải phóng*" này không? Và lúc đó nên gọi là *"sự kiện*" gì đây?

Tóm lại, những lực lượng đấu tranh tự xưng mình là lực lượng giải phóng, lực lượng cách mạng chỉ phản ảnh sự chủ quan về cách nhìn nơi cuộc chiến đấu mà họ cho là có chính nghĩa. Cũng như nếu nhìn ngược lại từ phe đối lập thì phe giải phóng hoặc phe cách mạng cũng chỉ là những thành phần phản loạn mà thôi. Cho nên khi người thứ ba đứng ngoài cuộc chiến gọi một bên là lực lượng giải phóng thì chỉ cho thấy một sự phán đoán không trung thực và thiên kiến.

Đặc biệt là trong thời gian chiến tranh tại VN tất cả báo chí toàn quốc Nhật Bản đều lấy tin tức liên quan từ hãng thông tấn Kyodo một cách thật cực đoan, mà hãng Kyodo cũng chỉ dịch lại những bài ký sự của những hãng thông tấn ngoại quốc như UPI, AP một cách sai lạc về từ ngữ, vì trong khi nguyên văn tiếng Anh là "*quân Bắc Việt", "quân cộng sản*" thì ban dịch thuật của Kyodo lại chuyển dịch thành "*quân giải phóng", "lực lượng giải phóng*" khiến dư luận Nhật Bản vốn đã mù mờ về cuộc chiến VN càng trở nên lệch lạc thêm nhiều hơn.

Nếu thực sự họ có ý đồ bẻ cong ngòi bút dịch thuật như vậy thì họ đã trở thành những nhà báo thiên kiến quá đáng, không làm tròn chức năng của người ký giả trong lĩnh vực truyền thông quốc tế.

Kỳ 5: Sự bắt đầu của màn chung kết

Ngày 10/3/1975, thị xã Ban Mê Thuột của tỉnh Đắc Lắc ở cao nguyên Trung phần miền Nam Việt Nam sau khi bị quân Bắc Việt đột kích và tấn công dữ dội đã thất thủ. Tính từ ngày này cho đến vỏn vẹn 50 ngày sau đó thì thủ đô Sài Gòn cũng chịu chung số phận như Ban Mê Thuột, đưa đến sự sụp đổ toàn diện của chính quyền miền Nam và mở đầu cho giai đoạn chấm dứt cuộc chiến Việt Nam kéo dài hơn 30 năm.

Việt Nam Cộng Hòa là một quốc gia nhận được viện trợ về kinh tế lẫn quân sự từ Hoa Kỳ một cách liên tục. Tuy một phần lãnh thổ bị quân Bắc Việt chiếm đóng, nhưng quốc gia này vẫn kiểm soát được khoảng 20 triệu dân và có khoảng 1 triệu quân nhân, đồng thời được sự công nhận của hơn 90 quốc gia trên thế giới lúc bấy giờ. Việt Nam Cộng Hòa đã hứng chịu sự de dọa và công kích của phía Bắc Việt trong suốt một thời gian dài để rồi cuối cùng sau một chiến dịch tấn công quân sự quy mô trong vòng 50 ngày của đối phương, quốc gia này đã bị tiêu diệt hoàn toàn. Đây là một sự kiện hiếm có đối với nền lịch sử cận đại của thế giới.

Trong những giai đoạn chuyển biến quan trọng cuối cùng của cuộc chiến tranh Việt Nam, tôi đã có mặt ở Sài Gòn với nhiệm vụ thông tin. Thời gian 3 năm làm công tác phóng viên tại đây, đối với tôi là một chuỗi ngày dài với những bận rộn về viết lách, những lúc di động cấp tốc để bám sát chiến trường, những nỗi khủng hoảng lo sợ về tình hình chiến cuộc căng thẳng, những phẫn nộ về các mưu mô chính trị, những cảm xúc trước tình cảnh bị thương v.v..., tất cả đều là những sự kiện mà đối với sự suy nghĩ thông thường của một đặc phái viên, có nằm trong mơ tôi cũng không thể tưởng tượng được các diễn biến đột ngột và khích động này.

Từng đợt sóng cuồng ào ạt dâng lên trong tình thế dầu sôi lửa bỏng, có lúc tạm lắng yên và tưởng đâu nó sẽ trở lại bình thường nhưng chỉ trong khoảng khắc cường độ sôi động của chiến trường lại tăng lên gấp bội, đưa đến những cục diện phũ phàng. Cuộc chiến tranh Việt Nam là như vậy đó.

Đối với miền Nam, trong ngày Tết Nguyên Đán năm 1975 đã xảy ra một điểm bất thường là việc thị trấn Phước Bình của tỉnh Phước Long cách Sài Gòn khoảng 130km về hướng Bắc đã bị quân Bắc Việt chiếm đoạt . Phước Bình vốn là một thị trấn nhỏ nằm trong vùng núi non hiểm trở. Kể từ khi hiệp định Ba Lê được ký kết, tại nơi đây không xảy ra một cuộc giao tranh quân sự nào cả. Vì thế, đây là một hành động vi phạm trắng trợn điều khoản cơ bản hiệp định Ba Lê của phía Bắc Việt, nhưng họ vẫn tiếp tục mở rộng địa bàn tấn công và sau đó đã làm chủ tình hình toàn bộ tỉnh Phước Long. Trâng tráo hơn nữa là phía Bắc Việt đã tuyên bố rằng vì quân đội miền Nam vi phạm hiệp định Ba Lê nên họ phải tấn công bằng quân sự như vậy. Nhưng về sự kiện này, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu lại có hành động khó hiểu là không cho viện binh đến Phước Long để tiếp cứu.

Xét về mặt chiến lược, Phước Long là một cứ địa nằm dọc theo biên giới Campuchia, có dân số ít ỏi lại thiếu tài nguyên, đồng thời nó cũng nằm sát ngay khu vực của đường mòn HCM nên khá bất lợi trong việc đưa quân đến đây để phản kích lại quân Bắc Việt. Nhưng điều quan trọng hơn là có lẽ ông Thiệu đã muốn chứng minh cho Hoa Kỳ thấy rằng Bắc Việt đang ngang nhiên vi phạm hiệp định Ba Lê và uy hiếp miền Nam, như vậy, Hoa Kỳ sẽ không thể ngưng viện trợ được. Đây chính là một sách lược của ông Thiệu.

Tuy nhiên, phía Hoa Kỳ đã không có một phản ứng gì về việc này, hay nói đúng hơn là ngoài việc lên tiếng chỉ trích, phê phán Bắc Việt vi phạm hiệp định Hoa Kỳ đã không có một hành động can thiệp nào và Quốc Hội Mỹ vẫn tiếp tục chương trình cắt giảm ngân sách viện trợ cho miền Nam. Bởi vì lúc đó, Tổng Thống Nixon, người từng tuyên bố: "Hoa Kỳ sẽ không ngồi yên nhìn Bắc Việt vi phạm hiệp định ngưng bắn", đã phải từ chức sau vụ tai tiếng "Watergate" và dư luận dân chúng Hoa Kỳ cũng đang tạo áp lực mạnh mẽ lên Quốc Hội về việc yêu cầu chính phủ chấm dứt những hành động can thiệp vào Việt Nam.

Đối với những nhân vật đầu não của Bắc Việt thì thái độ của Hoa Kỳ lúc này chính là một yếu tố quyết định trong kế hoạch tấn công quy mô cuối cùng để chiếm lấy miền Nam và nó cũng mang ý nghĩa chiến lược có tầm vóc lịch sử. Theo hồi ký của Văn Tiến Dũng, thời điểm này Bắc Việt đã hoàn tất một kế hoạch tổng tấn công quy mô sau khi phán đoán về phương tiện chiến đấu giảm sút của quân đội Việt Nam Cộng Hòa vì bị Hoa Kỳ cắt giảm viện trợ. Tuy vậy, phản ứng của Hoa Kỳ vẫn còn là chìa khoá quyết định thành bại của kế hoạch tổng tấn công cho nên theo nhận định này thì nếu Hoa Kỳ tiếp tục ứng viện cho miền Nam bằng những cuộc oanh tạc miền Bắc thì quân cộng sản Bắc Việt sẽ có khó cơ hội chiến thắng. Đây quả là một chiến lược khôn khéo tránh đối đầu trực tiếp với Hoa Kỳ của phía Bắc Việt và cũng vì vậy mà họ đã tung quân đánh chiếm Phước Long để dò thử phản ứng của Hoa Kỳ.

Thế nhưng, sau khi chiếm được Phước Long một cách dễ dàng thì Bắc Việt đã đi đến quyết định là cho dù Hoa Kỳ có phản ứng ra sao đi nữa thì họ vẫn không lùi bước. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử cuộc chiến, Bắc Việt đã có một quyết định dứt khoát tấn công triệt để.

Trước đó, vào ngày 8/1/1975, bộ chính trị trung ương đảng lao động Việt Nam, tức đảng cộng sản VN đã dự định trong kế hoạch tấn công nói trên rằng: "Sẽ bắt đầu tổng công kích miền Nam vào mùa Xuân năm 1975 và trong vòng hai năm, tức đến giữa năm 1976 sẽ giải phóng hoàn toàn miền Nam". Tóm lại, cuộc tấn công Ban Mê Thuột vào tháng 3/1975 đã chính thức mở màn cho chiến dịch tổng tấn công này.

Để thực hiện cuộc tổng tấn công, Văn Tiến Dũng đã bí mật rời khỏi Hà Nội vào tháng 2/1975 vào Nam bằng những con đường mòn bí mật mới được thiết lập tại phía Đông dãy Trường Sơn. Tại đây, Văn Tiến Dũng đã trực tiếp chỉ huy những cuộc tấn công bất ngờ vào Ban Mê Thuột và lúc đó ở chung quanh tỉnh Pleiku, một trong các cứ địa hiểm yếu của miền Trung cũng đã bị bao vây chặt chẽ bởi đại quân của Bắc Việt với mục đích ngụy trang cho một cuộc tấn công chính thức vào đây hầu phân tán sự phòng thủ của quân đội VNCH tại Ban Mê Thuột. Tuy nhiên, trên thực tế đã có tới 3 sư đoàn quân Bắc Việt đã hiện diện sẵn để chuẩn bị cho những cuộc tấn công bất ngờ vào Ban Mê Thuột. Trong khi đó, thành phần chủ lực của VNCH là sư đoàn 23 được điều động về Pleiku để tiếp ứng tạo thành một lực lượng phòng thủ hùng hậu duy nhất tại đây.

Điều này cho thấy sự thay đổi mục tiêu tấn công trong lúc có đầy đủ binh lực với thế áp đảo đối phương của Bắc Việt, lần đầu tiên đã trở thành một điều căn bản trong chiến lược của họ. Cùng thời điểm này, tại quân khu 2 bao gồm toàn thể miền Trung, quân VNCH đang hiện diện với quân số tương đương với 2 sư đoàn nhưng Bắc Việt cũng đã phối trí tại đây tới 5 sư đoàn. Với tương quan lực lượng về quân số như vậy, dĩ nhiên là những trận tập kích sau đó vào Pleiku của quân Bắc Việt được coi như sẽ dễ dàng tạo áp lực nặng nề cho quân đội

VNCH. Hơn nữa, Pleiku lại là một cứ điểm quan trọng của Bộ Tư Lệnh Quân Khu 2 VNCH nên ai cũng nghĩ rằng quân đội miền Nam sẽ tử thủ để bảo vệ cứ địa này.

Trong tình thế khẩn cấp như vậy, vào buổi sáng ngày 16/3/1975 khi tôi đang có mặt ở Sài Gòn thì phóng viên kỳ cựu Nguyễn Gia Thôi của đài phát thanh chính phủ miền Nam hớt hãi báo tin cho tôi biết rằng: "Ông ơi, tại Pleiku hình như đã xảy ra chuyện gì rồi, vì đột nhiên những tin tức truyền từ đó về đây đã hoàn toàn bị cắt đứt. Nhưng quân cộng sản vẫn chưa tấn công vào Pleiku kia mà? Thật là khó hiểu quá". Đối với tôi thì đây là một nguồn tin có tính cách liên quan đến biến chuyển lịch sử bại trận hoàn toàn của quân đội miền Nam.

Thì ra, ông Thiệu bỗng nhiên ra lệnh bỏ Pleiku và triệt thoái cao nguyên, rút hết toàn bộ quân đội đang phòng thủ ở miền Trung về Nam. Ông Thiệu đã nhận định là vì Hoa Kỳ cắt giảm viện trợ nên quân đội miền Nam đã không đủ vũ khí đạn dược để chiến đấu cùng quân số hùng hậu của quân BV. Sau khi rút quân từ miền Trung, quân đội VNCH sẽ tập trung để tạo thành tuyến phòng thủ bao bọc các nơi đông dân cư ở ven biển và thủ đô Sài Gòn trong một chiến thuật triệt để tử thủ phần đất miền Nam còn lại.

Thế nhưng, chiến thuật này đã hoàn toàn thất bại vì đội quân triệt thoái của miền Nam đã tựa như những mảnh băng sơn tan rả và bị chôn vùi dưới cơn hồng thủy lánh nạn của người dân miền Trung lúc đó thật ào ạt và mãnh liệt.

Nói khác đi là quân đội VNCH đã mất đi thế lực chiến đấu. Sự kiện này đối với Văn Tiến Dũng chẳng khác nào một cơ hội bằng vàng vì "bất chiến tự nhiên thành" và theo kế hoạch về một tình thế khống chế toàn bộ miền Trung sẽ bắt đầu từ năm 1976 nay lại hoàn thành sớm hơn dự định. Vì vậy, Văn Tiến Dũng đã ra lệnh cho toàn quân Bắc Việt truy kích ráo riết các tuyến đường tháo lui của quân đội miền Nam.

Vào lúc này, Hà Nội đã dốc hết toàn lực để sớm đánh chiếm Sài Gòn bằng cách đưa thêm quân số của quân đoàn 2 cùng dân quân tự vệ vượt qua vĩ tuyến17 để đột nhập Quảng Trị và Huế, đồng thời còn tận dụng cả lực lượng dân quân trừ bị khiến cho số lượng nhân viên trong bộ máy hành chính và sản xuất đã giảm xuống còn 1/3. Nói chung là Hà Nội đã rót hết lực lượng chiến đấu vào miền Nam với tổng cộng 20 sư đoàn dân quân lúc đó đang trên đường Nam tiến.

Kết quả là phía miền Nam đã từ từ mất Huế, Đà Nẵng và các khu vực chung quanh Sài Gòn cũng lần lượt bị rơi vào vòng kiểm soát của quân Bắc Việt.

Trong quá trình này đã có tới mấy triệu người dân miền Nam phải bỏ chạy lánh nạn cũng như có biết bao thảm cảnh bi thương thống khổ đã xảy ra khắp nơi tại miền Nam Việt Nam.

Kỳ 6: Những cảm nhận sâu sắc về sự tàn ác của chủ nghĩa cộng sản

"Lẽ ra hai miền Nam Bắc Việt Nam đã được tiếp tục chung sống một cách lâu dài theo tinh thần của hiệp định đình chiến Genève, nhưng vì phía Bắc Việt đã chủ trương dùng quân sự thôn tính miền Nam nên đã bắt đầu cho một cuộc chiến kéo dài cho đến ngày hôm nay". (Cựu Ngoại trưởng VNCH Trần Văn Đỗ)

Người đã từng 3 lần giữ chức Bộ Trưởng Bộ Ngoại Giao của miền Nam là ông Trần Văn Đỗ, một nhân vật mà thỉnh thoảng gợi lên nơi tôi sự tưởng tượng về hình ảnh của loài chim hạc trắng vì dáng người ông cao ốm, mảnh mai nhưng cử động nhanh nhẹn, cộng thêm mái tóc bạc mềm mại và khuôn mặt trắng, thon dài. Tóm lại, tất cả những biểu hiện bên ngoài nơi ông đã khiến cho tôi có cảm giác như vậy.

Cho đến thời điểm cận ngày Sài Gòn thất thủ, tôi vẫn thường ghé thăm ông và được nghe ông nói chuyện về tình hình chính trị cũng như về mặt ngoại giao của VNCH. Nhà ông ở một căn apartment không lớn lắm nằm trên đại lộ Hồng Thập Tự gần ngay Dinh Độc Lập. Những lúc gặp gỡ như vậy, ông thường nói chuyện rất dài và lúc nào cũng tiếp đãi khách bằng những ly trà nóng thơm mùi hoa lài. Và nếu càng nghe ông phân tích về những biến chuyển tình thế của từng giai đoạn, ta sẽ càng cảm nhận sâu sắc thêm về ý nghĩa của cuộc chiến tranh Việt Nam.

Ông Đỗ sinh năm 1931 tại miền Bắc Việt Nam. Ông đã tốt nghiệp đại học Y khoa tại Paris nên được coi là một trong những nhân tài ưu tú của VN dưới thời Pháp thuộc. Sau đó, ông đã phục vụ cho Pháp lẫn Việt Nam qua cương vị bác sĩ và cho đến năm 1951 khi vua Bảo Đại trở thành nguyên thủ quốc gia thì ông được tuyển nhiệm làm chức vụ Giám Đốc Quân Y. Vào năm 1954, ông Đỗ là người đại diện cho chính phủ miền Nam VN tại hội nghị Génève, đồng thời kiêm luôn chức Bộ Trưởng Bộ Ngoại Giao cho đến năm sau đó, tức năm 1955 khi chính quyền Tổng Thống Ngô Đình Diệm được thành lập.

Sau khi chính quyền ông Ngô Đình Diệm bị lật đổ qua cuộc đảo chính năm 1963 thì đến năm 1965, ông Đỗ trở thành Phó Thủ Tướng trong nội các của Thủ Tướng Phan Huy Quát. Từ đó cho đến năm 1967, mặc dù chỉ trong một thời gian ngắn nhưng ông cũng đã giữ chức Bộ Trưởng Bộ Ngoại Giao lần thứ hai. Với quá trình thay đổi chức vụ của ông Đỗ liên tục như vậy, cũng phần nào cho thấy sự phức tạp của dòng lịch sử cận đại Việt Nam.

Lúc tôi quen biết được ông thì ông cũng đã khoảng 70 tuổi và mỗi khi tôi ngỏ ý được tiếp kiến thì ông đều vui vẻ, sảng khoái nhận lời. Qua những lần gặp gỡ đó, ông Đỗ tuy vốn có trình độ Anh ngữ cao, nhưng ông đã sử dụng lối giải thích thật dễ hiểu để phân tích cho tôi nghe về tình hình và lịch sử VN cũng như những vấn đề liên quan đến cục diện quốc tế. Có lần ông đề cập đến việc quân đội Nhật xâm chiếm bán đảo Đông Dương trong thời Pháp thuộc như sau: "Quân đội Nhật khi đến VN thì kể cả sĩ quan và binh linh đều có một tinh thần kỷ luật cao độ và uy thế của họ đã áp đảo hẳn quân đội Pháp thời bấy giờ. Tôi rất ngưỡng mộ tinh thần tôn trọng kỷ luật của họ".

Đối với tôi, những điều đã được học hỏi từ trước đến nay về hành động xâm chiếm Đông Nam Á của quân đội Nhật được coi như là một chuyện không đúng nên nhận xét của ông Đỗ đã khiến tôi thật bất ngờ. Có lẽ là một người đã từng trải và có nhiều kinh nghiệm về lịch sử

nên ông tỏ ra có lập trường dứt khoát nơi sự thiện cảm đối với tinh thần kỷ luật quân đội Nhật.

Rồi kế đến, những nhận xét của ông về hội nghị Génève lại càng súc tích và sâu sắc hơn. Ông nói rằng với cương vị đại diện cho phái đoàn miền Nam Việt Nam lúc đó, ông đã không có một sự nhượng bộ nào để làm mất danh dự cho quốc gia mình và hội nghị Génève 1954 nhằm giải quyết những vấn đề phức tạp tại Việt Nam trong một tình thế hỗn loạn khi quân đội Pháp đang chiến đấu chống lực lượng Việt Minh do HCM lãnh đạo khởi đầu cho giai đoạn 1 của cuộc chiến tranh Việt Nam.

Trong hội nghị này đã có sự tham dự của đại diện các nước như Ngoại Trưởng Bidault của Pháp, Ngoại Trưởng Eden của Anh, Ngoại Trưởng Motolov của Liên Xô, Ngoại Trưởng Dulles của Hoa Kỳ. Phía Trung Quốc và Bắc Việt cũng cử hai đại diện là Thủ Tướng Chu Ân Lai và Thủ Tướng Phạm Văn Đồng.

Tại hội nghị Genève đã ký kết một bản hiệp định đình chiến giữa các phe tham chiến ở Việt Nam và đưa ra một bản tuyên ngôn cuối cùng quy định về việc tạm thời chia cắt Việt Nam ra làm hai miền và hai năm sau đó sẽ tổ chức một cuộc tổng tuyển cử để thống nhất quốc gia. Nhưng trên phương diện áp buộc của luật pháp quốc tế thì chỉ có việc đình chiến là được thực hiện còn bản tuyên ngôn cuối cùng nói trên thì không một đại diện nước nào chịu ký kết vào đó cả. Hơn nữa, phía Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng Hòa cũng biểu quyết phản đối bản tuyên ngôn này, và vì vậy ông Đỗ đã nhấn mạnh rằng: "Lẽ ra hai miền Nam Bắc Việt Nam đã được tiếp tục chung sống một cách lâu dài theo tinh thần của hiệp định đình chiến Génève, nhưng vì phía Bắc Việt đã chủ trương dùng quân sự thôn tính miền Nam nên đã bắt đầu cho một cuộc chiến kéo dài cho đến ngày hôm nay".

Ông cũng cho rằng qua hiệp định Ba Lê được ký kết năm 1973, trên thực tế Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng Hòa coi như đã đầu hàng quân Bắc Việt: "Hiệp định Génève đã thành công hơn hiệp định Ba Lê rất nhiều vì nó quy định được việc rút quân của phía Bắc Việt và người dân hai miền Nam Bắc đều được tự do chọn lựa nơi sinh sống của mình. Còn thì hiệp định Ba Lê chỉ đề cập đến việc quân đồng minh triệt thoái khỏi lãnh thổ Việt Nam và chấp nhận sự hiện diện của quân xâm lăng Bắc Việt tại miền Nam Việt Nam. Trong khi Hoa Kỳ với 500.000 binh sĩ mà không diệt được quân Bắc Việt, còn chúng tôi với lực lượng đơn độc làm sao có thể thắng được kẻ địch. Tóm lại, với nỗ lực ngoại giao của ông Kissinger vị cố vấn tối cao của một cường quốc hạng nhất thế giới là Hoa Kỳ trong ba năm qua là sự lãng phí vô ích và rốt cuộc chỉ nhận được kết quả là sự đầu hàng mà thôi".

Ông Đỗ đã vạch cho ra cho tôi biết về bản chất thật sự của cuộc chiến tranh Việt Nam, đó là một cuộc chiến được kết hợp bởi sự chiến đấu giành lại độc lập dân tộc với một cuộc cách mạng mang đặc tính chủ nghĩa cộng sản cũng chủ trương giành lại độc lập, nhưng chủ nghĩa cộng sản có thật sự tốt hay không hoặc chủ nghĩa cộng sản có đại diện cho chính nghĩa hay không thì đó còn là một nghi vấn. Hơn nữa, để lật đổ chế độ thực dân tại sao lại chỉ áp dụng phương pháp cách mạng đặc tính của chủ nghĩa cộng sản.

Ông Đỗ còn giải thích rõ cho tôi nghe về lịch sử cuộc kháng chiến chống Pháp.

Sau khi bị đặt dưới ách thống trị của thực dân Pháp kể từ những năm đầu thập niên 1880, tinh thần đấu tranh vì độc lập của người Việt Nam ngày càng dâng cao mãnh liệt. Đương thời, những tổ chức kháng chiến chống Pháp có hệ thống chặt chẽ là Việt Nam Quốc Dân Đảng, Việt Nam Quang Phục Hội, đảng Đại Việt v.v... Vì những tổ chức này không tiêm nhiễm tư tưởng cộng sản nên được gọi là những lực lượng chủ nghĩa dân tộc. Trong khi chủ thuyết Mác Lênin do HCM đề xướng tại Việt Nam, lúc đó đang có những liên hệ mật thiết với khối cộng sản quốc tế. Còn những lực lượng chủ nghĩa dân tộc đối với phe theo chủ thuyết Mác Lênin thì có hai lập trường một là không màng đến, hai là coi như kẻ địch. Và ông Trần Văn Đỗ là một trong những nhân vật tiếp nối hệ phổ của những người đã từng có kinh nghiệm đấu tranh thuộc đảng Đại Việt và Việt Nam Quốc Dân Đảng đương thời đang ở Sài Gòn như ông Trần Văn Tuyên Dân Biểu Hạ Viện Quốc Hội, ông Đặng Văn Sung Thượng Nghị Sĩ Quốc Hội, giáo sư Nguyễn Ngọc Huy v.v...

Sau khi quân Nhật đầu hàng vào năm 1946, các thế lực kháng chiến Việt Nam đã kết hợp lại để thành lập chính phủ liên hiệp kháng chiến và một cán bộ của Việt Nam Quốc Dân Đảng là ông Trần Văn Tuyên đã cho biết về kinh nghiệm liên hiệp với phe HCM như sau: "Trong chính phủ liên hiệp, đảng cộng sản Việt Nam đã dùng tất cả những thủ đoạn để loại trừ các lực lượng theo chủ nghĩa dân tộc".

Âm mưu của đảng cộng sản Việt Nam là, đầu tiên, để chống lại kẻ thù chung thực dân Pháp họ đã kêu gọi sự tập hợp của những lực lượng kháng chiến theo chủ nghĩa dân tộc hầu lợi dụng những thành phần này để bành trước thế lực, sau đó phe cộng sản lại giết hại bất cứ những ai không đi theo chủ nghĩa cộng sản như họ, để độc quyền thao túng vũ đài chính trị tại Việt Nam.

Ông Nguyễn Ngọc Huy và ông Đặng Văn Sung cũng đã đưa ra nhiều bằng chứng xác thực về trường hợp những nhà cách mạng dân tộc không theo chủ nghĩa cộng sản thời đó đã bị phe Việt Minh, tức cộng sản dùng các thủ đoạn tinh vi để lường gạt hoặc sát hại. Tóm lại, đối với những thế lực chính trị không đồng thuận cùng tử tưởng với chủ nghĩa cộng sản thì họ đã cảm nhận đến xương cốt và hiểu biết một cách sâu sắc về bản chất tàn ác của chủ nghĩa cộng sản.

Vào thời điểm cuối cùng tháng 4/1975 trong tình thế nguy ngập, ông Đỗ đã rời khỏi Sài Gòn đi tỵ nạn ở ngoại quốc và cho đến những giây phút cuối ông vẫn lên tiếng chỉ trích, phê phán hành động phản bội đồng minh của phía Hoa Kỳ.

Từ lúc Sài Gòn thất thủ cho đến 15 năm sau đó, tôi vẫn tiếp tục liên lạc với ông Đỗ đã định cư tại Pháp và sống chung với người con trai là bác sĩ có phòng mạch tại Paris. Cứ khoảng hai năm một lần tôi đều đến viếng thăm ông. Nhà ông ở trong một chung cư gần đại lộ Victor Hugo và vẫn như lúc còn ở Sài Gòn ông luôn tiếp đãi tôi bằng những ly trà thơm dịu mùi hoa lài cùng với lối ăn mặc chỉnh tề. Ông phân tích cho tôi nghe chuyện chiến tranh Việt Nam. Mặc dù đã là quá khứ nhưng tôi cứ tưởng như những chuyện đang xảy ra trước mắt mình.

Vào mùa Thu năm 1990, thật là hiếm hoi khi tôi nhận được thư ông nhắn rằng:"Xin mời anh đến để chúng ta cùng nói chuyện". Và tôi lập tức bay sang Pháp thăm ông. Thời điểm này, Việt Nam đang sa lầy vào cuộc chiến Campuchia và tình hình quốc nội đang gặp phải nhiều khó khăn cùng cực. Qua cuộc gặp gỡ này, ông Đỗ có vẻ như già yếu hẳn đi, ông nói: "Việt

Nam hiện nay tựa như một căn nhà đang chìm đắm tai ương hoạn nạn". Cuộc gặp ông lần đó đã để lại trong tôi một tình cảm lạ kỳ, thật khó tả.

Một tháng sau, tôi nhận được tin ông Đỗ đã qua đời.

Kỳ 7: Vai trò lịch sử quái dị của hiệp định Ba Lê

Vào buổi sáng sớm ngày bắt đầu có hiệu lực của hiệp định Ba Lê, bầu trời Sài Gòn được tô điểm bằng những màu sắc xanh trong thật đẹp, tôi đã dùng xe hơi chạy vòng quanh Dinh Độc Lập nên ngắm nhìn được những quang cảnh này. Trong bầu không khí êm đềm lúc đó, những hồi chuông thánh thót vang lên từ Nhà Thờ Đức Bà nằm đối diện với cục Bưu Điện Sài Gòn tựa như báo hiệu chính thức cho cuộc ngưng bắn được quy định nơi hiệp định Ba Lê.

Hiệp định Ba Lê là một bản văn quy định về việc đình chiến và những thủ tục tất yếu để tiến hành việc hòa giải dân tộc giữa hai miền Nam Bắc VN. Đây cũng là một bản văn làm xôn xao dư luận quốc tế về một giải pháp chấm dứt cuộc chiến tranh tại VN.

Ngoài đường phố lúc đó, xe cộ, người ta bắt đầu di chuyển nhộn nhịp và đa số người dân nơi đây đều tỏ vẻ nhẹ nhỏm như trút đi những gánh lo âu mang nặng bấy lâu nay. Riêng tôi cũng cảm thấy thoải mái, thanh thản vì nghĩ rằng từ nay chiến tranh đã thực sự chấm dứt và hòa bình sẽ được tái lập trên mảnh đất Việt Nam đầy đau thương này. Đó là ngày 28/1/1973.

Nhưng sự đình chiến chính thức theo như quy định của hiệp định Ba Lê đã không được thực hiện đúng đắn dù chỉ trong một ngày. Và mỗi điều duy nhất được nghiêm chỉnh thực hiện theo hiệp định này là quân đội Hoa Kỳ đã triệt thoái toàn diện khỏi VN mà thôi.

Trong khi đó, cuộc chiến huynh đệ tương tàn của hai miền Nam Bắc vẫn cứ tiếp diễn cho đến hai năm sau, quân Bắc Việt đã vi phạm trắng trợn hiệp định Ba Lê, xâm chiếm miền Nam bằng các hành động quân sự. Kết quả là họ đã tiêu diệt chính quyền miền Nam. Vì vậy nếu trở lại thời điểm ngày 28/1/1973 nói trên thì những hồi chuông vang lên hôm đó, chẳng khác nào là hồi chuông điếu tang báo hiệu cho sự sụp đổ của miền Nam.

Từ cuối tháng 3/1972 trước đó, qua chiến dịch tổng tấn công của Bắc Việt vào ba thành phố Kontum, An Lộc, Quảng Trị đã trở thành những chiến địa ác liệt nổi tiếng làm chấn động cả thế giới. Tuy thoạt đầu quân Bắc Việt đã chiếm cứ được Quảng Trị và một số nơi khác, nhưng sau đó trước sự phản công kiên cường của quân đội miền Nam, quân Bắc Việt phải tháo lui và không giữ được một thành phố nào đã từng chiếm đóng cho đến hết mùa Xuân năm đó.

Trong suốt thời gian này, quân đội Hoa Kỳ đã trợ giúp cho miền Nam bằng những cuộc oanh tạc và pháo kích vào cứ địa của quân Bắc Việt ở miền Bắc do các oanh tạc cơ xuất phát từ những hạm đội ngoài khơi. Lúc này, tôi cũng bám sát từng chiến trường để thực hiện những bài ký sự nóng bỏng dưới những làn đạn pháo đầy trời. Tại chiến trường Quảng Trị, tôi đã nhặt được tập nhật ký của một binh sĩ quân Bắc Việt tử trận tên Nguyễn Đình Tạo, trong đó có ghi lại rằng anh ta đi chiến đấu nơi chiến trường miền Nam để lại vợ ở Hà Nội và lúc nào cũng tưởng nhớ mùi hoa lài nơi cố hương của mình, vì lý tưởng dân tộc anh ta quyết chiến đấu dù phải hy sinh tính mạng. Khi tôi được người phiên dịch đọc lại cho nghe những điều này thì lần đầu tiên tôi có cảm giác về tính chất của cuộc chiến này là nếu hai bên chịu ngồi lại nói chuyện với nhau thì họ sẽ hiểu rõ nhau hơn.

Sau đó, tình hình sôi động chiến trường đã tạm thời lắng dịu trong lúc tại Sài Gòn, những tin đồn về một cuộc đàm phán đình chiến và việc quân đội Hoa Kỳ rút lui khỏi VN đã bắt đầu lan rộng. Tháng 7/1972, cố vấn Tổng Thống Hoa Kỳ là ông Kissinger đã tổ chức những cuộc đàm

phán bí mật cùng Lê Đức Thọ, ủy viên bộ chính trị trung ương đảng Lao Động, nay là đảng cộng sản. Những cuộc "đi đêm" ngày càng kéo dài với nội dung đàm phán hoàn toàn được giữ kín trong vòng bí mật.

Và cứ mỗi lần đàm phán xong, chính bản thân ông Kissinger hoặc người phụ tá là ông Alexander Haig lại bay đến Sài Gòn để hội đàm cùng Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu trên tư cách là một vị đặc sứ. Những lúc như vậy thì các đặc phái viên như chúng tôi thường đến phi trường Tân Sơn Nhất để phỏng vấn ông Haig hoặc ông Kissinger nhưng tuyệt nhiên cả hai ông đều không tiết lộ một chút nào chi tiết nào liên quan đến cuộc đàm phán cả.

Công việc chính của những người làm phóng viên chiến trường như chúng tôi chỉ là ghi lại những điều tai nghe mắt thấy dưới vòm trời lửa đạn, cho nên các tin tức liên quan đến những nhà ngoại giao và chính trị gia cùng các cuộc tiếp xúc qua lại giữa họ thì công việc của chúng tôi đã trở thành những người đi lượm lặt từng mảnh vụn tin tức để cháp nối thành những suy luận vá víu.

Lúc này, coi như việc Hoa Kỳ muốn rút khỏi Việt Nam một cách toàn diện đã hầu như được minh bạch hóa. Đồng thời, Hoa Kỳ vẫn giữ tư thế viện trợ kinh tế và quân sự cho miền Nam, nhưng còn cuộc chiến đấu với miền Bắc thì sẽ giao lại cho người VN trên tinh thần rút lui trong danh dự và không bỏ rơi đồng minh. Dĩ nhiên là dư luận miền Nam đã phản đối mạnh mẽ những hành động đàm phán qua mặt mình như vậy của Hoa Kỳ và chỉ trích rằng Hoa Kỳ với mục đích đòi Bắc Việt trao trả tù binh cũng như muốn rút quân sớm ra khỏi Việt Nam nên ép buộc chính quyền miền Nam phải ký kết những hiệp định đầy bất lợi. Theo chính phủ miền Nam thì tại sao có điều kỳ quặc là song song với việc quân đội Hoa Kỳ triệt thoái khỏi thì sự kiện bộ đội Bắc Việt với quân số đông đảo đang hiện diện ở miền Nam lại không được đề cập đến?

Trong quá trình phản đối kịch liệt phía Hoa Kỳ về vấn đề này, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đã đặc biệt trọng dụng người cháu của ông là Hoàng Đức Nhã. Ông Nhã là một thanh niên cao lớn, đẹp trai và được đào tạo tại Hoa Kỳ. Với một trình độ Anh ngữ lưu loát, ông Nhã đã đưa ra những nghị luận phản bác lại khuynh hướng triệt thoái của Hoa Kỳ trong tư thế là chẳng thèm coi nỗ lực đi đêm của Kissinger vào đâu cả. Điều này khiến dư luận Hoa Kỳ không có thiện cảm với ông Nhã nhưng ngược lại tại quốc nội, ông Nhã lại chiếm được cảm tình của chính giới và dân chúng miền Nam. Vì vậy, giai đoạn này đã trở thành thế kèn cựa qua lại đưa đến tình trạng không thể nào hình thành được việc ký kết một hiệp định theo ý muốn của Hoa Kỳ.

Về phía Bắc Việt, sau quá trình đi đêm đã tưởng đâu là Hoa Kỳ sẽ ép được chính phủ miền Nam ưng thuận việc ký kết nên đối với cục diện bất thành họ đã bất mãn và vào ngày 26/10/1972 đài phát thanh Hà Nội đột nhiên bộc lộ công khai những chi tiết về thảo án của hiệp định ngưng chiến được thỏa thuận giữa Hoa Kỳ và Bắc Việt trước đó. Việc này đã làm cho Hoa Kỳ bực tức và đi đến quyết định cứng rắn là đe dọa cắt đứt viện trợ nếu chính quyền miền Nam không đồng ý hợp tác về vấn đề này. Tuy nhiên, sau đó Bắc Việt lại đưa ra thêm một số yêu sách khiến Hoa Kỳ càng phẫn nộ và đã dằn mặt bằng một cuộc oanh tạc quy mô trên một số khu vực trung tâm của miền Bắc. Đó là cuộc dội bom vào cuối năm 1972 đến đầu năm 1973 được gọi là "cuộc oanh tạc Giáng Sinh".

Trải qua những giai đoạn như vậy, kết cuộc hiệp định ngưng chiến giữa hai miền Nam Bắc và việc Hoa Kỳ ngưng oanh tạc cùng với việc Bắc Việt trao trả tù binh Mỹ đã được sự đồng ý của các phe tham chiến. Mặt khác, theo hiệp định này về mặt chính trị thì tại miền Nam dưới sự giám sát của quốc tế sẽ tổ chức một cuộc tổng tuyển cử tự do để dân chúng tự lựa chọn chính thể. Thêm nữa, chính phủ miền Nam và chính phủ cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam (CMLTMNVN) sẽ cùng một thế lực chính trị thứ ba trên nguyên tắc ba phe bình đẳng để thành lập nghị hội toàn quốc hòa giải dân tộc, và các thành viên trong nghị hội sẽ ra ứng cử trong cuộc tổng tuyển cử nói trên.

Ngày 27/1/1973, hiệp định này đã được ký kết tại Paris giữa đại diện bốn bên gồm Hoa Kỳ, chính quyền Sài Gòn, Bắc Việt và chính phủ CMLTMNVN với tên gọi chính thức hiệp định về việc chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình tại Việt Nam, hay còn gọi tắt là hiệp định Ba Lê với niềm hy vọng tràn trề về cuộc đình chiến tại Việt Nam.

Trong giai đoạn Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu phản đối việc ký kết hiệp định, chính phủ Nhật Bản đã cực lực phản đối hành động này của ông Thiệu qua lời chỉ trích rằng ông Thiệu chỉ là một thứ trở ngại cho nền hòa bình, đồng thời Nhật Bản với chủ trương là nếu Hoa Kỳ rút quân ra khỏi Việt Nam thì người Việt Nam với nhau sẽ dễ dàng thương lượng và thực hiện việc hòa giải dân tộc, đã gần như là áp đảo tinh thần ông Thiệu qua những lời kêu gọi hãy nhanh chóng ký kết vào hiệp định ngưng bắn Ba Lê.

Nhưng trên thực tế chỉ có việc Hoa Kỳ triệt thoái toàn diện và phía Bắc Việt trao trả tù binh được coi như thi hành đúng đắn theo tinh thần của hiệp định Ba Lê, còn lại những gì gọi là hòa giải dân tộc hoặc lập lại một nền hòa bình vĩnh cửu tại Việt Nam v.v… được ghi trong hiệp định đều là những điều mơ tưởng. Như vậy, hiệp định Ba Lê đã mang một ý nghĩa gì?

Tôi chợt nhớ đến lời nhận định của ông Joe Freed, một ký giả chuyên nghiệp kỳ cựu đã từng sống ở Sài Gòn trên 10 năm của nhật báo New York Daily News, như sau: “Hiệp định Ba Lê? Ồ! Đó chỉ là một sự lường gạt trắng trợn và nó giống như một tấm giấy thông hành cấp cho Hoa Kỳ được phép rời khỏi Việt Nam mà thôi. Việc Hoa Kỳ nhận lại tù binh cũng chỉ là một hình thức tạm thời làm cho vẻ hợp lệ trên mặt giấy tờ. Còn lại sau đó, Hoa Kỳ bỏ mặc cho miền Nam ra sao cũng được, miễn là Hoa Kỳ cứ tiếp tục viện trợ cho miền Nam để giải quyết vấn đề của mình”.

Nhưng Hoa Kỳ đã không viện trợ cho miền Nam như những lời cam kết và hiệp định Ba Lê đã hoàn thành một vai trò lịch sử quái dị, mở đường cho cuộc chiến thắng của quân Bắc Việt cũng như tạo động lực mạnh mẽ cho sự sụp đổ của chính quyền Việt Nam Cộng Hòa.

Kỳ 8: Người phóng viên miệng lưỡi và cuộc chiến thắng vô nghĩa

Lần đầu tiên gặp gỡ ông Bùi Tín, một nhân vật cao cấp trong quân đội Bắc Việt đã làm đảo ngược sự tưởng tượng trong đầu tôi vì tác phong của ông ta thật bình dân qua cách ăn mặc xuề xòa quần áo cũ kỹ. Nhưng phải nhìn nhận rằng ông Tín rất có tài ăn nói, cũng như sự diễn tả điệu bộ của ông khi trình bày vấn đề trông thật linh động và lôi cuốn người nghe.

Tuy thế, đằng sau những câu ứng khẩu đối đáp lanh lẹ, thỉnh thoảng chứa đựng những ý tưởng khôi hài dí dỏm, hoặc châm biếm mỉa mai, người ta cũng cảm nhận được một quyền lực nào đó nơi ông. Hơn nữa, kèm theo những lời nói thao thao bất tuyệt cử chỉ và hành động của ông Tín lúc nào cũng có vẻ như muốn thị uy trước đối phương nên có thể kết luận rằng Bùi Tín đã hoàn thành xuất sắc vai trò của một nhân vật tuyên truyền do phía Bắc Việt đưa ra nhằm tranh thủ dư luận thế giới lúc bấy giờ. Thế nhưng, sau khi Sài Gòn thất thủ, Bùi Tín cũng lại là một nhân vật phê phán mạnh mẽ sự mỉa mai của cuộc chiến thắng mang tính cách lịch sử này. *

Trước thời điểm chính quyền miền Nam hoàn toàn sụp đổ khoảng hai năm, ngày 4/2/1973 với tư cách một phát ngôn viên của phái đoàn quân sự Bắc Việt mang cấp bậc Trung Tá, Bùi Tín đã hiện diện ngay tại thủ đô Sài Gòn. Bởi vì theo kết quả của hiệp định Ba Lê được ký kết vào tháng Giêng 1973, phái đoàn đại diện Bắc Việt đã được phái vào Sài Gòn để hội đàm cùng phía Hoa Kỳ và chính quyền miền Nam về các vấn đề triệt thoái, đình chiến nhằm giải quyết cuộc chiến Việt Nam.

Trong những cuộc hội đàm như vậy, thông thường nhân viên của phái đoàn Bắc Việt chỉ được cho phép hiện diện trong căn cứ quân sự tại Tân Sơn Nhất, nhưng vào ngày 4/2/1973 nói trên họ đã đối diện phái đoàn Hoa Kỳ và miền Nam tại trung tâm thủ đô Sài Gòn lần đầu tiên. Và có lẽ vì trải qua những năm tháng dài của cuộc chiến huynh đệ tương tàn, đại diện của hai miền Nam Bắc đã gặp nhau lần đầu tại chốn công khai như vậy nên thái độ và cử chỉ của đôi bên kể cả những tướng lãnh Hoa Kỳ đều tỏ ra nghiêm nghị và cứng nhắc.

Nhưng chỉ có mình Bùi Tín là khác hẳn với mọi người khi khuôn mặt ông ta lúc nào cũng tươi cười, cử động lại nhanh nhẹn ăn nói hoạt bát và ông ta dùng cả tiếng Pháp lẫn tiếng Việt để trò chuyện cùng các ký giả ngoại quốc cũng như những tướng lãnh đại diện của miền Nam một cách rất tự nhiên thoải mái. Lúc đó, Bùi Tín còn đến trước mặt những sĩ quan cảnh bị của miền Nam đang túc trực tại đó, vỗ vai họ rồi chìa tay ra tỏ lòng thân thiện khiến họ ngại ngùng, nghiêng qua một bên. Trông thấy tình cảnh đó, Bùi Tín liền hướng về phía những ký giả ngoại quốc nói lớn bằng một tràng tiếng Pháp sành sõi: "Chúng tôi đã tích cực như thế này để mưu tìm cách hòa hợp hòa giải dân tộc, quý vị có thấy không nào?".

Tóm lại, Bùi Tín chẳng những đã đóng trọn vai trò của mình trong suốt quá trình hội đàm như vậy mà cho đến gần hai tháng sau đó ông ta lại diễn tiếp một màn xuất sắc. Đó là vai trò đại diện cho Bắc Việt để xác nhận sự triệt thoái cuối cùng của nhóm binh lính và các tướng lãnh Hoa Kỳ tại căn cứ không quân Tân Sơn Nhất vào ngày 29/3/1973.

Trong khi những sĩ quan và quân nhân Hoa Kỳ đứng xếp hàng im lặng và lần lượt bước lên khu trục cơ C-141 thì Bùi Tín với bộ quân phục màu cỏ xanh, hai cầu vai và trước túi áo mang đầy những huân chương quân hàm đỏ chói, đầu đội chiếc kết thật to vừa tươi cười vừa

thoăn thoắt tiến đến bên họ trò chuyện huyên thuyên. Sau khi lượt qua danh sách những quân nhân Hoa Kỳ lên máy bay đến người cuối cùng là Đại Đội Trưởng Bộ Binh, Bùi Tín còn mang tặng ông ta một tấm mành tre sơn phết nhiều màu sắc lộng lẫy và viên Đại Đội Trưởng này vừa nhận món quà kỷ niệm vừa đáp lễ lại Bùi Tín bằng những cái bắt tay thân thiện.

Nhưng thực sự người cuối cùng bước lên máy bay chính là Đại Tá Point O'Dell Tư Lệnh căn cứ Hoa Kỳ tại Tân Sơn Nhất. Lúc đó, vừa trông thấy Đại Tá O'Dell đặt chân lên cửa hông máy bay, Bùi Tín đã nhanh chóng chạy đến bên ông đưa quà kỷ niệm và mời ông bắt tay. Tuy nhiên, Đại Tá O'Dell đã không đáp ứng gì, vừa im lặng lắc đầu vừa cuối mặt tiến lên bậc thang. Với dáng vóc cao lớn tựa như võ sĩ đô vật, nhưng lúc này Đại Tá O'Dell cũng không ngăn được dòng lệ xúc cảm và mọi người tại hiện trường đều nhìn thấy rõ quang cảnh này.

Trong khi đó, trên khuôn mặt Bùi Tín vẫn không dứt những nụ cười khoan khoái và đứng nhìn mãi theo chiếc máy bay C-141 cất cánh bay vút lên không trung cho đến khi mất dạng trong mây. Hình ảnh này đã tạo cho Bùi Tín một tư thế tựa như một người hùng đại diện cho Bắc Việt đánh đuổi những người Mỹ cuối cùng rời khỏi Việt Nam. *

Chưa hết, ở ngay vào thời điểm Sài Gòn thất thủ, Bùi Tín còn diễn thêm một vai trò mang tính cách lịch sử quan trọng. Ngày 30/4/1975, sau khi quân Bắc Việt tiến vào Dinh Độc Lập rồi quản thúc tất cả những viên chức, tướng lãnh cùng Tổng Thống Dương Văn Minh tại đây. Lúc đó, Bắc VIệt đã ủy thác cho Bùi Tín nhiệm vụ xác nhận sự đầu hàng của chính quyền Tổng Thống Dương Văn Minh, trong tư cách một vị tư lệnh quân đội cao cấp của họ hiện diện trong Dinh Độc Lập.

Và kết quả đã được diễn tiến qua cuộc đối thoại ngắn gọn giữa hai bên như sau:

Tổng Thống Dương Văn Minh nói: "Chúng tôi đã ở đây chờ đợi từ sáng sớm để bàn giao quyền hành cho chính phủ cách mạng". Bùi Tín đáp lại: "Các anh không có gì để mà bàn giao cả vì chính quyền của các anh đã bị đánh tan". Sau đó Tổng Thống Dương Văn Minh được đưa đến đài phát thanh và bị ép phải đọc lời tuyên bố đầu hàng.

Ở điểm này, người ta thấy rằng lời tuyên bố "chính quyền của các anh bị đánh tan" của Bùi Tín đã chẳng khác nào một lời cáo tri lịch sử nhằm gửi đến dư luận quốc tế để nhấn mạnh về sự chấm dứt của cuộc chiến tranh Việt Nam.

Riêng tại Hoa Kỳ cho đến nay nếu nói về cuộc chiến tranh Việt Nam thì ngay cả quyển sách được nhiều người đón nhận nhất là "Lịch sử Việt Nam" của tác giả Stanley Karnow cũng đề cập đến vai trò lịch sử của Bùi Tín khi hướng dẫn ông Dương Văn Minh đầu hàng.

Dựa theo những điều căn bản trong quyển sách này, một chương trình phóng sự tài liệu truyền hình do Anh-Mỹ- Pháp hợp tác đã được thực hiện với tựa đề "Việt Nam" và trong phần cuối cùng cũng đã chiếu lại những hình ảnh lúc Tổng Thống Dương Văn Minh đầu hàng kèm theo những lời phỏng vấn của Bùi Tín. Đồng thời, ngay cả chính phía Bắc Việt cũng phải dựa theo lời tường thuật từ các bài ký sự của Bùi Tín để khẳng định cuộc chiến đã được kết thúc một cách êm đẹp qua những lời đối thoại giữa Bùi Tín và ông Dương Văn Minh. Nói cách khác, trên phương diện lịch sử Hà Nội đã chẳng có một dị luận nào đối với lời tuyên bố của Bùi Tín cả.

*

Trong ngày Sài Gòn thất thủ và tiến vào Dinh Độc Lập, Bùi Tín còn mang thêm một tư cách khác là ký giả của báo Quân Đội Nhân Dân, tức cơ quan ngôn luận của quân đội Bắc Việt. Trước kia, vào năm 1945 khi mới 18 tuổi, Bùi Tín cũng đã tham gia tổ chức Việt Minh trong phong trào kháng chiến chống Pháp và gia nhập đảng cộng sản VN. Bố ông Tín sinh sống tại thành phố Huế và từng giữ chức Bộ Trưởng Bộ Tư Pháp trong chính quyền vua Bảo Đại do quân Nhật dựng nên trong thời kỳ Đệ Nhị Thế Chiến, sau đó lại tham gia hội đồng chính phủ của HCM và được bầu làm chủ tịch quốc hội. Qua phần lý lịch, cũng đã cho thấy Bùi Tín xuất thân từ gia tộc danh môn.

Năm 1954, Bùi Tín tham gia trận chiến Điện Biên Phủ với chức vụ đại đội trưởng và bị trọng thương, sau đó Tín được miễn công tác chiến đấu và trở thành một ký giả hoặc đôi khi làm phát ngôn viên của quân đội Bắc Việt. Vì vậy, có lẽ trong cuộc tổng công kích Sài Gòn, Bùi Tín đã kiêm nhiệm luôn vai trò vừa là ký giả vừa là một bộ đội đột nhập vào tới Dinh Độc Lập chăng?

Sau chiến tranh, Tín leo lên tới chức chủ bút tờ Quân Đội Nhân Dân rồi đến năm 1982 lại chuyển qua làm việc cho tờ báo Nhân Dân, cơ quan tuyên truyền của đảng cộng sản VN với chức vụ phó chủ bút tòa soạn (Phó Tổng Biên tập – chú thích của HVR). Ngoài ra, về mặt quân đội Tín còn được thăng lên cấp bậc Đại Tá. Đến đây, có thể nói Tín đã tiến đến tột đỉnh của con đường thăng quan tiến chức và trở thành một trong những nhân chứng lịch sử của Bắc Việt từng chứng kiến cảnh rút quân cuối cùng của người Hoa Kỳ cũng như cảnh đầu hàng toàn diện của chính quyền miền Nam Việt Nam.

Nhưng bước vào thập niên 1990 thì nhà cầm quyền Hà Nội lại đột nhiên công kích họ Bùi bằng cách loan tải trên đài phát thanh quốc doanh của họ những lời lẽ như: “Bùi Tín đã tự tuyên truyền bị đặt về chuyện ông ta là người đầu tiên xác nhận sự đầu hàng của địch tại Dinh Độc Lập”, hoặc thậm chí hơn là: “Những lời tuyên truyền láo khoét của Bùi Tín chẳng khác nào ếch ngồi đáy giếng muốn phình bụng to bằng con bò”.

Chẳng những thế, Hà Nội còn tuyên bố rằng việc Tín đột nhập vào Dinh Độc Lập đã xảy ra sau khi Bắc Việt điều đình cho ông Dương Văn Minh đầu hàng và chuyện Tín bị thương trong trận Điện Biên Phủ là điều hoàn toàn bịa đặt.

Trước sự công kích của Hà Nội, Tín đã trốn sang Pháp xin tị nạn vào năm 1990 và bắt đầu phản kích lại bằng những lời tố cáo đảng cộng sản VN độc tài và đàn áp dân chúng. Trong những lời tố cáo này, Bùi Tín luôn nhấn mạnh đến vấn đề tự do chính trị, tự do kinh tế và đưa ra những tính tất yếu của chủ nghĩa dân chủ và chủ nghĩa đa nguyên.

Vào mùa Thu năm 1991, tôi đã gặp lại Bùi Tín tại thủ đô Washington, Hoa Kỳ. Khi tôi đặt câu hỏi: “Nếu hiện nay ông thường đề cập đến tự do và dân chủ thì ông nghĩ sao về cuộc chiến tranh trước đây đã đánh tan một chính quyền từng nêu cao ý nghĩa của tự do và dân chủ tuy nó không hoàn toàn giống với giá trị quan như ông suy nghĩ?”. Và Bùi Tín đã trả lời như sau:“Cuộc chiến đó là một chiến thắng rỗng tuếch và vô nghĩa, lòng tôi vô cùng đau đớn xót xa khi nghĩ rằng có lẽ nhưng đồng đội của tôi đã hy sinh tính mạng cho sự thắng lợi vô nghĩa này.

Kỳ 9: Bí ẩn nan giải của lịch sử

Lịch sử tựa như một vở kịch lớn mà trong đó có biết bao điều bí ẩn dù trải qua một thời gian dài nhưng vẫn chưa được sáng tỏ. Và những hành động của vị phó Thủ Tướng trẻ Nguyễn Văn Hảo trong thời điểm trước và sau ngày Sài Gòn thất thủ cũng được coi là một trong những điều bí ẩn này.

Lần đầu tiên tôi gặp ông Hảo là vào mùa Xuân năm 1974, tức khoảng một năm trước khi Sài Gòn rơi vào tay quân cộng sản BV. Lúc đó ông giữ chức Tổng Giám Đốc Quỹ Phát Triển Nông Nghiệp của chính phủ miền Nam. Đây chính là thời điểm mà những ảo tưởng về một nền hòa bình thực sự do hiệp định Ba Lê mang lại đã được dư luận đặt niềm tin mạnh mẽ và chính phủ cùng các xí nghiệp Nhật Bản cũng đặt kỳ vọng rất nhiều vào tương lai phát triển kinh tế của miền Nam VN. Do đó, với học vị tiến sĩ tốt nghiệp tại hai trường đại học nổi tiếng là Harvard của Hoa Kỳ và Genève của Thụy Sĩ, ông Hảo được coi là một kinh tế gia hàng đầu tại miền Nam VN và rất được chính quyền Sài Gòn trọng dụng.

Qua cuộc phỏng vấn, tôi đã lắng nghe ý kiến của ông Hảo về những triển vọng tươi sáng của nền kinh tế miền Nam VN. Ông Hảo đã để lại ấn tượng nơi tôi về một nhân vật đặc biệt với cặp kính cận dầy và là người có đầu óc rất nhạy bén khi trả lời những câu hỏi từ giới phóng viên chúng tôi. Vào cuối năm 1974, qua sự lựa chọn cẩn thận và sự tín nhiệm của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu, ông Hảo được giao chức vụ phó Thủ Tướng đặc trách về kinh tế kiêm Bộ Trưởng Bộ Canh Nông & Kỹ Nghệ. Do chỉ ở vào lứa tuổi 30 nên ông Hảo được dư luận ngưỡng mộ và gọi ông là vị phó thủ tướng thanh niên.

Và ông Hảo còn có nhiều hành động kỳ lạ hơn trong lúc chính quyền Sài Gòn đang trải qua những cơn sóng gió đưa đến cảnh diệt vong.

Vào ngày 21/4/1975, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố thoái nhiệm rồi sau đó cùng Thủ Tướng Trần Thiện Khiêm và thân nhân của họ rời khỏi VN. Lý ra, với chức vụ là một phó Thủ Tướng trong chính quyền Tổng Thống Thiệu, việc ông Hảo rời bỏ VN đi lánh nạn tại ngoại quốc là điều bình thường đương nhiên. Nhưng trên thực tế, ông Hảo vẫn ngang nhiên ở lại và còn mạnh dạn tham gia trong quá quá trình chuyển giao quyền lực cho chính quyền mới ngay sau đó.

Sau khi TT Nguyễn Văn Thiệu từ chức, Phó TT Trần Văn Hương lên kế nhiệm chức vụ nguyên thủ quốc gia và yêu cầu phía Bắc Việt đàm phán về một thỏa thuận đình chiến. Thế nhưng BV đã từ chối cho rằng dù ông Thiệu đã từ chức nhưng trên cơ bản chính quyền của TT Trần Văn Hương vẫn còn là cơ chế thuộc chính quyền TT Nguyễn Văn Thiệu. Đồng thời, BV còn có những tuyên bố lấp lửng có vẻ như muốn cho dư luận thấy rằng họ chỉ đồng ý thương thảo với một chính quyền thuộc thành phần thứ ba của ông Dương Văn Minh. Nhưng thực sự, đây là chỉ là một hình thức đánh lừa dư luận miền Nam và thế giới.

Tuy vậy, vị đại sứ Pháp tại miền Nam VN là ông Jean Mérillon lại phán đoán rằng phía BV sẽ chịu đàm phán theo điều kiện này nên đã dùng đủ mọi cách khuyên TT Trần Văn Hương từ chức. Và không hiểu tại sao ông Hảo lại có liên quan mật thiết đến tình hình phức tạp trong giai đoạn này qua vai trò con thoi với những nỗ lực điều đình thương lượng giữa TT Trần Văn

Hương, đại sứ Jean Mérillon, tham tán viên cố vấn kinh tế Denny Ellerman của tòa đại sứ Hoa Kỳ.

Theo lời tuyên bố của ông Hảo thì lúc ban đầu ông cũng hoài nghi về sự phán đoán của Pháp nhưng sau đó ông cũng tin rằng việc thành lập chính quyền Dương Văn Minh là con đường duy nhất để sinh tồn.

*

Vào buổi tối 24/4/1975, tôi đã ngồi xem ông Hảo xuất hiện trên truyền hình với những lời kêu gọi và trấn an người dân miền Nam rằng: "Mọi người hãy bình tĩnh vì sự bình tĩnh và tinh thần tôn trọng kỹ luật là điều cần thiết nhất trong lúc này. Chúng ta không cần phải bỏ chạy. Bản thân tôi xin thề là sẽ ở lại Sài Gòn và gia đình tôi cũng vậy". Lời thề hứa và thái độ tỏ vẻ chân thật của ông Hảo đã phần nào tạo được sự tin tưởng nơi dân chúng.

Lúc đó, trong chính quyền TT Trần Văn Hương, ông Hảo cũng tạm thời tiếp nhận vai trò thay thế Bộ Trưởng Kinh Tế. Và chính nhờ vai trò này ông Hảo đã ngăn chận việc vận chuyển một số lượng lớn vàng khối của chính phủ VNCH ra hải ngoại. Qua đó, những lời phát biểu và hành động của ông Hảo trong quá trình cản trở việc đưa vàng ra ngoại quốc cho đến nay vẫn còn những điều bí ẩn.

Vào thời điểm đầu tháng 4/1975, chính phủ miền Nam VN đang sở hữu 16 tấn vàng khối có trị giá đương thời khoảng 1 trăm mấy chục triệu mỹ kim. Trong lúc tình thế ngày càng nguy ngập, ngân hàng trung ương đã có kết hoạch chuyển số vàng này từ ngân khố quốc gia sang ngân hàng New York hoặc Génève nhờ cất giữ dùm. Lúc đó, việc các quốc gia đang phát triển gửi vàng cho những ngân hàng ngoại quốc là chuyện bình thường. Ban đầu, ngân hàng trung ương được sự đồng ý của Tổng Thống và chuẩn bị xúc tiến việc thuê một chuyến bay của Thụy Sĩ để vận chuyển vàng. Đây được coi là kế hoạch khẩn cấp dự trù cho trường hợp nếu Hoa Kỳ ngưng viện trợ thì chính phủ miền Nam VN sẽ dùng số vàng này để mua vũ khí đạn dược đáp ứng cho cuộc chiến tự vệ trước sự xâm lăng của quân BV.

Tuy nhiên, trong lúc tình hình chiến sự leo thang, phía Thụy Sĩ đã từ chối vận chuyển số vàng này với lý do là không bảo đảm được mức độ an toàn cho chuyến bay. Vì vậy, chính phủ Sài Gòn đã nhờ Hoa Kỳ vận chuyển bằng máy bay quân sự qua lời yêu cầu chính thức từ TT Trần Văn Hương gửi đại sứ Hoa Kỳ tại miền Nam VN là ông Graham Martin. Theo đó, kế hoạch vận chuyển được xếp đặt chu đáo là vàng khối sau khi được bao bọc kỹ lưỡng sẽ đưa lên các máy bay quân sự của Mỹ xuất phát từ căn cứ Clark ở Philippines bay đến căn cứ Tân Sơn Nhất. Thế nhưng, ngay trong lúc số vàng sắp được chuyển đi thì ông Hảo lại xen vào, cản trở kế hoạch này bằng cách thuyết phục TT Trần Văn Hương rằng nếu sau khi chính quyền ông Dương Văn Minh được thành lập mà họ biết được kế hoạch này thì ông Hương sẽ bị buộc tội phản quốc. Do đó, kế hoạch đưa vàng đi đã bị xoay hướng.

Liên quan đến sự kiện này thì những lời chứng ngôn sau đó của các nhân vật can dự đều có nhiều điểm khác biệt. Nhưng điều xác thực là ông Hảo đã ra tay ngăn chận việc chuyển 16 tấn vàng ra khỏi Sài Gòn, ngay trước giờ chính quyền miền Nam sụp đổ.

*

Cũng trong lúc này, vào ngày 28/4/1975 tôi đã nhìn thấy ông Hảo tại một góc phố Sài Gòn. Ông Hảo ngồi ở phía sau trong chiếc xe hơi Citroen màu trắng, đưa cặp mắt bình thản nhìn quang cảnh bên ngoài hai ven đường trong khi hầu hết dân chúng Sài Gòn đều đang tất bật tìm cách di tản. Phía sau xe của ông Hảo là chiếc xe Jeep chở những người lính cận vệ mang vũ khí. Trông ông Hảo vẫn còn giữ được phong cách của một vị Thủ Tướng. Dường như ông Hảo cũng đã nhìn thấy tôi đang đứng trên đường. Và sau đó tôi đã hiểu ra rằng tại sao trong lúc đang ngồi trong chiếc xe chạy chậm rãi thì ông Hảo chợt một thoáng biến sắc với vẻ mặt mất đi nét trầm tĩnh. Bởi vì, chỉ hai ngày sau đó tức ngày Sài Gòn thất thủ, tôi đã gặp lại ông Hảo trong Dinh Độc Lập.

Cùng với thành phần viên chức cao cấp của chính quyền ông Dương Văn Minh đã đầu hàng quân BV, ông Hảo cũng bị câu thúc tại nơi đây như họ. Trong một căn phòng tại đây, tôi nhìn thấy ông Hảo ngồi im lặng với dáng điệu suy tư trầm ngâm. Nếu không phải một thành phần quan trọng trong chính quyền ông Dương Văn Minh, có lẽ ông Hảo đã không xuất hiện tại Dinh Độc Lập vào lúc này. Và đây cũng là một điều bí ẩn.

Sau ngày Sài Gòn thất thủ, ông Hảo được chính quyền mới khởi dụng với tư cách nhà cố vấn kinh tế. Không hiểu có phải vì chính quyền mới muốn sử dụng kiến thức kinh tế của ông Hảo hoặc thưởng công cho ông trong việc ngăn chận gửi vàng ra nước ngoài mà so với các giới chức cao cấp của cựu chính quyền, ông Hảo lại được Hà Nội hậu đãi đặc biệt nhất.

Tuy nhiên, vào 7 năm sau là năm 1982, ông Hảo, sau khi được nhà đương cuộc Hà Nội cho xuất ngoại, đã rời khỏi VN. Tại nơi trú ngụ đầu tiên là nước Pháp, ông Hảo tuyên bố: "Tôi đã kỳ vọng vào việc hòa hợp hòa giải dân tộc, nhưng lại thất vọng trước sự độc tài chính trị của chủ nghĩa cộng sản". Đến năm 1984, ông Hảo sang định cư tại Hoa Kỳ nhờ sự bảo lãnh của gia đình.

Tóm lại, cứ mỗi lần nhớ lại quá trình hành động của ông Hảo trong tình hình phức tạp trước và sau ngày Sài Gòn thất thủ, tôi lại thấy đó là điều càng bí ẩn hơn.

Kỳ 10: Nữ kịch sĩ Kim Cương là ai?

Khi viết về cuộc chiến tranh VN thì trên quan điểm của kẻ chiến thắng lẫn người chiến bại đều ghi lại trong sử liệu của mình những điểm rõ ràng minh bạch và những điều mơ hồ khó hiểu khi đối chứng với lịch sử. Tiền đề này đã được nêu lên trong phần đầu của loạt bài ký sự "Sài Gòn Thất Thủ" để chúng ta có một cái nhìn trung thực hầu tìm hiểu và nhận định đúng đắn về cuộc chiến tranh VN.

Trường hợp nói về Kim Cương (KC), một nữ diễn viên kịch nghệ nổi tiếng ở miền Nam cùng những hoạt động của cô ta có liên quan đến các sự kiện quan trọng và biến cố Sài Gòn Thất Thủ cũng là những điều mơ hồ mà người ta muốn tìm hiểu.

Lần đầu tiên tôi gặp cô KC trong một buổi tiếp tân và sau khi đám đông người vây quanh cô tản đi tôi mới thấy cô đứng một mình. Đó là vào dịp mùa Xuân năm 1973, sau khi hiệp định Ba Lê được ký kết, chính phủ Nhật Bản đã gửi một phái đoàn văn hóa đến thăm miền Nam trong tinh thần gặp gỡ một nước VN thời hậu chiến. Chính quyền Sài Gòn đã tổ chức một buổi tiếp tân để chào đón phái đoàn văn hóa Nhật Bản tại Pen Club, một hội trường nằm trong trung tâm TP Sài Gòn. Trong phần nghi thức tại hội trường, có người phụ nữ xuất hiện với chiếc áo dài màu trắng thuần khiết nhưng nổi bật những nét lộng lẫy kiêu sa đã đến chào hai vị niên trưởng đại diện phái đoàn Nhật Bản là ông Morita và ông Miura một cách thật lịch sự.

Cho đến khi thấy người phụ nữ này đứng một mình với nụ cười dịu dàng tôi không dằn được tính hiếu kỳ đến bên cô ta vào chào xã giao bằng một câu Anh ngữ.

"Xin lỗi, tôi không biết nói tiếng Anh", cô ta đã trả lời tôi bằng Pháp ngữ vvới một giọng phát âm chuẩn xác và êm dịu. Sau đó, nhờ có sự góp mặt của một đặc phái viên báo Sankei tại Sài Gòn rất thông thạo tiếng Pháp là ký giả Kondo, chúng tôi đã nói chuyện về văn nghệ và nền điện ảnh của miền Nam. Đến khi ký giả Kondo nói nhỏ vào tai tôi rằng người phụ nữ này chính là nữ kịch sĩ KC nổi tiếng khắp miền Nam thì tôi mới giật mình vì ấn tượng ban đầu của tôi về cô ta đã quá đơn giản. Tôi không ngờ cô ta là một nhân vật đặc biệt như vậy.

KC xuất thân tại tỉnh Gò Công trong một gia đình có ba đời đều đi theo ngành diễn kịch và từ thuở bé KC đã sớm làm quen với sân khấu kịch nghệ. KC chẳng những đã thể hiện tài năng xuất sắc qua các vở bi hài kịch tâm lý, xã hội thời đại mà trên lĩnh vực truyền hình và điện ảnh cô còn là một nữ nghệ sĩ trứ danh, nổi tiếng khắp toàn quốc. Sở trường của KC là chuyên thủ diễn vai chính của nhân vật gặp phải định mệnh éo le, khắc nghiệt nhưng lúc nào cũng lạc quan không chịu thua số phận và luôn nhẫn nại, cố gắng vượt qua những thử thách to lớn để đạt đến nguyện vọng cuối cùng.

Có lẽ qua điều này, KC đã muốn nói lên sự đồng cảm với thân phận của đa số phụ nữ VN thời bấy giờ trong bối cảnh một quốc gia chịu nhiều bất hạnh do hậu quả chiến loạn kéo dài. Chính vì vậy mà chương trình thoại kịch KC xuất hiện đều đặn trên đài truyền hình Sài Gòn thời đó đã thu hút được nhiều sự ái mộ của khán giả. Tuy nhiên, đàng sau hậu trường sân khấu KC lại có một đời tư sinh hoạt rất cô đơn trong hoàn cảnh độc thân chưa lập gia đình.

Tôi đã đến nhà cô xin phỏng vấn và thực hiện một bài ký sự về nền kịch nghệ cũng như điện ảnh của miền Nam lúc đương thời. KC đã mời tôi dùng cơm tối và trong lúc nói chuyện cô ta cũng cố gắng chịu đựng những câu phát âm bập bẹ bằng tiếng Việt lẫn tiếng Pháp của tôi. Đồng thời, cô cũng chỉ cho tôi biết rất nhiều về phong tục tập quán của người miền Nam cùng những nét đặc trưng của xã hội Sài Gòn. Một nhân vật diễn viên nổi tiếng lúc đó ở Sài Gòn như KC mà hoàn toàn không nói được tiếng Anh thì quả là điều hiếm có.

KC nói rằng dù sao đi nữa thì cô không thể nào có được một chút thiện cảm với Hoa Kỳ và cô cũng lên tiếng phê phán sự hạn chế kịch nghệ của chính quyền ông Thiệu.

"Tôi hoàn toàn không có một hy vọng gì ở tương lai cả. Cho nên, nếu tôi chết bất cứ lúc nào đi nữa thì cũng là một điều tốt thôi", KC tâm sự.

Khi nge từ chính miệng một kịch sĩ nổi danh và được nhiều sự ái mộ nồng nhiệt của mọi người thốt lên những điều bi quan chán nản như vậy, tôi không khỏi bàng hoàng sửng sốt. Sau đó, vì công việc bận bịu tôi không có dịp gặp lại KC và chỉ nghe được tin là cô đã lập gia đình cùng một người đàn ông dưới tuổi mình tên là Túc, Trung Úy Hải Quân thuộc lực lượng trừ bị của quân đội VNCH.

Sau ngày Sài Gòn thất thủ đúng một tuần lễ, tôi lại gặp KC vào ngày 7/5/1975 tại Dinh Độc Lập cũ trong một buổi tập họp để chào mừng chiến thắng của quân BV. Lúc này, hầu hết những nghệ sĩ tài tử nổi tiếng của miền Nam đã đi ra ngoại quốc nên sự hiện diện của KC trở thành một khuôn mặt nổi gây nhiều chú ý cho các ký giả ngoại quốc như chúng tôi.

KC xuất hiện trong chiếc áo dài màu xanh đậm và qua những tia nắng gắt chiếu rọi từ ngoài sân, tôi đã nhìn thấy những vết nhăn ẩn hiện nơi khoé mắt trên khuôn mặt của cô. Khi nhìn thấy tôi, KC nở một nụ cười hiền hòa và phía trên chỗ cô đang đứng là một tấm băng rôn có ghi hàng chữ: "Hội Liên Hiệp Nghệ Sĩ Yêu Nước".

Sau đó, tôi cũng có gặp hai vợ chồng KC một vài lần. Qua đó, cô thường tỏ lời hoan nghênh sự chiến thắng của chính quyền mới nên tôi không hiểu là cô có thực tâm khi nói như vậy không?

Tuy nhiên, trong khoảng thời gian này, KC rất được chính quyền mới trọng dụng qua việc cô được tuyển chọn là thành viên của ủy ban quân quản TP Sài Gòn trước đó và ủy ban nhân dân cách mạng TP sau này. Từ đó, những lời đồn về việc KC là một cán bộ cộng sản nằm vùng, trên thực tế đã mang cấp bậc Trung Tá của lực lượng quân đội BV ngày càng lan rộng.

Khoảng một thời gian ngắn tiếp đó, vào một buổi sáng nọ tôi cũng tình cờ gặp lại KC. Cô ta liền bảo rằng thật là đúng lúc và mời tôi dùng điểm tâm tại một quán ăn nhỏ nằm sát ngay chợ Bến Thành rồi nói: "Chồng tôi đã bị bắt đi học tập cải tạo, tôi không biết phải làm sao bây giờ".

Thì ra nhà cầm quyền cộng sản đã bắt đầu một cuộc cải tạo tư tưởng bằng cách giam giữ các cựu quân nhân, viên chức của chính quyền miền Nam tại những trại tập trung ở vùng rừng núi.

“Nếu cô là một chiến sĩ của phe cách mạng thì chồng cô lẽ ra phải được hưởng những ưu đãi khác biệt chứ?”, tôi đã hỏi KC như vậy nhưng cô ta đã phủ nhận và cho biết đó là những chuyện bịa đặt, hoàn toàn vô căn cứ và biểu hiện của cô lúc này trông buồn bả, ưu sầu cộng thêm những nét dè dặt có vẻ như lo sợ. KC cũng hỏi ngược lại tôi rằng: “Thế thì anh nghĩ gì về việc chính quyền mới tại sao lại ưu đãi một người đã sống dưới chế độ cũ như tôi?”.

Nhưng quả thật sau đó, KC với tư cách là một kịch sĩ đã rất được nhà cầm quyền cộng sản VN trọng dụng vì trong khi tất cả những đoàn kịch được thành lập từ trước của miền Nam đều bị cấm hoạt động thì chỉ mỗi đoàn kịch KC là được nhìn nhận và cho phép lưu diễn. Vào tháng 8/1975 lần đầu tiên sau khi Sài Gòn thất thủ đoàn kịch KC đã tái xuất hiện trước công chúng tại tòa nhà Quốc Hội cũ bị đổi thành nhà hát lớn thành phố, qua vở tuồng được coi là kiệt tác chủ lực của đoàn kịch này mang tựa đề “Lá Sầu Riêng”.

Trong vai một thiếu nữ nghèo khổ, KC đã diễn xuất thật thần kỳ bằng những giọng nói ngọt ngào, chất phát đặc thù của thổ âm người miền Nam cùng với những điệu bộ diễn đạt các khía cạnh tâm lý buồn, vui, hờn, giận, cảm, thương một cách thật xuất sắc nên khiến khán giả phải khóc cười theo từng pha diễn xuất của cô.

Thời gian thấm thoát trôi qua, đúng 23 năm sau tại Sài Gòn nay đã đổi tên, tôi đã tái ngộ cùng KC vào tháng 9/1998. Trải bao ngày tháng, nhưng dáng vẻ bên ngoài của KC vẫn không có gì là thay đổi cho mấy khiến tôi càng ngạc nhiên sửng sốt.

Lúc đó, KC còn là người trông coi một đoàn kịch với nhân số tới 70 người nhưng cô cho biết rằng khán giả ngày nay đã không còn yêu chuộng bộ môn kịch nghệ như xưa nữa. KC đã ly hôn, còn người con trai của cô cùng ông Túc cũng đã trưởng thành và đi du học ở Canada. Cô còn cho hay rằng người con này lúc nhỏ đã từng bị bắt cóc và súyt chút nữa thì mất mạng.

Tuy vậy, KC vẫn nhấn mạnh là nước VN đang có những bước tiến căn bản vững chắc. Mặt khác, cô cũng đã đặt một câu hỏi tế nhị với tôi là: “Trong thời điểm ngay trước lúc chiến tranh kết thúc, bản thân tôi đã không biết phải xử trí như thế nào mới gọi là đúng. Nếu như lúc đó tôi hỏi anh câu này, anh sẽ trả lời ra sao?”.

Lần này thì đến lượt tôi cũng không thể nào hiểu được sự chọn lựa về tương lai của KC ở trước và sau khi Sài Gòn thất thủ. Thật sự cô ta là ai và đã nghĩ những gì?....

Kỳ 11: Cảm nghĩ của người dân về chính quyền Sài Gòn và MTGPMN

Trong thời gian sống tại miền Nam VN, một vùng đất chiến tranh lửa đạn triền miên, tôi đã cố gắng tìm hiểu xem những thường dân tại đây họ nghĩ gì về cuộc chiến dai dẳng này. Vì lý do đó, nên trong thời gian hoàn toàn chưa hiểu rõ vấn đề tôi đã học tiếng Việt và làm quen với những phong tục tập quán nơi này hầu tạo thêm điều kiện để tìm hiểu cho cặn kẽ. Và cứ mỗi lần hiểu biết thêm một vấn đề tôi lại càng thêm ngạc nhiên trước những sự thật đang diễn ra hàng ngày tại đây.

*

Hầu hết những người tôi đã tiếp xúc và hỏi thăm thì họ đều cho rằng không ưa thích chính quyền của ông Thiệu nhưng đối với cộng sản thì sự chán ghét của họ còn tăng gấp bội. Đặc biệt là ít thấy ai bày tỏ sự căm ghét hay sợ hãi quân đội Hoa Kỳ và có thể nói ngược lại là đa số dân chúng đều có thiện cảm đối với Hoa Kỳ. Như vậy, rõ ràng là những điều tôi nhận thức được tại Nhật Bản đã hoàn toàn không đúng với sự thật ở đây. Tại sao báo chí Nhật Bản lại nhận định vấn đề sai lệch như vậy? Đương nhiên là một câu hỏi quay cuồng trong đầu tôi bắt đầu từ đó.

Thật ra thì lần đầu tiên nghe được những người dân miền Nam trình bày ý kiến như trên, tôi đã nghĩ rằng họ nói dối vì đối với luật pháp của VNCH, MTGPMN là một tổ chức nằm ngoài vòng pháp luật cho nên nếu họ tỏ vẻ ủng hộ thì sẽ bị quy tội phạm pháp và muốn tỏ bày cho người ngoại quốc vốn đã không hiểu rõ vấn đề thì lại càng thêm phần nguy hiểm.

Hơn nữa, tôi lại nghĩ rằng những người thực sự không có thiện cảm với phe MTGPMN chỉ là thuộc tầng lớp giàu có. Vì thế, tôi lại càng muốn tìm hiểu thật kỹ lưỡng chuyện này. Nhưng càng tiếp xúc với nhiều giai tầng trong xã hội cũng như càng nhớ tiếng Việt bao nhiêu thì tôi càng thấy được sự chán ghét, sợ hãi, kinh khiếp của họ đối với lực lượng tự xưng là cách mạng, tức MTGPMN bấy nhiêu.

Lúc này, tôi đã hiểu rõ đó là những tiếng nói và sự suy nghĩ chân thật của họ.

Chẳng hạn như trường hợp của một cô gái khoảng 20 tuổi, tên Mai, đang làm việc tại một tiệm bán đồ trang trí Tây phương ở Sài Gòn và là bạn của một nữ nhân viên người VN đang làm việc trong văn phòng tòa soạn của tôi.

Mai đã thuật lại kinh nghiệm bản thân thời thơ ấu với phe cách mạng như sau:

“Năm tôi 10 tuổi thì đã những người du kích của MTGPMN vì họ biết cha mẹ tôi có một tiệm buôn lớn ở Mỹ Tho nên đòi gia đình tôi phải trả tiền chuộc. Lúc bấy giờ những vụ bắt cóc như vậy xảy ra rất là nhiều. Trong 5, 6 ngày liền tôi đã bị họ trói chặt tay chân, bịt mặt lại rồi nhốt tại một đảo nhỏ ở miền Tây. Cùng bị giam giữ với tôi tại nơi này có một người đàn ông đã bị họ sát hại. Và có lẽ suốt đời tôi không bao giờ quên được tiếng kêu la kinh hãi của ông ta khi bị những người của MTGPMN giết chết. Người đàn ông nói trên, có lẽ vì phản bội lại những đồng chí của mình nên bị hành quyết và ông ta bị đâm bởi một vật gì rồi thét lên những tiếng kêu thất thanh trước khi tắt thở. Sau đó, nhờ cha mẹ cô Mai trả tiền chuộc nên cô được phóng thích nhưng những tiếng kêu la của người đàn ông nọ lúc nào cũng như văng vẳng bên tai và Mai không thể nào quên được những âm thanh khủng bố sợ hãi đó."

Cô Mai đã cho tôi biết như vậy.

Dĩ nhiên là trên thực tế phía chính quyền miền Nam cũng đã từng giết hại kẻ địch và phía quân đội Hoa Kỳ cũng tổ chức những cuộc truy sát quân du kích của MTGPMN qua các chiến dịch quân sự, bởi vì chiến tranh vốn là một cuộc tàn sát lẫn nhau. Tuy nhiên, nếu chỉ đưa ra một mặt của vấn đề nói về những gì gọi là chính nghĩa nhân từ của phe cách mạng rồi vội vàng kết luận dân chúng ủng hộ cách mạng thì quả là một điều không công bằng và không trung thực.

Mặt khác, nếu nhìn thấy trên những cánh tay của một số chiến sĩ trẻ thuộc quân đội VNCH có xâm hàng chữ "sát cộng" thi ta sẽ cảm nhận được lòng hận thù sâu sắc được hình thành theo ngày tháng kéo dài của cuộc chiến này. Bởi vì họ là những người có thân nhân, bạn bè đã hy sinh trong cuộc chiến.

Một điều quan trọng trong cuộc chiến tranh VN là sự sát hại lẫn nhau đã không phân biệt riêng nơi chiến trường mà còn lan rộng đến người thường dân nên nó đã trở thành một hình thái rất phức tạp. Nếu ta nhận định được trên qian niệm rộng rãi như vậy về cuộc chiến này, ta sẽ càng hiểu rõ tại sao đa số dân chúng miền Nam tuy không mấy hài lòng với chính quyền ông Thiệu nhưng lại càng chán ghét và sợ hãi phe cách mạng cộng sản nhiều hơn.

Thế nhưng, có thể nói một cách chắc chắn rằng những nguyên nhân đưa đến sự sợ hãi căm ghét này xuất phát từ sự cảm nhận trực tiếp của người dân chứ không phải họ bị ảnh hưởng tuyên truyền hoặc tự nhận thức trên một phương diện lý luận nào cả. Ngoài ra, đối với đa số thị dân Sài Gòn, việc họ trình bày những nhận thức chính trị của mình về đặc tính của thể chế cộng sản như quyền tự do và quyền tư hữu cá nhân bị hạn chế, bị tước đoạt, hoặc các phần tử đối lập với cộng sản sẽ bị tiêu diệt v.v...rất là ít ỏi.

Vì vậy, giới quan sát ngoại quốc và dư luận quốc tế đều có cảm nhận rằng sự căm ghét phe cách mạng cộng sản của người dân là do ảnh hưởng từ những chính sách tuyên truyền của chính quyền ông Thiệu hoặc Hoa Kỳ. Nhưng thực sự, người dân cũng nghe rất nhiều sự tuyên truyền của phe MTGP và những người cộng sản.

*

Nếu trở ngược lại thời gian xuất phát những tư tưởng và hành động biểu lộ việc chống cộng thì phải nói đến biến cố năm 1954 khi hiệp định Genève được ký kết, chia cắt VN làm hai miền Nam Bắc, tạo nên một cuộc di cư ào ạt của người dân miền Bắc.

Lúc đó có khoảng 1 triệu người, đa số là giáo dân Công Giáo, ở miền Bắc vì chán ghét sự cai trị độc tài của một đảng phái theo chủ nghĩa cộng sản nên họ đã chọn lựa con đường di cư vào Nam để sống dưới một chế độ tự do hơn. Nói cách khác, đây là một cuộc bỏ phiếu bằng chân của người dân miền Bắc.

Đương nhiên là họ đã có nhiều kinh nghiệm dưới chế độ cộng sản mặc dù chỉ trong một thời gian tương đối ngắn sống dưới ách cai trị của đảng cộng sản VN do HCM thành lập. Một trong những lý do chính khiến họ di cư vào Nam là dưới chế độ cộng sản vô thần, tự do tín ngưỡng và tôn giáo đã bị đàn áp dữ dội. Những giáo dân miền Bắc này có tự tin là họ hiểu rất rõ về bản chất của chế độ cộng sản.

Cách Sài Gòn khoảng 30km về hướng Đông Bắc là nơi tập trung sinh sống của hầu hết giáo dân miền Bắc di cư vào Nam. Nơi đây được gọi là thị xã Hố Nai, một vùng đất chống cộng nổi tiếng nằm trong khu vực khá hẹp dọc theo quốc lộ 1 và có vài ngôi nhà thờ lớn nên khi dùng xe hơi để đến đây, người ta rất dễ dàng tìm thấy. Trong thị xã có nhiều nơi chế tạo và sản xuất gia cụ cũng như các cửa hàng đủ loại nên đã cho thấy sự sinh hoạt sầm uất tại nơi này.

Hố Nai có khoảng 70.000 dân cư với tất cả đều là giáo dân Công Giáo và được chia làm 7 địa phận, mỗi địa phận đều có một nhà thờ đặt dưới sự quản hạt của một vị linh mục, tựa như đơn vị hành chánh cá biệt. Có rất nhiều linh mục đã từng là những chiến sĩ chống cộng, cầm súng trực tiếp chiến đấu với quân VM trước đó. Nhưng những người giáo dân Công Giáo này cũng đã phản đối mạnh mẽ và tổ chức nhiều cuộc đấu tranh biểu tình chống chính quyền ông Thiệu. Điểm này cũng là một điều phức tạp đối với nhận thức về cuộc chiến tranh VN.

Vào tháng Giêng 1973 sau khi hiệp định Ba Lê được ký kết thì linh mục Chân Tín đứng ra thành lập và lãnh đạo một tổ chức đối lập chống chính phủ gọi là Ủy Ban Yêu Cầu Cải Thiện Chế Độ Lao Tù Miền Nam VN nhằm mục đích đòi hỏi ông Thiệu phải phóng thích những tù nhân chính trị và cải thiện chế độ đối xử với tù nhân. Trong khi đó, linh mục Trần Hữu Thanh cũng đã lãnh đạo "Phong trào chống tham nhũng" với những hoạt động chống lại chính quyền ông Thiệu.

Từ năm 1974, những tổ chức nói trên đã thực hiện các cuộc biểu tình quy mô để kêu gọi bài trừ tham nhũng và đòi ông Thiệu phải từ chức. Hơn nữa, vào mùa Xuân 1975, trong khi chính quyền ông Thiệu đang bị lung lay do cuộc tổng công kích của quân BV thì linh mục Trần Hữu Thanh lại thành lập thêm Uỷ Ban Hành Động Cứu Quốc với những lời kêu gọi dân chúng đảo đảo chính quyền ông Thiệu và đưa ra chủ trương là nếu Sài Gòn thành lập được một chính quyền mới để thực hiện hòa hợp hòa giải dân tộc thì quân cộng sản BV sẽ ngưng tấn công và chịu đàm phán. Đương nhiên là phe cách mạng lúc nào cũng hỗ trợ cho các tổ chức, phong trào chống chính phủ thuộc nhóm Công Giáo này.

Tuy nhiên, sau khi chiếm trọn miền Nam thì các tổ chức Công Giáo nói trên đã bị chính quyền mới đàn áp và tiêu diệt một cách không thương tiếc.

Khoảng hai tháng, sau khi Sài Gòn thất thủ tôi có viếng thăm linh mục Trần Hữu Thanh tại một ngôi nhà thờ trong thành phố thì thấy ông đang ngồi im lặng trong căn phòng tối của thánh đường này. Lúc đó ông ta trở nên hoàn toàn khác biệt với linh mục Thanh trước đây đã từng hô hào kịch liệt đả đảo chính quyền ông Thiệu.

"Tóm lại thì mọi việc cũng đã qua rồi", linh mục Thanh thốt lên những lời nhỏ nhẹ, chậm rãi nhưng cũng không kém phần bi thương, thống cảm.

Kỳ 12: Rời bỏ thủ đô

“Anh có thể làm chồng của tôi hay không?”

“Cái gì?”

“Không sao đâu, đó chỉ là trên mặt giấy tờ mà thôi. Tôi hứa sẽ không gây phiền phức gì cho anh đâu”.

Nhìn khuôn mặt quen thuộc của cô gái VN trước mặt, tôi giật mình khi nghe cô ta ngỏ lời yêu cầu bất ngờ như vậy.

Cô là nhân viên của một hãng du lịch gần nơi văn phòng làm việc của tôi trong TP Sài Gòn. Tôi và cô chỉ quen biết qua những lần gặp gỡ có tính cách xã giao vì chỗ làm việc gần nhau. Và lần này cô đích thân đến văn phòng của tôi để nhờ giúp đỡ với vẻ mặt khẩn thiết và giọng nói chân thành, nhỏ nhẹ nên tôi biết cô ta không nói đùa. Đó là chuyện xảy ra vào cuối tháng 3/1975 trước khi thủ đô Sài Gòn thất thủ một tháng.

Thời điểm này, áp lực quân sự của Bắc Việt đã đè nặng lên các tỉnh cao nguyên Trung phần bằng những trận tấn công kịch liệt vào hai thành phố lớn của miền Nam là Huế và Đà Nẵng khiến Sài Gòn lâm vào tình trạng hoảng hốt lo sợ, đưa đến tâm lý người dân nơi đây càng muốn rời khỏi VN đi ra ngoại quốc để lánh nạn cộng sản.

Từ trước đó, việc xuất ngoại của người dân miền Nam đã bị hạn chế rất nghiêm ngặt chỉ trừ những hợp đặc biệt như vì công vụ, đi du học theo học bổng, thăm viếng thân nhân ở ngoại quốc, ra nước ngoài để trị bệnh v.v..., còn lại những diện khác thì rất khó khăn. Tuy nhiên, lợi dụng một điểm đặc biệt của một số giới chức cao cấp của chính quyền miền Nam là tham nhũng nên người nào có tiền và hối lộ thật nhiều thì cũng sẽ được cấp giấy phép xuất cảnh. Cho nên có thể nói là tại miền Nam vào thời bấy giờ, đa số người dân Sài Gòn đều không có khả năng để đi ra nước ngoài, Cuối cùng, chỉ còn mỗi trường hợp là kết hôn với người ngoại quốc mà thôi. Do đó, số phụ nữ VN mang nguyện vọng xuất cảnh theo diện kết hôn này đã bất chợt tăng lên thật nhiều.

Trường hợp của tôi khi ấy cũng còn đang độc thân và sống tại VN từ ba năm trước nên tôi có rất nhiều người quen biết và họ cũng đã thường nhờ tôi giúp dùm việc xuất cảnh theo diện kết hôn. Không riêng gì phụ nữ mà ngay cả những người đàn ông làm chủ các hãng xưởng, tiệm buôn, vì muốn đi Nhật nên nhờ tôi giới thiệu dùm cho họ những nhân viên Tòa đại sứ Nhật Bản ở Sài Gòn. Cho đến ngay cặp vợ chồng chủ nhân cao ốc nơi tôi mướn phòng làm việc chỉ có hai người con trai còn trẻ cũng nhờ tôi giúp đỡ đưa con họ đi ra nước ngoài. Tuy vậy, đối với những trường hợp phức tạp tại nước ngoài như thế, người Nhật Bản đã không giúp được gì cả, mà dù cho có cũng chỉ là một số ít nào đó thôi.

Thật ra lúc đó tôi không tán thành chuyện người VN từ bỏ quê hương của mình một cách đơn giản như vậy vì tôi cho rằng dù tình thế xảy ra thế nào đi chăng nữa thì việc người VN sống trên đất VN cũng là một điều đương nhiên và hợp lý. Cho đến khi có một cô gái làm nhân viên ngân hàng quốc gia là bạn với vị giáo sư dạy tiếng Pháp cho tôi đến nhờ vả việc xuất cảnh thì tôi đã trình bày cho cô ta nghe những điều suy nghĩ như trên và khuyên cô ta nên ở lại.

Nhưng sau khi nghe tôi nói vậy, cô ta vốn bình thường là người đoan trang, nhu mì lại chợt giận dữ rồi lớn tiếng nói với tôi: "Việc sống dưới chế độ cộng sản có được hay không là do sự phán đoán và quyết định của tôi. Hôm nay tôi đến để nhờ anh chớ không phải để tranh luận với về vấn đề rời bỏ VN ra đi là đúng hay sai". Nghe cô ta nói đến đây, tôi chỉ biết ngậm miệng lại không dám giải thích tiếp tục nữa.

*

Bắt đầu từ trung tuần tháng 4/1975, chiến cuộc tại VN càng trở nên sôi động và nguy ngập nên chính quyền Sài Gòn đã ra lệnh cấm toàn diện việc xuất cảnh, cho dù những người có quyền thế hoặc giàu có tới đâu cũng không thể rời khỏi VN lúc này. Dĩ nhiên, đây là một quyết định hợp lý vì trước nguy cơ tồn vong của miền Nam việc cần thiết nhân lực ở lại để phòng thủ là chuyện cấp bách hơn bao giờ hết. Thế nhưng, phương sách này được áp dụng vào trong một thời điểm đã quá muộn và người dân Sài Gòn đã tìm cách xuất cảnh bằng những hình thức khác cho dù đó là bất hợp pháp.

Tình hình chiến sự càng sôi sục bao nhiêu thì tình trạng xuất cảnh càng thay đổi bấy nhiêu.

Từ ngày 20/4/1975 Hoa Kỳ đã bắt đầu sử dụng các vận tải cơ C-130 và C-141 để tiến hành kế hoạch di tản, đặc biệt là kế hoạch di tản này trên nguyên tắc khác với một cuộc di tản cuối cùng mang tính cách triệt thoái toàn diện. Và theo dự tính ban đầu thì Hoa Kỳ chỉ di chuyển phụ nữ và trẻ em là thân nhân, gia đình của những nhân viên Tòa đại sứ cùng một số ít người Mỹ còn lưu lại VN lúc đó. Nhưng trước tình thế quá khẩn cấp, chính phủ Hoa Kỳ buộc phải cho di tản hết toàn bộ những nhân viên thuộc cơ quan xí nghiệp Mỹ, kể cả những người VN có quan hệ hôn nhân với người Mỹ và thân nhân của họ.

Đồng thời, cũng có một số người trước đây đã hợp tác với quân đội Hoa Kỳ và những người thuộc diện đào thoát từ phía quân BV để hợp tác cùng chính quyền miền Nam cũng được Hoa Kỳ cho di tản trong kế hoạch này vì Hoa Kỳ phán đoán rằng họ sẽ bị chính quyền mới trả thù sau khi chiếm được miền Nam. Vì lý do này, tình trạng di tản theo các diện được Hoa Kỳ chấp nhận đã trở nên hỗn loạn và lan rộng khắp miền Nam khiến những người phóng viên ngoại quốc chúng tôi cũng không kém phần lo lắng.

Khi các máy bay của Hoa Kỳ đáp xuống căn cứ không quân tại phi trường Tân Sơn Nhất, người ta đã thấy một đoàn người thật đông đảo kể cả nam, phụ, lão, ấu vây quanh để tranh nhau bước lên máy bay. Lúc này, tôi đã hiểu được tâm trạng lo sợ của người dân miền Nam nên đã giới thiệu rất nhiều bạn bè với những nhân viên liên hệ của các cơ quan thuộc chính phủ Hoa Kỳ cũng như đã ký vào đơn kết hôn cho dù không rõ sự tình sẽ ra sao.

Do tình huống hỗn loạn của cuộc di tản này kéo dài cho đến ngày cuối cùng khi Sài Gòn thất thủ nên quang cảnh những người dân thủ đô hối hả tranh nhau xuất cảnh đã tựa như những đợt sóng người cuốn xoáy theo chiều hướng hỗn độn và ầm ĩ.

Đến ngày 29/4/1975 thì lệnh giới nghiêm 24/24 được ban hành khiến người dân có phần nào e dè và sự di chuyển trên các đường phố đã tương đối giảm sút. Nhưng ngày hôm sau đó, tức ngày 30/4/1975 thì dân chúng thành phố đã hiểu rõ rằng chính quyền Sài Gòn đang từng giây từng phút bị sụp đổ nên đa số đã rời khỏi nhà và tìm cách trốn chạy.

Bản thân tôi vì có giấy phép đặc biệt không giới hạn bởi lệnh giới nghiêm nên tôi đã dùng xe hơi chạy khắp thành phố Sài Gòn để quan sát tình hình. Tóm lại, quang cảnh lúc đó thật là hỗn tạp với tiếng khóc la ầm trời của những đoàn người tay bồng bế trẻ em, tay xách nặng hành lý đủ loại, dìu dắt thân nhân vừa chạy gấp rút vừa biểu hiện sự hoảng sợ kinh khiếp khiến tôi phải bàng hoàng.

Chỉ nội khu vực trung tâm thành phố, tôi đã chứng kiến hàng ngàn người trong tình cảnh chạy loạn như vậy. Không phải, hàng vạn người thì đúng hơn. Nói cách khác, cảm giác của tôi lúc đó tựa như một người bất lực đứng nhìn một xã hội, một quốc gia như miền Nam bây giờ đang từ từ rạn nứt, tan vỡ một cách đau thương với nỗi luyến tiếc vô vàn. Nỗi lo sợ kinh hoàng của những người ở Sài Gòn còn được bộc lộ nơi những người dân thật bình thường mà từ trước đến nay họ chẳng biết gì gọi là kỳ vọng nơi sự bảo vệ của Hoa Kỳ và quân đội miền Nam. Tất cả đều hốt hoảng, bỏ chạy tán loạn. Đứng trước những tình cảnh này, một người đã sống quen thuộc và trở nên thân thiết với nơi đây như tôi đã không sao dằn được cơn xúc cảm mãnh liệt.

Cho đến lúc các vận tải cơ và trực thăng đưa người di tản cất cánh thì vẫn còn rất nhiều người tụ tập quanh tòa đại sứ Hoa Kỳ và phi trường Tân Sơn Nhất. Mặt khác, trên sông Sài Gòn các thuyền bè xuất hiện đông đảo và đầy chật người trên đó. Ngay cả các tàu chở hàng cũ kỹ cũng không còn chỗ trống. Người dân định dùng đường biển để vượt thoát khỏi nơi này.

Nhưng tại sao người dân miền Nam lại bất chấp sự nguy hiểm đến tính mạng mà rời bỏ quê hương yêu dấu của họ như thế? Đành rằng là sau một cuộc chiến kéo dài, kẻ bại trận phải lo sợ sự trả thù của người chiến thắng là một trong những lý do đương nhiên, nhưng phía CSBV cũng đã luôn tuyên bố là họ tiến vào Sài Gòn để giải phóng người dân miền Nam thoát khỏi ách nô lệ và bóc lột kia mà!

Như vậy thì tại sao hầu hết mọi người đều phải trốn khỏi một tổ quốc đã được quân Bắc Việt giải phóng?

Nếu chúng ta giải thích được câu hỏi trên một cách chính xác, tất đã hiểu rõ được ý nghĩa của cuộc chiến tranh VN.

Kỳ 13: Áp lực từ chức

Người giữ chức Tổng Thống của VNCH trong thời gian 7 năm rưỡi là ông Nguyễn Văn Thiệu lúc thiếu thời rất yêu thích môn bóng bàn. Trong thời gian còn ngồi trên ghế nhà trường, ông chưa hề thua một trận đấu bóng bàn nào nhờ vào chiến pháp đặc biệt là không bao giờ mạo hiểm tấn công đối thủ khi biết rằng có nhiều rủi ro bị phản công và ông luôn kiên nhẫn bám sát từng tình huống, chờ đợi thời cơ lúc đối phương để lộ sơ hở mới ra tay tấn công một cách triệt để.

Nếu nói về những giai thoại trong quãng đời tuổi trẻ của ông Thiệu, có lẽ chỉ có chừng ấy câu chuyện và đây quả là một điều thật lạ lùng đối với một nhân vật nổi tiếng như ông. Đồng thời, điều này được cho là phần nào đã phản ảnh đúng với cá tính sâu sắc, thận trọng, điềm tĩnh, tuân giữ kỷ luật và không thích những hình thức phá cách vượt ra khuôn khổ quy định của ông Thiệu.

Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu sinh trưởng trong một gia đình nông gia tại Phan Rang, tỉnh Ninh Thuận ở ven biển miền Trung. Ông xuất thân từ trường Tây ở Huế và có thời gian từng được bổ làm quan lại địa phương. Sau đó, ông gia nhập quân đội miền Nam trong giai đoạn cuối thời kỳ Pháp thuộc và có những bước thăng tiến thuận lợi. Kế đến, khi người Pháp rời khỏi VN, ông Thiệu còn được huấn luyện quân sự tại Hoa Kỳ. Ông kết hôn với một phụ nữ thuộc gia đình giàu có ở miền Nam và do ảnh hưởng từ người vợ, ông trở thành một tín đồ Công Giáo.

Vào thời điểm xảy ra cuộc đảo chính Tổng Thống Ngô Đình Diệm, ông Thiệu với cấp bậc đại tá đang giữ chức Sư đoàn trưởng sư đoàn 5 bộ binh trấn đóng tại khu vực phía Bắc thủ đô Sài Gòn. Nhờ vào những hoạt động của sư đoàn 5 này đóng góp phần quyết định cho sự thành công của cuộc đảo chính nên ông Thiệu rất được chính quyền mới sau đó trọng dụng. Hơn nữa, nơi cục diện phức tạp của chính trường miền Nam với những cuộc đấu đá "quyền mưu thuật sách" trong giới tướng lãnh quân đội tại thủ đô Sài Gòn, những phán đoán tinh tế và cẩn trọng của ông Thiệu đã giúp ông tránh né được nhiều sự xung đột va chạm với đối phương và cuối cùng đến năm 1965, ông chính thức được giao phó chức vụ nguyên thủ quốc gia.

Hai năm sau, qua một cuộc tuyển cử dân chủ Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu cùng Phó Tổng Thống Nguyễn Cao Kỳ đạt được kết quả đắc cử.

Từ đó, ông Thiệu được cho là đã được sự trợ giúp của phía Hoa Kỳ để loại bỏ những đối thủ cạnh tranh trên chính trường và đặt nền tảng cho một triều đại vững chắc nên đến 1971 ông lại tái đắc cử chức vụ Tổng Thống VNCH.

Tôi đã có cơ hội được nói chuyện một cách tự do, thân mật với Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu vào ngày 5/3/1975. Đó là dịp ông Thiệu đồng ý tiếp xúc riêng với một nhóm ký giả Nhật Bản tại Dinh Độc Lập. Lúc này, trong nhóm phóng viên đồng nghiệp người Nhật, do tôi là người có thời gian làm việc lâu nhất tại Sài Gòn nên được cử làm trưởng nhóm và được ngồi gần ông Thiệu trong vai trò điều hợp nhóm ký giả Nhật Bản. Từ buổi tiếp kiến Tổng Thống này cho đến chưa đầy hai tháng sau thì chính quyền của ông Thiệu bị diệt vong quả là điều mà có nằm mơ chúng tôi cũng không thể nào ngờ được.

Lồng trong những luồng gió mát mẻ thổi nhẹ vào căn phòng rộng rãi ở tầng ba Dinh Độc Lập là nơi Tổng Thống Thiệu đón tiếp nhóm ký giả Nhật Bản, chúng tôi đã nhìn thấy ông bước vào phòng cùng một vài cận vệ đi theo bên cạnh. Tuy ông Thiệu có thân hình nhỏ nhắn nhưng phong thái rất uy nghi và nghiêm chỉnh trong bộ Âu phục màu xám đậm vừa vặn bó sát người ông cùng với những bước chân vững chắc đầy nội lực. Đương thời, tuy ông Thiệu chỉ mới 52 tuổi nhưng hầu như phân nửa mái đầu của ông đã phủ tóc bạc trắng. Trong thời gian ba năm làm việc tại Sài Gòn, tôi đã nhiều lần nhìn thấy ông Thiệu nhưng lần này tôi có cảm tưởng như tóc ông đã bạc đi nhiều lắm. Tổng Thống Thiệu nở nụ cười thân thiện nhìn về hướng chúng tôi và đến bắt tay từng người một.

Có thể nói rằng theo dư luận quốc tế lúc đó ông Thiệu là một trong những vị nguyên thủ quốc gia ít được thiện cảm từ thế giới vì bị chỉ trích là một nhà độc tài thường bắt bớ bỏ tù những người có chủ trương đối lập với chính quyền Sài Gòn cũng như để mặc cho tình trạng tham nhũng hoành hành trong nội bộ guồng máy hành chính. Thế nhưng, ở mặt khác ông cũng được coi là một nhà lãnh đạo phi thường khi giữ vững được sự đoàn kết dân tộc trong công cuộc chiến đấu bảo vệ miền Nam trước sự xâm lăng của quân CSBV bằng những cuộc tấn công bằng quân sự do khối cộng sản quốc tế yểm trợ. Đồng thời, ông còn lèo lái đất nước một cách khéo léo trong tình thế phức tạp của mối quan hệ đồng minh với phía Hoa Kỳ.

Và trong cuộc gặp gỡ nhóm phóng viên Nhật Bản chúng tôi nói trên tại Dinh Độc Lập, ông Thiệu cũng đã lên tiếng phê phán Hoa Kỳ một cách kịch liệt như sau: "Trong thời điểm ký kết hiệp định Ba Lê, cả Tổng Thống Nixon lẫn tiến sĩ Kissinger đều hứa chắc là sẽ tiếp tục viện trợ quân sự cho miền Nam trong giới hạn của nhu cầu chiến trường. Thế nhưng, cho đến nay họ vẫn cứ mặc cả với chính sách cắt giảm viện trợ chẳng khác gì việc trả giá mua bán rau cải ở ngoài chợ".

Với trình độ Anh ngữ lưu loát, Tổng Thống Thiệu giải thích rằng đối với sự vi phạm trắng trợn hiệp định Ba Lê của quân CSBV, miền Nam cần thiết được viện trợ 1 tỷ 600 triệu mỹ kim trong năm 1975 nhưng Hoa Kỳ đã giảm xuống còn 700 triệu và thậm chí cắt bớt chỉ còn 300 triệu.

Trong lúc bày tỏ sự bất mãn đối với sự thất hứa của chính phủ Hoa Kỳ, điệu bộ của ông Thiệu cũng rất linh hoạt với các động tác khoa tay nhịp nhàng và sắc mặt ông trở nên màu đỏ nhạt cho thấy sự bộc lộ chân thành và sức thu hút nơi lối trình bày của ông.

Từ lần đó, tôi lại có dịp nghe ông Thiệu lên tiếng chỉ trích lối hành xử vô trách nhiệm của chính phủ Hoa Kỳ vào bốn mươi mấy ngày sau, tức vào ngày 21/4/1975. Chỉ trong bốn mươi mấy ngày này, vận mệnh của miền Nam đã thay đổi quá nhanh chóng khi đột nhiên ông Thiệu phạm vào sai lầm chiến lược bỏ ngỏ vùng chiến thuật xung yếu ở miền Trung với lệnh triệt thoái cao nguyên, rút hết quân đội phòng thủ, được ban hành từ ngày 10/3/1975. Điều này càng tạo cơ hội cho quân CSBV có điều kiện thực hiện cuộc tổng công kích đánh chiếm toàn bộ miền Nam qua những lộ quân ào ạt tiến vào từ cửa ngõ miền Bắc, miền Trung truy kích đường tháo lui của quân đội VNCH như thế sóng tràn không gì cản nổi. Cùng lúc, BV còn tiếp tục đưa ra những tuyên bố bịp bợm là nếu ông Thiệu từ chức thì họ sẵn sàng ngồi vào bàn đàm phán để thương thảo về việc đình chiến trong tinh thần hòa hợp hòa giải dân tộc.

Tuy chiến thuật của ông Thiệu là tập trung toàn bộ quân lực tại miền Nam để hình thành một lực lượng phòng thủ triệt để trong tình thế quyết tử một mất một còn, nhưng ông lại bị dư luận quốc nội quy trách nhiệm trong việc để mất miền Trung, cũng như bị phía Hoa Kỳ và Pháp chỉ trích ông không chịu đối thoại với quân CSBV. Từ đó, đã tạo thành những áp lực trực tiếp buộc ông phải từ chức. Trong suốt gần một tháng trời, những áp lực từ chức này đã khiến ông Thiệu vất vả chống đỡ nhưng cuối cùng vẫn không thể chịu đựng nổi nên vào buổi tối 21/4/1975, ông đã xuất hiện trên truyền hình để đọc bài diễn văn từ nhiệm. So với bài diễn văn nhậm chức cách đó 7 năm rưỡi, lần này ông Thiệu diễn thuyết qua hình thức ứng khẩu với thời gian dài hơn rất nhiều.

Kỳ 14: Vị Tổng Thống cuối cùng

Vị Tổng thống cuối cùng miền Nam VN là ông Dương Văn Minh có sở thích rất yêu hoa Lan. Tại vườn hoa của nhà ông ở Sài Gòn gần Dinh Độc Lập, ông đã trồng nhiều loại Lan đủ màu sắc đua nở nên được gọi là Dinh Hoa Lan. Tôi cũng đã có nhiều lần đến đây để lắng nghe ông nói chuyện về các vấn đề chính trị và quân sự. Tuy khu vườn không rộng lớn lắm nhưng được trang điểm bằng màu sắc rực rở xinh đẹp của các loại hoa Lan nên lúc nào cũng thu hút tia nhìn của tôi. Và cũng trong khung cảnh của vườn hoa này, ông Minh luôn nói chuyện với tôi một cách chậm rãi khoan thoai.

Do ông Minh có thân hình cao lớn so với thể tạng của người VN nên thường được gọi bằng biệt danh "Big Minh". Tuy theo đuổi con đường binh nghiệp từ thời thực dân Pháp thống trị VN, nhưng ông xuất thân là một tín đồ Phật Giáo ở miền Nam VN với cá tính ôn hòa, trầm tĩnh nên cũng chiếm được nhiều thiện cảm của dư luận. Ngoài ra, ông còn là một nhân vật chủ yếu trong cuộc đảo chính lật đổ chính quyền Tổng Thống Ngô Đình Diệm vào năm 1963, sau đó còn được sự trợ giúp của phía Hoa Kỳ nên từng có thời kỳ trở thành vị nguyên thủ quốc gia của miền Nam VN. Thế nhưng, cuối cùng ông vẫn bị thảm bại trong các cuộc đấu đá quyền lực giữa những vị tướng lãnh lúc đương thời nên phải sống lưu vong tại Thái Lan.

Sau khi được chấp thuận cho về nước vào năm 1968, ông Minh được coi là một nhân vật đối lập với chính quyền đương thời của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu và đã nhận được sự ủng hộ từ các hội đoàn chủ trương chống chính phủ như giáo phái Phật Giáo Ấn Quang cùng các tổ chức sinh viên phản chiến. Đặc biệt, sau khi hiệp định Ba Lê ký kết vào năm 1973, với tư cách là người đứng đầu thành phần thứ ba giữa chính quyền ông Thiệu và phe chính phủ CMLTMNVN, ông Minh cũng đã đề xướng việc hòa hợp hòa giải dân tộc.

Trải qua những diễn tiến dồn dập của cuộc chiến với mức độ tấn công bằng quân sự của quân BV ngày càng gia tăng ác liệt, ông Minh đã chính thức nhậm chức Tổng Thống VNCH vào ngày 28/4/1975, tức chỉ vỏn vẹn hai ngày trước khi Sài Gòn thất thủ.

Lúc này, tuy quân BV đang áp sát Sài Gòn trong giai đoạn cuối cùng của cuộc tổng tấn công đánh chiếm miền Nam, nhưng phía Hà Nội vẫn có những tuyên bố đánh lừa dư luận về sự chấp nhận một cuộc thương thảo đình chiến với thế lực của thành phần thứ ba tại miền Nam trong tinh thần hòa hợp hòa giải dân tộc dựa theo hiệp định Ba Lê. Và chính quyền Tổng Thống Dương Văn Minh được thành lập trên niềm kỳ vọng về những lời tuyên bố này của phía BV.

Buổi lễ tuyên thệ nhậm chức Tổng Thống Dương Văn Minh được diễn ra tại hội trường lớn của Dinh Độc Lập với sự hiện diện của thành phần tân nội các gồm những nhân vật tiêu biểu như nghị viên Vũ Văn Mẫu, cựu chủ tịch Thượng nghị viện Nguyễn Văn Huyền, luật sư Trần Văn Tuyên. Họ đều là những chính trị gia đối lập trong cựu thể chế của ông Thiệu và luôn đề cao chủ nghĩa dân tộc để phân biệt rõ ràng với phía Hoa Kỳ. Đối với dư luận truyền thông miền Nam thời bấy giờ, những nhân vật này cũng được coi là chiếm nhiều thiện cảm từ dân chúng.

“Trên tinh thần hòa hợp hòa giải dân tộc, chúng ta phải lập tức thực hiện việc đình chiến và thương thảo để giải quyết vấn đề phân tranh chính trị tại miền Nam trong khuôn khổ của hiệp định Ba Lê”.

Giọng nói ôn tồn của tân Tổng Thống Dương Văn Minh cất lên đều đặn trong bài diễn văn nhậm chức. Theo lẽ thông thường thì những lúc như vậy, phải có các cận vệ hoặc những sĩ quan phụ tá đứng gần vị trí chung quanh để bảo vệ cho vị nguyên thủ quốc gia, nhưng lần này thì khác hẳn. Và lúc đó, một người cận vệ tên Thông vừa bắt gặp ánh mắt của tôi đã vội nhìn nhanh chỗ khác. Thông là người mà tôi quen biết qua những buổi tập luyện Nhu Đạo và ngay vào hôm trước đó, chính anh đã đến hỏi tôi có nên rời khỏi VN để ra ngoại quốc lánh nạn trong lúc này hay không.

Trong khi ông Minh đọc bài diễn văn thì bỗng nhiên có nhiều tạp âm vang lên xen vào giọng nói trầm nhẹ của ông do bên ngoài chợt đổ cơn mưa lớn như trút nước.

Sau khi dự buổi lễ nhậm chức của Tổng Thống Dương Văn Minh, tôi trở về lại phòng trọ và khi đang rảo bước trên đường phố Sài Gòn lúc đó đã tạnh mưa thi bất chợt nghe thấy những tiếng vang ầm làm rung chuyển cả mặt đất khiến tôi thất thần đến nổi trong một thoáng giây sau đó, phải ôm đầu nằm sát xuống đường. Từ lúc định thần nhìn lại cảnh vật chung quanh, thì trông thấy người dân và những chiếc xe gắn máy bỏ chạy như bay trong nỗi lo lắng hoảng sợ. Tiếng nổ ầm trời vừa rồi chắc chắn là đã xuất phát từ hướng phi trường Tân Sơn Nhất vì tôi cũng đã nhìn thấy cột khói đen bốc cao rồi tỏa rộng dần trên không từ phương hướng của phi trường này. Quả nhiên, tin tức loan truyền sau đó cho biết, một binh sĩ không quân của miền Nam là Nguyễn Thành Trung đã chỉ huy 5 chiến đấu cơ A-37 ném bom phi trường Tân Sơn Nhất.

Mặc dù trong tình huống nguy ngập cận kề như vậy, nhưng lòng tôi khi đó vẫn chưa dứt bỏ niềm hy vọng về một cuộc thương thảo giữa hai miền Nam-Bắc để giải quyết cuộc chiến vì đinh ninh rằng phía BV đã hứa là sẽ tuân thủ việc đáp ứng đàm phán trên tinh thần hòa hợp hòa giải dân tộc theo hiệp định Ba Lê.

Hơn nữa, chính quyền ông Thiệu là kẻ địch của phía BV cũng đã thoái trận và nhường lại cho thế lực đối lập là chính quyền ông Minh. Nhất là ngay sau khi buổi lễ nhận chức của ông Minh vừa chấm dứt, vị phó Thủ Tướng mới là dân biểu Hồ Văn Minh đã đến bên tôi vừa tươi cười vừa nói rằng: “Vẫn còn hy vọng”, nên điều này càng có tác dụng khiến tôi tin tưởng thêm.

Đối với tôi, qua sự quen biết và những lần gặp gỡ nói chuyện trước đây tuy tôi được biết ông Hồ Văn Minh là một chính trị gia trẻ tuổi nhưng cho đến thời điểm lúc này những ý kiến phân tích tình thế thời cuộc của ông chưa bao giờ sai lệch.

Tuy nhiên, chỉ 48 tiếng đồng hồ sau, tôi đã chứng kiến cảnh tất cả thành viên trong tân nội các của chính quyền ông Dương Văn Minh bị câu thúc tại Dinh Độc Lập.

Thì ra phía quân BV đã bác bỏ yêu cầu đàm phán của chính quyền ông Minh. Một trong những lý do đó là “Trong nội các của ông Minh vẫn còn những người chống lại chủ nghĩa cộng sản”. Nhìn về điểm này, chúng ta sẽ thấy nó chính là một yếu tố quan trọng để xem xét bản chất thực sự của cuộc chiến tranh VN. Nói cách khác, đối với phía CSBV họ đã cho thấy

lập trường căn bản là cho dù đối phương có chống Mỹ, chống ông Thiệu đến đâu chăng nữa mà không đồng thuận với chủ nghĩa cộng sản thì họ sẵn sàng dùng hình thức quân sự để tiêu diệt. Thế nhưng, điều này chỉ được bộc lộ lần đầu tiên trong giai đoạn cuối cùng của cuộc chiến.

Vào ngày Sài Gòn thất thủ 30/4/1975, tôi đã nhìn thấy quang cảnh bên trong Dinh Độc Lập. Sau khi toán quân thứ nhất dùng chiến xa đột nhập vào đây chưa đầy một tiếng đồng hồ, thì các ký giả ngoại quốc như chúng tôi được tự do thực hiện các bài phóng sự vì phía quân BV đã có lệnh cấm bộ đội của họ ngăn cản những phóng viên ngoại quốc làm việc.

Trong lúc các bộ đội CSBV đi loanh quanh khắp nơi trong Dinh Độc Lập thì nơi can phòng ở một góc của tầng hai tôi đã chú ý đến tấm màn cửa sổ màu cam lay động trong gió vừa đủ để lộ khoảng trống để nhìn thấy rõ bên trong có khoảng 10 mấy người đàn ông bận thường phục đang ngồi trên những chiếc ghế đặt dọc theo 4 bức tường. Họ chính là thành viên trong nội các của Tổng Thống Dương Văn Minh mà tôi đều biết mặt. Tất cả dường như đang trầm ngâm suy tưởng, có người thì đưa mắt nhìn lên trần, người thì cúi mặt nhìn xuống và kẻ khác thì nhắm nghiền mắt lại trong một bầu không khí nặng nề. Rõ ràng đây chính là bức tranh vẽ lại hình ảnh của những người bại chiến bị câu thúc như những tù binh.

Sau này, mỗi khi nghĩ đến cuộc chiến VN, cảm giác đầu tiên của tôi là thấy lồng ngực mình như bị đè nặng vì chợt nhớ đến số phận phũ phàng của những người VN thuộc thành phần thứ ba. Trong suốt thời gian dài, họ luôn hô hào chống lại sự độc tài, hủ bại của chính quyền Sài Gòn cũng như phản đối sự thao túng của phía Hoa Kỳ và còn kêu gọi hòa hợp hoà giải dân tộc. Họ cũng ngây thơ tin vào việc giải quyết cuộc chiến bằng đường lối thương thảo, đàm phán ôn hòa, tin vào hiệp định Ba Lê trên hình thức hai miền Nam Bắc sẽ ngồi lại với nhau để nói chuyện. Tuy nhiên, cho đến lúc đạt đến nguyện vọng nắm chính quyền thì lại bị thế lực quân sự của BV đánh tan và phải trở thành tù binh bị câu thúc.

Qua đó cho thấy dù thành phần thứ ba cùng là người VN với yêu cầu hòa giải dân tộc thì ở cục diện cuối cùng nếu họ không đi theo chủ nghĩa cộng sản cũng bị phía BV loại bỏ. Bởi vì đối với phe tự xưng là cách mạng theo hình thức đấu tranh của chủ nghĩa cộng sản thì ngay từ đầu tiên họ đã không có con đường nào khác ngoài việc tiêu diệt những thế lực không đồng thuận. Vì vậy, khi đề cập đến cuộc chiến VN, trên thực chất đã không hề mang đặc tính như nhà cầm quyền Hà Nội rêu rao "đó là cuộc chiến của người dân VN đánh đuổi đế quốc Mỹ xâm lược". Và trong cuộc chiến này, không chỉ mang hình thức chống lại Hoa Kỳ mà còn tồn tại một cuộc đấu tranh gay gắt giữa hai ý thức hệ khác biệt giữa những người VN.

Sau cuộc chiến, cựu Tổng Thống Dương Văn Minh bị quản thúc tại Sài Gòn gần 10 năm rồi được chấp thuận cho xuất ngoại sang Pháp. Còn cựu dân biểu Trần Văn Tuyên đã chết trong ngục tù trại tập trung của phe cách mạng. Riêng người đã tươi cười và bày tỏ niềm hy vọng với tôi là ông Hồ Văn Minh cho đến nay vẫn chưa rõ tông tích.

Kỳ 15: Cuộc thảm sát tập thể tại Huế

Vào tháng 4/1972, tức niên hiệu Chiêu Hòa Thiên Hoàng năm thứ 47 tại Nhật Bản, tôi đã đến miền Nam VN làm việc với tính cách là một đặc phái viên của tờ báo Mainichi. Đây cũng là thời kỳ cuối cùng Thủ Tướng Sato Eisaku sau một thời gian dài nắm quyền lãnh đạo ở Nhật Bản và đặc biệt là vừa đúng 3 năm trước khi xảy ra biến cố Sài Gòn thất thủ.

Đối với bản thân tôi ngay trước lúc đó dù biết được mình sắp sửa trở thành một đặc phái viên của chiến trường miền Nam, nhưng tôi vẫn chưa thực sự quan tâm đến quốc gia VNCH và nhất là cuộc chiến ác liệt tại nơi này, tức là tôi hoàn toàn không có một sự hiểu biết đúng đắn nào về đất nước VN. Và có chăng cũng chỉ là đọc được những điều sai lệch đăng tải trên báo chí Nhật Bản như: sở dĩ cuộc chiến vẫn còn tiếp tục kéo dài là do Hoa Kỳ mang quân đội can thiệp vào nội tình VN, hoặc là người dân miền Nam sống trong một chế độ đàn áp của chính quyền Sài Gòn vốn dựa vào thế lực của Hoa Kỳ, nên họ đấu tranh chống lại và ủng hộ phe MTGP, hay cuộc chiến VN là cuộc chiến do người miền Nam tự đứng lên chiến đấu với quân đội Hoa Kỳ và được phía BV yểm trợ phương tiện quân sự.

Vì vậy, trong đầu tôi khái niệm về cuộc chiến VN chỉ đơn thuần là một hình thức chiến đấu chống lại thế lực ngoại bang của người dân miền Nam thuần túy thực hiện để giành lại độc lập, tự do cho xứ sở của họ. Qua đó, tôi lại có cảm nhận Hoa Kỳ là một thế lực xấu xa và nếu họ rút quân ra khỏi VN thì chiến tranh sẽ chấm dứt vì người VN sẽ dễ dàng ngồi lại với nhau hơn. Tóm lại, tất cả những nhận thức nói trên được hình thành hầu như đều căn cứ vào nội dung những bài ký sự liên quan đến cuộc chiến VN, được đăng trên các tờ báo Nhật Bản trong thời điểm đó. Nhưng ngay sau khi đến miền Nam VN và chứng kiến những điều xảy ra trước mắt tôi đã cảm thấy có điều kỳ lạ không giống như những điều mình nghĩ trước đây.

Đó là thời điểm sau khi quân BV bắt đầu mở cuộc tấn công vào lãnh thổ miền Nam từ tháng 3/1972. Với chiến thuật dùng chiến xa đi trước rồi đổ quân ào ạt theo sau, phía BV đã vượt qua khu vực phi quân sự của lằn răng vĩ tuyến 17 phân chia biên giới hai miền Nam Bắc và đột nhập vào tỉnh Quảng Trị giáp ranh phía Bắc ở chiến tuyến tiền phương của miền Nam VN. Cùng lúc, cứ địa hiểm yếu của miền Trung là thành phố Kontum và thành phố An Lộc nằm ở phía Bắc Sài Gòn dọc theo biên giới Campuchia cũng bị hứng chịu những đợt tấn công pháo kích dữ dội của quân BV. Trong tình thế này, tuy quân đội Hoa Kỳ đang hiện diện ở lãnh thổ miền Nam với khoảng 50.000 binh sĩ nhưng hầu như các lực lượng bộ binh của họ đã triệt thoái và chỉ yểm trợ cho quân đội miền Nam bằng những cuộc oanh tạc, pháo kích.

Khi tôi vừa đặt chân đến thủ đô Sài Gòn thì được tin thành phố Quảng Trị đã thất thủ. Sau những trận mưa pháo và dàn quân vây hãm nhiều ngày, quân BV đã dùng hơn 50 chiến xa T-54 của Liên Xô tiến vào thành phố, đẩy lui lực lượng sư đoàn 3 bộ binh của VNCH đang trấn thủ tại đây. Trong suốt khoảng thời gian lịch sử cuộc chiến kéo dài, đây là lần đầu tiên một đơn vị thành phố của miền Nam bị quân BV áp chế. Đó là ngày 1/5/1972.

Sau đó, quân BV càng cho thấy ý đồ muốn tiến thẳng vào các tỉnh phía Nam đưa đến tình thế họ buộc phải tấn công thành phố Huế để mở ra cửa ngỏ cho các lộ quân Nam tiến. Huế chẳng những là cố đô của vương triều nhà Nguyễn mang tích cách di tích lịch sử mà còn là một đô thị chính yếu có tầm chiến lược quan trọng thứ ba sau Sài Gòn và Đà Nẵng. Vì vậy, để tìm

hiểu tình hình chiến sự ở Huế vốn là những tin tức thời sự nóng bỏng nên tôi đã bay đến nơi đây.

Người thông dịch cùng đi để trợ giúp tôi trong việc thực hiện phóng sự là một cô gái tên Ngọc Yến. Cô Yến từng theo học đại học ngành điện công nghiệp ở Nhật Bản nên rất thông thạo Nhật ngữ.

Khi tôi đến phi trường Phú Bài cách Huế 15km về phía Nam thì đã thấy những người dân mang theo đồ đạc hành lý ngồi chật kín trong phòng chờ đợi. Tại quầy tiếp khách cũng có đám đông người đang chờ lấy vé chuyến bay trong bầu không khí ồn ào vì âm thanh nói chuyện qua lại lớn tiếng. Tất cả những người này đều muốn lấy vé chuyến bay về Sài Gòn.

Sau đó, khi dùng xe hơi đi theo quốc lộ 1 đến Huế thì tôi đã chứng kiến cảnh ở bên hướng ngược lại những đoàn xe nối đuôi nhau kéo dài tựa như một cơn hồng thủy. Và trên chiếc xe nào cũng đầy người cùng đồ đạc chồng chất lên nhau như muốn đổ ra ngoài. Trước tình cảnh hỗn loạn với nhân số đoàn người đông đảo này, tôi cũng cảm thấy như nghẹt thở và căng thẳng như họ.

Ngay trong thành phố Huế hướng Nam dọc theo quốc lộ 1 tôi còn nhìn thấy làn sóng người dân khác đang trên đường di tản. Và sau khi vượt qua sông Hương tiến vào từ phía Bắc thành phố Huế thì lần này tôi lại thấy quang cảnh ngược lại, tức đường xá vắng hoe trông cảnh vật thật điêu tàn hoang phế. Thì ra, quân BV lúc này đang trấn đóng ở hướng Bắc cách Huế không còn bao xa.

Rõ ràng là người dân muốn bỏ chạy khỏi vòng kiểm soát của quân BV vì nếu chỉ đơn thuần lánh nạn chiến tranh thì họ không cần phải di tản toàn bộ về phía Nam. Vì vậy, chỉ có thể kết luận rằng hầu hết dân chúng đều muốn bỏ chạy trước khi quân BV với khẩu hiệu "giải phóng dân tộc", tấn công vào đây.

Khi vào đến sân trường đại học Huế, tôi đã gặp một nhóm thanh niên có vẻ như sinh viên học sinh đang tụ tập và dường như họ không có dấu hiệu gì cho thấy là đang chuẩn bị di tản.

Sau khi chào hỏi và tự giới thiệu với nhóm thanh niên này thì một người trông như là niên trưởng của họ đã nói cho tôi nghe rằng:

"Chúng tôi lập ra nhóm học sinh tự vệ để chống lại những người cộng sản. Sau khi tỉnh Quảng Trị thất thủ, có nhiều học sinh đã di tản nhưng cũng có không ít học sinh kiến quyết ở lại. Tuy chúng tôi phản đối chính quyền ông Thiệu nhưng đối với những người cộng sản thì chúng tôi càng chống lại mạnh mẽ hơn".

Người niên trưởng này cũng tự giới thiệu là giảng sư môn Triết Học tên Thức và sau đó ông Thức hướng dẫn tôi đến viếng thăm phòng làm việc của nhóm học sinh tự vệ. Một số người đã đến quanh tôi, vồn vã bắt tay thật mạnh và nói rằng họ phải ở lại để chiến đấu với quân BV, tức quân cộng sản và MTGPMN.

Họ còn nhấn mạnh là tất cả người dân Huế đều không bao giờ quên được cuộc thảm sát kinh hoàng do quân cộng sản gây ra trong cuộc tổng tấn công Tết Mậu Thân vào năm 1968. Tuy

tôi đã từng biết được về cuộc thảm sát Tết Mậu Thân ở Huế qua những bài viết bằng Anh ngữ, nhưng đây là lần đầu tiên được nghe từ chính người VN kể lại.

Cuộc tàn sát ở Huế xảy ra trong khoảng thời gian quân cộng sản tổ chức cuộc tấn công Tết Mậu Thân và chiếm đóng được một phần thành phố Huế hơn một tháng với động cơ giết hại rất nhiều người được cho là vì phe cộng sản muốn trả thù, khủng bố hoặc cảnh cáo, thị uy với người dân miền Nam. Nhưng ngay cả những thường dân ở Huế cũng bị phe cộng sản sát hại một cách man rợ tàn nhẫn.

Vì vậy, những hành vi tàn sát này cũng được lý giải do kết quả từ kế hoạch mà phe cộng sản trước đây đã gài người của họ trà trộn vào trong sinh hoạt dân chúng với ý đồ sau khi chiếm được thành phố Huế sẽ trấn đóng nơi đây một thời gian dài. Sau đó, một số trong hàng trăm người nằm vùng của phe cộng sản đã bị người dân Huế biết mặt nên khi sắp bị quân đội miền Nam và Hoa Kỳ đẩy lui ra khỏi Huế, phe cộng sản đã giết người diệt khẩu bằng cách không phân biệt trẻ già trai gái -kể cả trẻ em- đều bị họ dẫn đi hành quyết tại các vùng ven biển hoặc khu rừng núi với con số nạn nhân vượt quá 5000 người.

Thế rồi, người ta còn phát hiện các hố chôn tập thể ở ngoại ô thành phố Huế với vô số tử thi nam nữ bị giết chết trong tư thế trói chặt chân tay bằng kẽm gai, dây thép, dây thừng rất bi thảm.

Về chi tiết cuộc thảm sát Tết Mậu Thân tại Huế đã được nhà ngoại giao kiêm nhà nghiên cứu chuyên môn về cuộc chiến tranh VN là ông Douglas Pike chứng minh và công bố rộng rãi trước dư luận. Nhưng tại Nhật Bản hầu như không được loan truyền sự kiện thảm sát tập thể tàn khốc này. Và nếu gọi là có thì cũng chỉ là một vài bài ký sự lúc đương thời của phóng viên báo Mainichi là ông Tokuoka Takao mà thôi. Tuy nhiên, các bài này cũng không ghi chép lại đầy đủ tình tiết nói về cách tàn sát dã man của những người cộng sản và tôi cũng không hề hay biết về sự kiện này.

Nhưng điều quan trọng nhất là trong lúc tình hình chiến loạn đang lan rộng ở Huế, những lời lẽ mà tôi thực sự nghe được từ nhóm học sinh tự vệ nói rằng họ rất "căm thù hành vi giết hại người dân quá dã man của phe cộng sản" đã thực sự gieo mầm làm băng hoại những nhận thức về VN đã từng hình thành trong đầu mình trước đây khi còn ở Nhật Bản.

Kỳ 16: Tìm hiểu vùng đất của phe MTGP

Tại một địa điểm vắng vẻ, cây cỏ mọc um tùm ở cạnh quốc lộ 1 thuộc tỉnh Bình Định của miền Nam VN, tôi đã từng đứng đợi người buộc khăn tay trắng bên cánh tay trái xuất hiện. Đó là chuyện xảy ra vào ngày 16 tháng Giêng năm 1974, tức khoảng 15 tháng trước khi Sài Gòn thất thủ. Với một tâm trạng bất an bồn chồn, có lúc tôi ngã lưng xuống bãi cỏ nghỉ một chút để trấn tĩnh tinh thần nhưng không sao yên tâm được và lại đứng lên đưa cặp mắt lo lắng nhìn chung quanh. Bởi vì lúc đó, tôi đang đợi người dẫn đường của phe MTGPMN đưa tôi đến vùng đất kiểm soát của họ.

Theo điều khoản của hiệp định Ba Lê ký kết vào tháng Giêng năm 1973, tại lãnh thổ miền Nam VN có 3 thế lực chính trị cùng tồn tại là chính phủ VNCH, chính phủ CMLTMNVN và thành phần thứ ba. 3 thế lực này sẽ thông qua những cuộc đàm phán để giải quyết vấn đề phân tranh chính trị. Thế nhưng, trên thực tế chính phủ VNCH đã kiểm soát hầu như toàn bộ dân số trong lãnh thổ của 44 đơn vị tỉnh thành, vậy thì vùng đất mà phe tự xưng là cách mạng tức phe MTGP của chính phủ CMLTMNVN kiểm soát là nơi nào, vốn là một nghi vấn đã nảy sinh trong đầu tôi. Chính vì vậy, tôi đã quyết định sẽ đến vùng đất của phe MTGP để tìm hiểu. Sau đó tôi đã lén gặp phái đoàn quân sự của phe MTGP vốn được nhìn nhận sự hiện diện tại căn cứ quân sự Tân Sơn Nhất theo quy định của hiệp định Ba Lê, để yêu cầu họ cho tôi đến khu cứ địa của MTGP.

Trải qua một vài tháng kế tiếp, người đại diện của phái đoàn quân sự phía MTGP là đại tá Võ Đông Giang đã trả lời chấp thuận cho tôi đi vào vùng đất họ kiểm soát. Ông Giang còn trao cho tôi một giấy giới thiệu với người đứng đầu nơi đó là chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định. Tôi liền bay từ Sài Gòn đến Quy Nhơn là thành phố trung tâm của Bình Định.

Tuy nhiên, lúc đương thời luật pháp của VNCH nghiêm cấm người dân tiếp xúc với những phần tử của phe MTGP và đương nhiên nếu người của phe MTGP công khai xuất hiện sẽ bị quân đội miền Nam bắt giữ dù đó là thời điểm sau khi ký kết hiệp định Ba Lê vì cuộc chiến đấu vẫn còn tiếp diễn. Do trong tình hình như vậy, nên coi như tôi đã bí mật tiếp xúc với các phần tử phe MTGP tại điểm hẹn đã được định trước là ngã ba Bình Minh gần huyện Bồng Sơn dọc theo đường quốc lộ cách Quy Nhơn khoảng 80km về hướng Bắc. Nơi đây tôi được thông báo là sẽ gặp một người đeo khăn tay trắng dẫn dường.

Lúc đó, đường quốc lộ đặt dưới sự kiểm soát của quân đội miền Nam và gần ngã ba này cũng có một chiếc xe thiết giáp đang đậu với vài người lính tay cầm súng. Trên đường người ta xe cộ qua lại cũng thưa thớt. Vừa nhìn thấy tôi đi về hướng ngã ba Bình Minh, một binh sĩ tiến đến gần hỏi tôi làm gì ở đây. Tôi đành phải nói dối là đứng đợi người bạn đến đón.

Sau khi những người binh sĩ bỏ đi, tôi liền đến điểm hẹn và đang lúc trải qua những giây phút hồi hộp, bất an thì bỗng nhiên có tiếng kêu: “Ê, ê” phát ra nho nhỏ từ 3 người phụ nữ đi gần đến chỗ tôi đang đứng. Trông họ những người nông dân vừa làm công việc đồng áng trở về, trên tay có mang theo những chiếc rỗ. Trong số họ, có một phụ nữ cong ngón tay trỏ lại ngoắc tôi như ra dấu đi theo cô ta. Nhưng nhìn kỹ tôi không thấy cô ta có đeo khăn tay trắng. Thế nhưng, sau một chút lưỡng lự tôi cũng liều đi theo họ. Đó là phương hướng từ đường quốc lộ đi về phía Tây, dẫn vào một con đường nhỏ hẹp. Đi được vài chục thước thì tôi thấy trước mặt

một căn nhà tranh rồi một người phụ nữ trung niên với ánh mắt sắc bén từ trong bước ra. Bên tay trái của cô ta có quấn chiếc khăn tay màu trắng.

Từ nơi này đi về phía Tây khoảng vào trăm thước là tôi nơi gặp gỡ các phần tử của phe MTGP. Đó là một nhóm chừng 5 người có vũ trang đang đứng chờ đợi tại nơi này. Họ đến chào vài câu xã giao rồi bắt tay tôi thật mạnh. Theo bước chân dẫn đường của họ đi trước, tôi đã băng qua nhiều khu rừng cây và những thửa ruộng. Đi bộ được hơn 3 tiếng thì đã tới một ngôi làng có chừng 200 nóc gia. Nơi đây là làng Hoài Hảo thuộc huyện Hoài Nhơn. Cũng tại đây có 6 người trong cơ chế gọi là ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định ra đón tiếp tôi. Thế là, tôi đã thực sự đến vùng đất kiểm soát của phe MTGP.

Kết cuộc, tôi trải qua 10 mấy ngày kể cả những ngày Tết âm lịch của VN tại vùng đất của phe MTGP. Trên đường đi qua 2 huyện 6 làng, hầu hết tôi đều đi bộ và thỉnh thoảng cũng được họ chở bằng các chiếc xe gắn máy hoặc xe Jeep đoạt được từ phía VNCH. Tại các thôn làng nằm sâu trong vùng rừng núi cách xa đường quốc lộ, đâu đâu tôi cũng thấy các bảng biểu ngữ mang nội dung sặc mùi tuyên truyền như: "Chúc mừng thắng lợi của hiệp định Ba Lê đánh đuổi đế quốc Mỹ ra khỏi VN" v.v...

Cùng đi theo và giải thích mọi chuyện cho cho tôi nghe là hai thông dịch viên tiếng Anh tên Tín và Thiệp. Tín tự giới thiệu rằng đã từng học Anh ngữ tại trường đại học ngành ngoại giao ở Hà Nội và hoạt động tại miền Nam từ năm 1968 với tư cách là chỉ huy cấp sư đoàn của quân đội BV đang đóng quân gần nơi đây. Ngoài ra, tất cả những người đi chung với tôi đều có mang theo những loại súng do Tiệp Khắc chế tạo. Người trưởng đoàn của họ tên Dư từng tham gia cuộc chiến chống Pháp và được đào tạo ở miền Bắc về lý thuyết cộng sản nên giữ chức chính ủy của cứ địa này cùng với hai người khác tên Thảo và Lương là cán bộ chính trị của huyện Hoài Nhơn.

Tất cả cư dân trong vùng đều sống bằng nghề nông. Từ đơn vị huyện, thôn, làng đều do cơ chế ủy ban nhân dân điều hành và người dân chỉ biết tuân theo các chỉ thị do họ đưa ra. Đáng chú ý nhất là tình trạng y tế yếu kém, thuốc men thiếu thốn với bệnh sốt rét hoành hành.

Điều khiến tôi ngạc nhiên nhất mỗi khi tôi tiếp xúc với người dân, thì chữ "chết" là câu nói mà tôi luôn được nghe thấy. Họ thường kể và gia cảnh nào là có cha chết, chồng chết, con chết trong chiến tranh. Đến nỗi , nếu không đề cập đến sự quá cô của một người thân nào đó trong gia đình thì họ không thể nào bắt chuyện tiếp tục được. Từ thời khởi đầu của cuộc chiến VN, tỉnh Bình Định được coi là vùng đất mà phe Việt Minh có thế lực rất mạnh. Có lẽ vì yếu tố lịch sử này nên đã tạo thành cá tính cho người dân sống tại đây. Họ có sức chịu đựng gian khổ và quyết ý theo đuổi cuộc chiến với niềm tin vào những điều ảo tưởng.

Tuy nhiên, không ai che dấu việc quân đội BV hiện diện tại miền Nam và cùng chiến đấu với phe MTGP. Và tất cả những người gọi là cán bộ chính trị thuộc gốc miền Nam đều đã từng ra Hà Nội để được đào tạo lý thuyết. Đương nhiên, ở một nơi nào đó trong tỉnh Bình Định chắc chắn có sự hiện diện của những sư đoàn được vũ trang đầy đủ của quân BV. Người thông dịch tên Tín cũng đã cho tôi biết rằng khi quân BV vào Nam thì họ phải bỏ đi các quân hàm và cải dạng thành binh sĩ của lực lượng MTGP.

Trong vùng đất kiểm soát của phe MTGP thường xuyên tổ chức những cuộc hội họp mà họ gọi là để học tập đường lối chủ trương của phía BV và những lúc như vậy các cán bộ chính trị cứ luôn miệng đọc theo những tập tài liệu dầy cộm với nội dung nói về cuộc chiến đấu của người dân VN từ thời thực dân Pháp cho đến giai đoạn chống Mỹ và nhấn mạnh đến ý nghĩa chính đáng của cuộc chiến giành lại độc lập cho đất nước. Đặc biệt là họ luôn chỉ trích chính quyền Sài Gòn là tay sai của Hoa Kỳ.

Nhìn thấy quang cảnh trước mắt kết hợp với những điều nghe được tại đây, tôi đã hiểu rõ rằng cuộc chiến VN không thể nào giải quyết được bằng hình thức hòa giải dân tộc hay những cuộc hòa đàm thương thuyết. Bởi vì phía MTGP và BV không bao giờ nhìn nhận sự tồn tại của chính quyền miền Nam VN.

Thực sự, trong chuyến tìm hiểu vùng đất của phe MTGP lần này, ngoài sự hiếu kỳ muốn tìm hiểu hư thực, tôi còn có mục đích quan trọng khác là dò hỏi tông tích của một bác sĩ tên Đệ đã bị người của MTGP bắt cóc. Và tôi đã gặp được bác sĩ Đệ tại một địa điểm gần con sông An Lão thuộc làng An Tín huyện Hoài Ân vào ngày 23 tháng Giêng năm 1974.

Trong số nhóm bạn thân người Việt Nam của tôi ở Sài Gòn có một nữ bác sĩ tên Nhung. Tuy là một phụ nữ tỏa sức thu hút nhờ vào dáng vẻ xinh đẹp nhưng Nhung lại là người trầm lặng ít nói. Qua lời kể của những bạn khác, tôi biết được chồng Nhung cũng là bác sĩ tên Đệ đã bị mất tích trong cuộc tấn công của quân CSBV vào mùa Xuân năm 1972. Đương thời, Đệ đang làm việc tại bệnh viện Bồng Sơn tỉnh Bình Định và khi quân BV đánh chiếm Bồng Sơn, Đệ cũng biến mất. Sau đó, tuy quân đội VNCH đã lấy lại được Bồng Sơn nhưng Nhung không thấy Đệ trở về nhà.

Vì vậy, sau khi quyết định đi đến tỉnh Bình Định và biết được điểm hẹn gần Bồng Sơn tôi đã nảy sinh ý định muốn giúp Nhung dò tìm tông tích chồng cô. Vì tôi nghĩ rằng đối với những người bạn thân trong sinh hoạt thường ngày, nếu giúp ích cho cho họ chính là điều khiến tôi cảm thấy vui mừng.

Khi đến nhà Nhung ngỏ ý, tôi được nghe cô kể rằng chồng cô không phải mất tích mà là bị người của phe MTGP bắt cóc vì có người từng khám bệnh ở bệnh viện Bồng Sơn thường ra vào khu kiểm soát của phía cs và nhìn thấy chồng cô rồi báo cho cô biết. Nhung còn dặn tôi hãy báo cho chồng cô biết nhà cô đã chuẩn bị tiền chuộc để đưa cho những người cs.

Sau khi đến Bình Định để thực hiện bài phóng sự, tôi cũng hỏi thăm tông tích của Đệ và được ông Dư là người trưởng đoàn đại diện của phia MTGP xác nhận Đệ đang phục vụ tại viện y tế nơi này với tính cách tự nguyện vì muốn đi theo MTGP. Tôi liền ngỏ ý xin gặp Đệ, nhưng không hiểu vì anh đang làm việc ở xa nơi tôi đến hay vì không thể liên lạc được nên một tuần lễ sau, vào đúng đêm giao thừa tôi mới có dịp gặp Đệ tại làng An Tín.

Dưới ánh đèn dầu leo lét trong một căn nhà tối tăm, trông Đệ có vẻ mệt mỏi và lo lắng nên dường như anh già hơn số tuổi 33 rất nhiều. Lúc đó, trong nhà cũng vài người cán bộ chính trị ngồi cạnh anh. Chỉ cần nhìn qua ánh mắt, tôi cũng hiểu Đệ có nhiều điều muốn nói nhưng không thể thốt nên lời. Khuôn mặt của anh không có dấu vết bị cháy nắng nhưng ngược lại là màu tái mét. Qua người thông dịch tên Thiệp tôi đã chuyển lời thăm hỏi của gia đình anh và cho biết thân nhân của anh đều khỏe mạnh.

Khi hỏi thăm sức khỏe của Đệ, anh cho biết nhiều lần bị lên cơn sốt rét nên hơi đuối sức. Trong hoàn cảnh này, tôi cũng không dám đặt những câu hỏi như anh có muốn về lại Sài Gòn hay ở lại đây tiếp tục chiến đấu nên buổi gặp gỡ kết thúc sau những giây phút ngắn ngủi.

Sáng hôm sau là ngày mồng Một Tết, ông Dư đến mời tôi dự buổi tiệc mừng năm mới và cũng có Đệ tham dự. Đó là quang cảnh những khuôn mặt tối qua đều tụ tập quang chiếc bàn đặt dưới ánh nắng đẹp trong một khu vườn nhỏ. Trong khi mọi người cười đùa vui vẻ, chỉ riêng Đệ ủ rủ. Dù vậy, anh vẫn tới bắt tay tôi và nói lời chúc mừng năm mới.

Sau khi dùng bữa xong, tôi và Đệ có được chút thời gian riêng tư sánh bước đi bộ quan khu vườn. Đệ trao cho tôi một lá thư được xếp nhỏ lại rồi nhờ chuyển dùm đến tay vợ anh. Dĩ nhiên, điều này đã được những người cán bộ đi theo anh đồng ý và lá thư đã qua sự kiểm duyệt. Tôi cũng thu âm lại những lời hỏi thăm gia đình của anh và không hề đề cập đến chuyện tiền chuộc vì nghĩ rằng sẽ gây nguy hiểm hơn cho Đệ. Sau đó, nhóm người đi chung với Đệ đã dẫn anh di mất hút trong những lùm cây.

Trở về Sài Gòn tôi gặp Nhung, đưa cho cô cuộc băng thu âm và lá thư của Đệ. Chỉ đọc qua vài hàng đầu tiên của lá thư, Nhung run rẩy đôi tay rồi bật khóc..

Từ đó, tôi không nghe gì về tin tức của Đệ nhưng không ngờ 9 tháng sau đó, tức vào tháng 10/1974 anh đã trở lại Sài Gòn đoàn tụ cùng vợ cơn. Nguyên do là nhân một cơn bão ập vào miền Trung khiến mực nước sông An Lão dâng lên, Đệ đã nhảy xuống sông rồi bơi cả đêm vượt thoát đến vùng đất tự do của miền Nam VN. Tôi đã nhận được tin báo này từ Nhung qua điện thoại.

Khi gặp lại Đệ, quả nhiên anh là một người ăn nói hoạt bát, cử chỉ nhanh nhẹn khác hẳn với lúc ở cứ địa của phe MTGP. Anh kể rằng bị người của phe cs bắt đi chẳng những để chữa bệnh cho họ và trước khi gặp tôi anh cũng được người của họ ra chỉ thị phải trả lời theo đúng những gì họ yêu cầu, chẳng hạn như là anh tự nguyện ở lại vùng đất của MTGP vì muốn đi theo con đường chính nghĩa v.v...

Cho đến thời điểm gần trước khi Sài Gòn thất thủ, Đệ đã cùng gia đình di tản ra ngoại quốc vì anh cảm thấy nguy hiểm do trước đây đã từng bỏ trốn khỏi căn cứ của phía MTGP. Đây là lần thứ hai anh rời bỏ những người CS.

Tôi có dịp tái ngộ vợ chồng Đệ vào năm 1982 tại Hoa Kỳ. Anh tươi cười nói: “Tôi chỉ có con đường này thôi nhưng tôi không hề hối hận khi phải rời bỏ quê hương của mình”.

Kỳ 17: Hấp lực của một thành phố

Tuy phải sống trong hoàn cảnh lửa đạn chiến tranh kéo dài, nhưng miền Nam VN lại là một quốc gia có sức hấp dẫn lạ kỳ. Trong đó, xã hội của thành phố Sài Gòn cũng là nơi tỏ sức thu hút đặc biệt với những mặt tốt xấu, buồn vui, thiện ác của con người được bộc lộ rõ nét.

Đó là một xã hội thể hiện những phong tục và bản sắc của người dân VN được pha trộn thêm những nét văn hóa tiêu biểu của Trung Hoa, Pháp và Hoa Kỳ nên có thể nói đây là một sự kết hợp tính đặc thù giữa Đông và Tây, cũ và mới. Điển hình là có những người xem bói và nói về tín ngưỡng thần linh bằng tiếng Pháp một cách sành sỏi.

Không hiểu đó có phải là do cá tính dân tộc của người miền Nam VN hay là vì những quan niệm về lẽ sinh tử bị ảnh hưởng từ chiến tranh, nhưng họ luôn bộc lộ tình cảm một cách trực tiếp không cần che đậy hay đè nén. Họ vật vã gào khóc khi mất người thân, họ khiển trách than thở trước những tệ nạn của nhà chức trách, họ giận dữ lớn tiếng khi bị lường gạt hoặc mất tiền bạc của cải v.v....Tóm lại, việc bộc lộ tình cảm vừa trực tiếp vừa khích liệt là những điều xảy ra trong cuộc sống hàng ngày của xã hội miền Nam VN. Điều này quả thật tương phản với hình ảnh những người Nhật Bản ngồi im lặng chịu đựng trên những con tàu điện ngầm chật kín trong giờ cao điểm đến hãng sở làm việc ở Tokyo.

Tuy nhiên, ở mặt phản diện hầu như trong thâm tâm mọi người đều có khuynh hướng dè dặt và nghi ngờ hay nói cách là không thật tình tin tưởng kẻ khác và đây chính là hai mặt trái ngược khi diễn tả tâm tính của người Sài Gòn. Tức là tuy ta có thể nhìn thấy cảm tình của họ dường như bộc lộ ra hết bên ngoài nhưng mặt khác bên trong lại chất chứa sự nghi ngờ. Vì vậy cũng có thể nhìn được hai yếu tố gắn liền với mặt phản diện này là sự gian dối và sự lừa gạt. Ngoài ra, xã hội cũng nghiêng về sức mạnh của đồng tiền được coi là bối cảnh xuất phát tệ nạn tham nhũng.

Thế nhưng, điều khiến tôi dao động mạnh nhất là nhìn thấy người dân miền Nam kể cả nam lẫn nữ đều có sức sống mãnh liệt dù trong tình trạng đất nước chiến tranh, không biết sống chết lúc nào. Họ luôn tươi cười rạng rỡ và bình thản trong cuộc sống. Quả thật, đối với một người từ thủ đô Tokyo Nhật Bản trong một buổi chiều Xuân êm đềm như tôi chợt thay đổi hoàn cảnh, đi đến vùng đất chiến hỏa này và được mục kích lối sống của người dân miền Nam VN nên tôi không khỏi ngạc nhiên.

Tóm lại, kể từ sau khi hiệp định Ba Lê được ký kết vào tháng Giêng năm 1973, tôi càng có nhiều cơ hội tiếp xúc với những người VN và cảm nhận được những biểu hiện tình cảm hỉ nộ ai lạc của họ. Đó là khoảng thời gian mà cho dù ai cũng biết hiệp định đình chiến Ba Lê chỉ là trò nguỵ tạo nhưng nhịp sống của xã hội Sài Gòn vẫn tiếp tục vươn lên và kỳ vọng về một tương lai hòa bình trong lúc tình hình chiến cuộc có lúc tạm thời lắng dịu.

*

Riêng trường hợp của tôi, cho đến khi quen thuộc với cuộc sống ở Sài Gòn thì cũng phải trải qua nhiều kinh nghiệm thương đau. Nói chung, có những người dân ở đây suy nghĩ rằng người ngoại quốc vốn giàu có nên nếu lường gạt họ bao nhiêu cũng là điều bình thường. Hơn nữa, nếu sự lường gạt xảy ra giữa những người VN với nhau thì phía bị lường gạt lại bị coi là ngu khờ, dại dột và phải chấp nhận sự thiệt thòi này một cách đương nhiên.

Điển hình là lúc tôi mướn căn phòng trọ trong thành phố do một phụ nữ trung niên kinh doanh tiệm uốn tóc làm chủ, tôi có ký vào một tờ giấy được coi là bản khế ước mướn phòng. Nhưng khi bắt đầu dọn vào ở ngày đầu tiên thì sáng hôm sau có một người đàn ông lạ mặt đến cho tôi biết rằng: "*Anh là người nhập cư bất hợp pháp*". Thì ra người phụ nữ nói trên đã tự ý

lấy danh nghĩa chủ phòng rồi cho tôi mướn. Sau đó tôi phải trả thêm tiền đặt cọc cho người chủ phòng thật sự. Chưa hết, khi tôi nhờ người bắt đường dây điện thoại trong phòng thì cũng ngay sáng hôm sau khi chuông điện thoại reo thì tôi bắt máy nhưng lại nghe tiếng hai người đàn ông khác đang nói chuyện. Bởi lẽ, đây không phải điện thoại bắt riêng mà họ câu dây từ máy điện thoại chính ở phòng bên cạnh. Dĩ nhiên là tôi bị mất tiền bắt đường giây này và sau đó cũng phải trả thêm tiền để bắt đường giây riêng cho máy điện thoại của mình.

Ngoài ra, tôi cũng từng bị mất xe hơi, bị trộm vào phòng. Đó là lúc tôi ngã bệnh vì chưa quen phong thổ nơi này, sau mấy ngày nằm liệt tôi cảm thấy hồi phục và đi ra ngoài cho khuây khỏa nhưng khi trở về phòng thì thấy kiếng cửa sổ bị phá vỡ và lúc xem lại đồ đạc thì mới biết bị mất tiền, máy chụp hình máy thu âm v.v...

Thêm một kinh nghiệm khác là do công việc bận rộn nên tôi có mướn một phụ nữ đến dọn dẹp, giặt giũ nhưng trải qua một thời gian dài sau đó tôi mới biết tiền bạc trong ngăn kéo và túi quần đã bị cô ta lấy đi từng chút, Có lần tôi cùng người bạn đi Vũng Tàu tắm biển thì bị trộm chìa khóa xe hơi, cuối cùng phải bỏ tiền ra chuộc lại chìa khóa. Trong khi đó, tôi cũng được nghe nói về tình trạng hối lộ hoành hành trong xã hội.

uy vậy, bên cạnh những mặt tiêu cực cũng có biết bao điều tốt đẹp diễn ra nơi những góc cạnh khác của xã hội miền Nam với nhiều mảnh đời cùng cực đầy nghịch cảnh nhưng họ vẫn vững tin vào cuộc sống và giữ được nét thanh khiết trong tâm hồn vốn chứa đựng đầy ý nghĩa tình người khiến tôi vô cùng ngạc nhiên muốn tìm tòi học hỏi thêm. Hoặc có thể nói khác hơn là chính họ đã mang lại những nụ cười và niềm lạc quan yêu đời cho tôi mà từ trước đó tôi chưa hề cảm nhận được nguồn năng lực tạo nên sức sống mãnh liệt đến như vậy.

Tóm lại, trong khi tôi cố gắng nhớ tiếng Việt bao nhiêu thì cũng tiếp xúc thân mật với những người thuộc giai cấp bình dân bấy nhiêu. Từ đó, tôi lại càng bị lôi cuốn vào hấp lực của thế giới nội tâm mang nét đặc dị của người dân trong xã hội miền Nam VN nói chung và Sài Gòn nói riêng.

Nếu đối chiếu với xã hội Nhật Bản xưa kia, ta cũng thấy được nét tương đồng của xã hội miền Nam về đặc tính bổn phận của cá nhân đối với gia đình. Trong xã hội miền Nam, những người được coi là trụ cột của gia đình luôn có bổn phận phải chăm lo cho cha mẹ, anh chị em và người thân nên có thể nói là họ đã hy sinh cả cuộc đời để chu toàn bổn phận này. Trong mối quan hệ với bạn bè, người quen, người dân miền Nam còn có lối xử thế đặt trên căn bản coi trọng tình nghĩa lẫn thể diện. Tôi đã gặp rất nhiều người tuy trông bề ngoài có vẻ như họ rất chuộng tiền bạc vật chất nhưng bản chất thực sự của họ chính là những người tốt bụng, có lòng giúp đỡ tha nhân và hành xử theo hướng nhân nghĩa đạo đức rất đáng kính trọng.

Thêm nữa, nếu ta xét về trường hợp người dân sống trong một xã hội lâm cảnh nhiễu nhương trong thời kỳ chiến loạn như miền Nam thì có lẽ họ không thể nào có được một cuộc sống nội tâm đơn thuần. Và vì vậy, họ phải thích ứng với hoàn cảnh để sinh tồn trong những môi trường lừa lọc, tính toán. Nói một cách đơn giản là trong bối cảnh cuộc chiến VN có sự xâm nhập của những thành phần hoạt động cho phía MTGP nên người dân miền Nam khó có thể phân biệt ai là thù ai là bạn và từ đó họ cũng không thể nào tin tưởng người khác một cách dễ dàng.

Những nét đặc tính sinh hoạt của người dân miền Nam VN còn được một ký giả Nhật Bản nổi danh là Kondo Koichi miêu tả rất sống động qua các loại bài ký sự và tác phẩm của mình. Ông Kondo Koichi vốn là đặc phái viên của tờ báo Sankei tại Sài Gòn, từng lưu học ở Pháp và kết hôn với người trưởng nữ của vị đại sứ Nhật Bản ở Pháp vào năm 1967 nhưng chỉ ba năm sau vợ ông qua đời.

Ông đến Sài Gòn làm việc từ năm 1971 và trong thời gian này đã tái hôn với một phụ nữ VN tên Bùi Thị Nâu. Sau đó, ông đã viết quyển sách "Saigon Kara Kita Tsuma To Musume" tức "Vợ Con Tôi Đến Từ Sài Gòn" để nói về đặc tính sinh hoạt của người dân miền Nam qua hình ảnh của người vợ ông là bà Nâu và người con gái riêng của vợ tên Mỹ Dung mà ông coi như con ruột. Tác phẩm này đã đoạt được giải thưởng văn học bộ môn tả chân mang tên văn hào Oya Soichi vào năm 1979.

Từ năm 1980, ông Kondo Koichi còn thực hiện hàng loạt bài phóng sự về vấn đề người tị nạn VN và cũng nhận được nhiều giải thưởng văn học danh giá của Nhật Bản. Tuy nhiên, tác phẩm nổi tiếng nhất của ông liên quan đến sự kiện Sài Gòn Thất Thủ" là quyển sách có tựa đề "Saigon Ichiban Nagai Hi" tức "Sài Gòn Ngày Dài Nhất". Đáng tiếc là ông Kondo Koichi đã ra đi trong lứa tuổi hãy còn rất trẻ khi mất vào tháng Giêng năm 1986 vì chứng bệnh ung thư bao tử, hưởng dương 45 tuổi.

Trở lại những mảnh đời nổi trôi theo số phận nghiệt ngã mà từ tôi từng chứng kiến tại Sài Gòn thì quả thật họ có sức chịu đựng vượt qua mọi sự tưởng tượng của tôi. Chẳng hạn như trường hợp một vị cao niên trong cùng năm có tới 3 người con trai tử trận nhưng ông vẫn đè nén nỗi đau để vươn sống và chăm lo cho các cháu của mình. Còn một người tôi quen khá thân là cô gái ở lứa tuổi đôi mươi làm việc ở quán bar có mang được 7 tháng thì nghe tin chồng chết ngoài chiến trường và cô vẫn tiếp tục vui sống vì đứa con và người mẹ già của mình. Ngoài ra còn biết bao cảnh ngộ bi thương khác nhưng lạ lùng là họ vẫn nở nụ cười như để trang điểm thêm cho cuộc sống.

Nói chung, từ trong bóng tối chiến tranh, ánh sáng của những nụ cười sảng khoái và những câu nói đùa làm bầu không khí trở nên sôi động chính là hành trang trong cuộc sống của người dân miền Nam. Đó cũng là những bài học giúp tôi nhìn được ý nghĩa cuộc sống để đương đầu với nghịch cảnh.

Lối sống của người dân miền Nam VN là như vậy đó và nó luôn thu hút tôi một cách đặc biệt.

Kỳ 18: Kẻ thắng nhập thành

Ngày 30/4/1975 là một ngày mà tôi không thể nào quên được. Bởi vì đó là ngày Sài Gòn thất thủ và được cho là dấu ấn kết thúc cuộc chiến VN. Hơn nữa, bản thân tôi vào ngày hôm đó cũng có mặt ở thủ đô Sài Gòn của miền Nam VN hay nói cách khác là tôi đã chính mắt mục kích sự kiện mang tính cách lịch sử này nên tôi không thể nào quên được.

Hàng năm, mỗi khi đến ngày 30/4 thì trong đầu tôi lại nhớ đến tình cảnh "ngày này năm xưa" và cứ mỗi lần như vậy tôi lại có sự thay đổi suy nghĩ với câu hỏi "có thực sự đó là ngày chấm dứt cuộc chiến VN?"

Trong lịch sử đầy biến động của thế kỷ 20, cuộc chiến tranh VN đúng là một sự kiện quan trọng mang tầm ảnh hưởng đến cục diện thế giới. Trải qua bao năm tháng cho đến nay, cuộc chiến VN với màn chung kết là sự kiện Sài Gòn Thất Thủ đã mang ý nghĩa như thế nào?

Đầu tiên có lẽ phải đặt tiền đề về sự minh ám của lịch sử.

Việc ghi chép và bình giải về một cuộc chiến đương nhiên sẽ mang nội dung khác biệt tùy theo người thực hiện. Nghĩa là sẽ tồn tại hai ngòi bút mang lập trường tương phản giữa người chiến thắng và kẻ bại chiến nên tạo thành những điểm sáng và những điểm tối mà ta gọi là sự minh ám của lịch sử. Thông thường, kẻ chiến thắng tạo nên những thiên hùng ca, còn trái lại người chiến bại viết thành một bi kịch uất nghẹn. Nhưng cho dù là người truyền đạt hoặc kẻ đọc lại lịch sử đi chăng nữa thì sau khi trải qua một thời gian dài, tất sẽ có khuynh hướng đưa cảm quan nghiêng về một phía.

Hơn nữa, nếu cho rằng kẻ thắng là phe thiện còn người thua là phe ác thì chắc chắn khuynh hướng nghiêng một về phía càng trở nên cực đoan hơn. Trong khi sự thật của lịch sử nếu không được suy xét tìm hiểu sẽ dễ dàng bị vất bỏ và bị lãng quên. Vấn đề ghi chép và bình giải cuộc chiến VN cho hậu thế cũng giống như vậy, sau một thời gian trôi qua, sự bóp méo lịch sử của cuộc chiến này càng được đơn thuần hóa và trải rộng nên ít người ngoại quốc nhìn thấy được sự thật.

Trường hợp giới truyền thông Nhật Bản cũng có cái nhìn thiên kiến về cuộc chiến VN ngay từ lúc ban đầu. Bởi vì, họ thông tin theo chiều hướng cảm tính bị ảnh hưởng từ các luận điệu tuyên truyền chính trị đầy hư cấu, ngụy tạo của phe CSBV. Và cho dù sự thật đôi khi được đưa ra nhưng với cảm quan chính trị đầy cố chấp, giới truyền thông Nhật không bao giờ chấp nhận những gì trái ngược với nội dung thông tin của họ về cuộc chiến VN. Trải qua năm tháng, những sự thật đầu uẩn khúc bên trong của cuộc chiến VN lại đương nhiên được chấp nhận một cách vô tình, thờ ơ hoặc vì đã quá mệt mỏi trong các cuộc tranh luận. Điều này quả thật nguy hiểm và bất công đối với những trang chính sử của cuộc chiến VN. Vì vậy, cũng do vấn đề thời gian, nếu ta không suy gẫm và soi sáng các điểm minh ám trong lịch sử, cuộc chiến VN sẽ mãi mãi không bao giờ được nhìn ra ý nghĩa chân thật của nó.

Qua tiền đề minh ám lịch sử, tôi mạo muội tự ý tiếp tục tìm hiểu và lược qua các điểm chính yếu của cuộc chiến VN từ lúc mở màn cho đến khi kết thúc để giới thiệu đến dư luận Nhật Bản vốn có rất ít người hiểu rõ chân tướng. Và đây cũng là lý do tôi thực hiện loạt bài ký sự Sài Gòn Thất Thủ.

Vào ngày định mệnh, từ sáng sớm bầu trời thành phố Sài Gòn bị bao bọc bởi những đám mây đen u ám với những cơn mưa nhẹ. Từ máy radio, người dân nghe rõ giọng nói nặng nề của vị tổng thống cuối cùng là ông Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng: "Tôi, đại tướng Dương Văn Minh, Tổng Thống chính quyền Sài Gòn, kêu gọi quân lực Việt Nam Cộng hòa hạ vũ khí đầu hàng không điều kiện quân giải phóng miền Nam Việt Nam. Tôi tuyên bố chính quyền Sài Gòn từ trung ương đến địa phương phải giải tán hoàn toàn, từ trung ương đến địa phương trao lại cho chính phủ cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam".

Đó là thời điểm quá Ngọ ngày 30/4/1975, tôi đã gửi ngay bức điện tín tốc báo sự kiện quan trọng này gửi về tòa soạn báo Mainichi ở thủ đô Tokyo.

Thế nhưng, dù nội dung bản văn đầu hàng được ông Dương Văn Minh tuyên đọc, nhưng phía CSBV vẫn không tiếp nhận và tiếp tục công kích các đơn vị phòng thủ của quân lực VNCH. Rồi chỉ khoảng chừng hai tiếng sau, quân lính CSBV với đoàn xe tăng đã tràn vào đến tận Dinh Độc Lập bắt ông Minh đi đến đài phát thanh để đọc bản văn đầu hàng do họ biên soạn. Tại đây khi giọng nói của ông Dương Văn Minh cất lên, coi như lần đầu tiên miền Nam VN tức nước VNCH chính thức tuyên bố đầu hàng vô điều kiện trước dư luận thế giới. Thế nhưng, khi nghe Tổng Thống Dương Văn Minh tuyên đọc những lời đầu tiên, tôi đã phán đoán rằng thế lực chiến đấu của quân đội VNCH đã thực sự bị tan rã nên tôi vội vã chạy ra ngoài đường phố.

Lúc đó từ phía đông thành phố Sài G có hàng ngàn quân nhân VNCH cùng với xe tăng thiết giáp và xe jeep xuất hiện trong quang cảnh đổ xô nhau chạy loạn khắp nơi và trong đó có nhiều người tuy bị thương nhưng cũng cố gắng bỏ chạy. Trải qua những giây phút mà tôi có cảm tưởng như thời gian ngưng đọng lại, thì quân đội Bắc Việt bắt đầu tràn vào thành phố từ bốn phương tám hướng. Giờ đây nghĩ lại, lúc đó tôi thật liều lĩnh vì cho dù trên danh nghĩa cuộc chiến đã chấm dứt, nhưng tại nhiều nơi vẫn còn những cuộc chạm súng đẫm máu và thực tế là tiếng súng chưa im hẳn. Chính vì vậy, cho dù có nhận thức rằng bao nỗi nguy hiểm đang rình rập quanh mình, nhưng với sự suy nghĩ là không thể nào bỏ qua được giây phút lịch sử chứng kiến cảnh chấm dứt cuộc chiến VN nên tôi đã quên đi tất cả mọi thứ.

Lần đầu tiên, tôi đã nhìn thấy tận mắt quân đội Bắc Việt với khoảng hai mươi mấy người ngồi trên chiếc xe vận tải của Liên Xô trong quân phục màu cỏ xanh, đầu đội nón cối trên tay nắm chặt súng và nghiêm chỉnh trong tư thế sẵn sàng đối ứng với các tình huống bất ngờ xảy ra. Trên khuôn mặt vừa có vẻ ngơ ngác vừa đăm đăm nhìn cảnh vật chung quanh là màu da rám nắng của những binh sĩ Bắc Việt. Trông họ đều là những người có cử động nhanh nhẹn và dường như đã trải qua nhiều trận đánh trên chiến trường. Rõ ràng đây là những đạo quân tinh nhuệ và thiện chiến của phía Bắc Việt .

Sau đó, tôi cũng chứng kiến cảnh quân Bắc Việt chiếm cứ Dinh Độc Lập. Từ những toán quân ngồi trên vài chiếc xe vận tải có ngụy trang lá cây, họ đã dừng lại trước Dinh Độc Lập và nhóm quân lính này nhanh nhẹn nhảy xuống xe tiến vào sân cỏ mà không hề gây ra âm thanh ồn ào nào. Kế tiếp, họ chia thành nhiều nhánh quân trên tay cầm loại súng AK 47 hoặc đeo các loại súng ngắn bên hông lần lượt tiến vào trong. Lúc đó, một người có lẽ là sĩ quan cầm đầu ra hiệu lệnh lớn tiếng rồi không quá một phút sau, tôi nhìn thấy các quân nhân

VNCH xuất hiện với cờ trắng trong tay. Khi ấy, viên sĩ quan của phía Bắc Việt cũng chĩa mũi súng về hướng những người ra dấu đầu hàng.

Vì tôi đứng ở vị trí khá gần người sĩ quan này nên khi đưa ống kính chụp hình để chụp lại quang cảnh thì tôi cũng bắt gặp những tia nhìn sắc bén của các binh sĩ Bắc Việt, nhưng chỉ một chốc sau họ tỏ thái độ không thèm để ý đến sự hiện diện của tôi. Ngay khi đó trên nóc Dinh Độc Lập, lá cờ vàng ba sọc đỏ của VNCH cũng bị thay bằng cờ của phe chiến thắng, đánh dấu màn chung kết của cuộc tranh VN. Tuy đó chỉ là giây phút ngắn ngủi nhưng tôi lại cảm thấy nhiều cảm xúc dâng tràn khi lá quốc kỳ VNCH bị hạ xuống một cách phũ phàng…

Từ buổi trưa cho đến tối 30/4/1975 đã có hơn 100.000 quân Bắc Việt tiến vào Sài Gòn. Tất cả đều là bộ đội thuộc lực lượng chính quy của quân đội Bắc Việt, tức quốc gia VNDCCH. Trong kế hoạch tấn công Sài Gòn mà phía Bắc Việt gọi là chiến dịch HCM do tướng Văn Tiến Dũng chỉ huy đã dùng quân số lên đến 15 sư đoàn để đánh chiếm thủ đô miền Nam VN. Trong khi phía quân đội VNCH chỉ có chưa đầy 5 sư đoàn bảo vệ thủ đô nên trong một thời gian ngắn họ bị vỡ trận.

Đối với tôi, việc quân đội cộng sản Bắc Việt tràn vào Sài Gòn với một lực lượng hùng hậu và còn được trang bị vũ khí đủ loại, đã cho thấy mức độ quy mô và áp đảo hẳn lực lượng quân VNCH như chiến xa T-54, loại pháo cực đại 130 ly, loại xe tăng lội nước PT-76 có tính cơ động đa năng của Liên Xô, cùng với đủ loại xe tải và vũ khí khác ghi hàng chữ tàu do Trung cộng sản xuất như hỏa tiễn, đại pháo. Qua đó chỉ có thể kết luận rằng quân Bắc Việt đã được trang bị ở cấp đại chiến lực cùng với nhiều loại vũ khí cận đại.

Tóm lại, những gì diễn ra trước mắt tôi quả thật đã hoàn toàn trái ngược với cái gọi là "cuộc kháng chiến thần thánh của người dân Nam Bộ dưới ngọn cờ MTGPMN đã đánh tan chính quyền Sài Gòn và đế quốc Mỹ xâm lược" mà phía Hà Nội đã tuyên truyền và được đa số dư luận thế giới tin theo.

Kỳ 19: Đại sứ bất tại

Một mình trong bóng tối lại nghe được những âm thanh vang dội của tiếng đạn pháo làm rung chuyển nền nhà, quả là thứ cảm giác rất khó chịu. Nhất là tâm trạng cảm thấy mình bất lực không thể đối ứng được bất cứ điều gì trong tình cảnh những loạt đạn pháo kích đang rình rập rơi xuống quanh mình, và tôi lại càng cảm nhận được từng giây phút hồi hộp lo sợ như vậy vào buổi sáng sớm ngày 29/4/1975, vừa đúng một ngày trước khi Sài Gòn thất thủ.

Để trấn an tinh thần, tôi cứ nghĩ là ở thời điểm này rất ít có khả năng những quả đạn pháo kích của quân BV lại rót vào trung tâm Sài Gòn dù trước đó hai ngày, trường hợp này đã xảy ra. Đó là đợt pháo kích 5 quả rocket 122 ly của quân BV đã bắn vào lòng thủ đô Sài Gòn làm hư hại tầng lầu cao nhất của khách sạn Majestic vốn được xây cất bằng đá nham thạch nằm bên bờ sông Sài Gòn. Một quả đạn khác bắn vào khu đông dân cư ở gần bộ Tư lệnh lực lượng cảnh sát quốc gia khiến 20 người tử thương và biến nơi này thành những đống gạch vụn trông rất bi thảm.

Lúc đó, tôi đã đến hiện trường quan sát và không khỏi kinh ngạc trước sức công phá ác liệt của loại đạn pháo 122 ly này với khoảng 20 căn nhà thường dân bị san bằng thành bình địa. Tuy hầu hết những căn nhà của người dân miền Nam đều được xây bằng bê tông cốt sắt nhưng tất cả đều bị phá hủy bởi loại đạn pháo 122 ly và chỉ còn trơ lại những đống gạch vụn tan nát. Hơn nữa, đạn 122 ly còn trải rộng diện tích hủy hoại khi để lại dấu vết tàn phá không khác gì một trận hỏa hoạn lớn. Khi nhớ lại quang cảnh này, nỗi khủng bố sợ hãi chợt dâng cao trong đầu tôi.

Trong lịch sử cuộc chiến VN, hình thức trực kích bằng đạn pháo đánh thẳng vào thủ đô Sài Gòn rất hiếm khi xảy ra. Và đợt pháo kích liên tục này là lần đầu tiên kể từ thời điểm năm 1971, trong khi đối với tôi đây cũng là kinh nghiệm đầu tiên sau ba năm sống tại Sài Gòn.

Trở lại thời điểm lúc rạng sáng ngày 29/4/1975, âm thanh khủng bố của những tiếng nổ ầm trời vẫn tiếp tục, cho thấy quân BV chưa chấm dứt đợt pháo kích. Khởi đầu là khoảng 20 lần liên tục tôi nghe thấy loạt tiếng nổ như xé nát bầu trời làm rung chuyển cả căn chung cư và xen vào đó là tiếng rạn nứt của kính cửa sổ. Tiếng đạn pháo kích bùng nổ nghe rõ ràng nhất là từ hướng Bắc của thành phố, tức căn cứ Không Quân ở phi trường Tân Sơn Nhất. Quả nhiên, khi tôi nhìn ra bên ngoài từ cửa sổ thì đã thấy những ngọn lửa bốc cao từ hướng phi trường này. Sau đó, đợt pháo kích chợt lắng dịu khiến tôi phần nào bớt lo lắng nhưng kế tiếp lại là 7 tiếng nổ ầm trời rồi có 7 tiếng nổ nữa vang lên.

Lúc này, chợt điện thoại reo lên. Tiếng nói ở bên kia đầu giây của Thiếu Tá Nguyễn Tấn Ngà cho biết: “Căn cứ Tân Sơn Nhất đã bị tấn công bằng loại pháo 130 ly và nhiều kho quân dụng cùng cơ sở vật chất của Không Quân đã bị phá hủy. Nhưng quân cộng sản vẫn chưa thấy xuất hiện chung quanh căn cứ”.

Thiếu Tá Ngà là người cộng tác với tôi trong việc cung cấp những tin tức chiến trường và trong giờ phút hiểm nghèo này ông vẫn giữ lời hứa liên lạc với tôi trong mọi tình huống nguy ngập khiến tôi vô cùng cảm kích.

Qua cuộc tấn công bằng loạt pháo kích này, tôi cũng nghĩ rằng kế hoạch di tản những người Nhật Bản bằng chuyến bay của hãng hàng không dân sự Japan Air Lines đã bị ảnh hưởng.

Trong thời điểm Sài Gòn hấp hối, có khoảng 150 người Nhật còn ở lại thủ đô và sau khi trải qua những diễn tiến phức tạp của chương trình di tản công dân được đề ra ở Tokyo, cuối cùng một chuyến bay đặc biệt của hãng Japan Air Lines được giao nhiệm vụ chuyên chở người Nhật ở Sài Gòn. Chuyến bay này cũng đã ghé đến phi trường Manila của Philippines và dự định sẽ đáp xuống phi trường Tân Sơn Nhất vào ngày 30/4/1975. Thế nhưng, đây lại là ngày miền Nam sụp đổ.

Trên thực tế, giữa lúc tình hình quân BV đang từng bước tấn công áp sát Sài Gòn thì đa số người Nhật Bản vẫn cảm thấy khó xử trong thế lưỡng nan không biết nên trở về quê hương hay ở lại đây vì họ rất yêu mến nơi này cũng như có nhiều người đã lập gia đình và có con cái với người bản xứ. Do đó, qua những cuộc trao đổi với giới đồng hương, tôi hiểu rất rõ là trong lòng chúng tôi ngỗn ngang trăm bề với những ý nghĩ xoay chuyển quanh đầu ngày đêm và quả thật đó là một kinh nghiệm rất quan trọng trong đời chúng tôi.

Giờ đây nghĩ lại, tôi mới càng thấy được lý do khiến những người Nhật Bản ở lại Sài Gòn vào lúc đó chính là sợi dây quyến luyến kỳ lạ một cách đặc biệt đối miền Nam VN. Riêng tôi, ngoài thứ tình cảm lưu luyến vô hình đó còn có lòng hiếu kỳ muốn được trải nghiệm những giờ phút lịch sử cuối cùng của miền Nam VN, nhưng cũng phải trải qua nhiều lúc đắn đo suy nghĩ rồi mới đi đên quyết định dứt khoát.

Đương nhiên, đối với người Nhật cuộc chiến tranh VN là một cuộc chiến ở nước ngoài. Cho nên dù ngay cả những phóng viên chiến trường mang trọng trách thông tin trực tiếp hoặc có mối quan hệ tình cảm đặc biệt với cuộc sống và con người của miền Nam VN đến mức nào chăng nữa thì vấn đề an toàn bản thân vẫn là ưu tiên hàng đầu. Hơn nữa, trong trường hợp phải tạm thời ở lại vùng đất phân tranh trong thời điểm cuối của cuộc chiến thì vẫn phải nghĩ đến một giải pháp an toàn cho bản thân.

Trường hợp của tôi khi chứng kiến đợt pháo kích liên tục từ hai ngày trước và rạng sáng ngày 29/4/1975, tôi cũng có nghĩ đến sự nguy hiểm khó lường và có lẽ nên rời khỏi VN ngay trong lúc đó. Thế nhưng, ngay sau đó tôi đã từ bỏ ý định này một phần do lòng hiếu kỳ thôi thúc và một phần cũng là do tình hình của tòa đại sứ Nhật Bản ở Sài Gòn lúc đương thời.

Việc bảo vệ an toàn cho công dân của một nước tại hải ngoại là trách nhiệm hàng đầu của tòa đại sứ nước đó, cho nên từ cuối tháng 3/1975 tòa đại sứ Nhật Bản đã ra lời khuyến cáo công dân của mình ở miền nên rời khỏi đây. Vì vậy, cũng có một số người Nhật đã sớm trở về quê hương. Thế nhưng, trong giai đoạn mà sự tồn vong của chính quyền miền Nam được đếm từng ngày thì vị đại sứ của Nhật Bản không có mặt tại Sài Gòn.

Bởi vì cựu đại sứ Nara Yasuhiko vừa mãn nhiệm kỳ ở Sài Gòn vào đầu tháng 3/1975 và chuyển sang quốc gia khác. Sau đó, bộ Ngoại Giao Nhật Bản vẫn chưa bổ nhiệm tân đại sứ dù đã trải qua hơn một tháng từ khi ông Nara Yasuhiko rời khỏi Sài Gòn. Mãi cho đến 11/4/1975 thì vị đại sứ mới là ông Hitomi mới có mặt ở tòa đại sứ Nhật Bản tại Sài Gòn với vấn đề trước mắt là giải quyết cho 250 công dân di tản. Con số này bao gồm cả những cựu quân nhân Nhật Bản đã lập nghiệp hoặc có vợ là người VN và sinh sống tại đây đã lâu cũng như những doanh

nhân cùng nhân viên ngoại giao và giới phóng viên như tôi, tức toàn những đối tượng muốn ở lại đến giờ phút cuối để xem xét tình hình chiến cuộc mới đi đến quyết định thật sự. Và cũng chính vì vậy mà cuộc di tản của người Nhật Bản gặp phải nhiều trục trặc bất ngờ.

Đó là những thủ tục rườm rà chỉ làm mất thời gian và không đối ứng kịp thời với những diễn tiến xảy ra quá cấp bách vì phía hãng hàng không Nhật Bản tuy đáp ứng nguyện vọng của Bộ Ngoại Giao nhưng kèm theo điều kiện là phải bảo đảm an toàn tại phi trường nơi họ đáp máy bay để chở người. Mà cho dù điều kiện an toàn được bảo đảm thì cũng không cần gửi những chuyến bay đặc biệt nên phải chờ các chuyến bay định kỳ từ Tokyo đến Sài Gòn.

Trong khi những công dân nước đã được chính quyền của họ di tản sớm bằng đường hàng không hoặc các trực thăng quân sự đưa ra tàu lớn, nhưng trường hợp của Nhật Bản lúc đương thời thì không có hình thức giúp đỡ công dân mình bằng các phương tiện quân sự theo luật ràng buộc của hiến pháp dù công dân Nhật đang ở tại các quốc gia chiến loạn. Vì vậy, chúng tôi không thể nào trách cứ được sự chậm trễ của Bộ Ngoại Giao trong kế hoạch di tản người Nhật tại Sài Gòn vào thời điểm cận kề kết thúc cuộc chiến, bởi lẽ Sài Gòn là vùng đất cũng nằm trong điều lệ quy định nơi hiến pháp Nhật Bản.

Để giải quyết vấn đề di tản, vị tham tán toà đại sứ Nhật là ông Watanabe Koji đã xúc tiến một kế hoạch kết hợp với hàng không Japan Air Lines nhưng kết cuộc, những phi trường chính yếu của miền Nam đã bị đe dọa trước áp lực quân sự của quân cộng sản BV nên kế hoạch này coi như bị đổ vỡ và tòa đại sứ Nhật chỉ còn cách nhờ sự giúp đỡ của phía Hoa Kỳ.

Thật sự, lúc ban đầu khi kế hoạch di tản được xúc tiến thì tòa đại sứ Nhật cũng đã ngỏ lời yêu cầu Hoa Kỳ trợ giúp với một chuyến bay khẩn cấp chở 30 nhân viên trọng yếu của ngành ngoại giao Nhật bằng trực thăng được thực hiện. Cho đến ngày 29/4/1975 thì phía Nhật Bản cũng yêu cầu Hoa Kỳ thực hiện tiếp một chuyến bay khác chở công dân của mình thì không ngờ khi những nhân viên của tòa đại sứ Nhật đến tòa đại sứ Hoa Kỳ thì họ cũng theo đoàn người của Mỹ lên trực thăng di tản trước. Nghĩa là, lúc này tòa đại sứ Nhật Bản không còn người đại diện khiến tình hình di tản càng trở nên hỗn loạn.

Theo chỉ thị của tòa đại sứ Nhật Bản trước đó thì những người Nhật muốn di tản phải đến chờ đợi trước Viện đại học Sài Gòn để chờ lên xe bus chở ra nơi đậu của trực thăng quân sự Hoa Kỳ. Có tổng cộng 70 người Nhật bao gồm một vài ký giả đã đến điểm hẹn chờ đợi nhưng không thấy xe bus đến đón như lời hứa hẹn. Bởi vì phía Hoa Kỳ cũng tất bật trong cuộc di tản nên không còn đủ thời gian để giúp đỡ cho công dân Nhật. Sau đó, 70 người này buộc phải ở lại Sài Gòn cho đến lúc quân CSBV tràn vào.

Trong giới phóng viên Nhật cũng có một số người không còn tin tưởng vào tòa đại sứ Nhật nên trực tiếp liên lạc với tòa đại sứ Hoa Kỳ để di tản theo họ hoặc những đồng nghiệp ngoại quốc khác và chỉ chừng 4, 5 người đã di tản thành công theo cách này.

Kỳ 20 : Kẻ thắng người bại và những nấm mộ cô đơn

Đối với lực lượng tự xưng là "cách mạng" ở Việt Nam thì sự kiện Sài Gòn thất thủ đã là một chiến thắng vẻ vang mang tính cách lịch sử. Vào ngày 15/ 5/1975, trong một buổi lễ chào mừng chiến thắng này, trên khán đài đặt trước cổng chính của Dinh Độc Lập cũ, những khuôn mặt nổi tiếng tiêu biểu của các chiến sĩ thuộc phe "cách mạng" này đã tề tựu đông đủ.

Đứng giữa khán đài là chủ tịch nước Tôn Đức Thắng, một nhân vật từng sát cánh chiến đấu với Hồ Chí Minh trên 30 năm, lúc đó cũng đã 87 tuổi. Tuy vậy, vóc dáng ông rất to béo, tròn trịa đầy đà và trông ông vẫn còn mạnh khoẻ. Đứng ngay sau lưng ông, người ta thấy khuôn mặt của Lê Đức Thọ, một nhân vật chủ chốt trong tiến trình ký kết hiệp định Ba Lê. Cả hai người này đều là đại diện của miền Bắc trong buổi lễ hôm đó. Dưới ánh nắng chói chang, trên khuôn mặt của ông Thắng và những người chiến sĩ "cách mạng" như càng thể hiện rõ nét tự hào về cuộc thắng lợi to lớn chiếm được miền Nam Việt Nam. Vì đối với họ, sau khi đánh đuổi được thực dân Pháp thì kế tiếp là buộc được Hoa Kỳ phải triệt thoái khỏi Việt Nam, đồng thời đánh tan luôn chính quyền miền Nam mà họ cho rằng đó là chính quyền bù nhìn của Hoa Kỳ.

Đứng bên cạnh những người đại diện của miền Bắc là những thành phần đầu não trong chính phủ cách mạng lâm thời miền Nam VN, người ta ghi nhận sự hiện diện của ông Nguyễn Hữu Thọ chủ tịch MTGPMN kiêm chủ tịch hội đồng tư vấn chính phủ CMLTMNVN. Ông Thọ nguyên là một luật sư ở Sài Gòn dưới thời chính quyền Tổng Thống Ngô Đình Diệm, nhưng vì bất mãn chế độ nên đã bí mật trốn vào rừng sâu.

Đứng xa hơn một chút nữa là ông Huỳnh Tấn Phát, thủ tướng chính phủ CMLTMNVN. Ông Phát cũng là một nhân vật trí thức ở Sài Gòn trước đó làm nghề kiến trúc sư và nổi tiếng qua công trình thiết kế xây dựng tòa Đại Sứ Nhật Bản. Từ cuối năm 1950, ông Phát vì bất đồng chính kiến với chế độ Tổng Thống Ngô Đình Diệm nên đã rời khỏi Sài Gòn và sinh hoạt trong những căn cứ dưới lòng đất của phe chống chính quyền miền Nam.

Hai nhân vật này đã được tuyên truyền mạnh mẽ nơi dư luận thế giới như là hình ảnh đại diện cho những chiến sĩ cách mạnh ở miền Nam chiến đấu vì độc lập dân tộc không bị lệ thuộc vào một đảng phái hay hệ tư tưởng chính trị nào. Đồng thời, hai người này cũng vẫn luôn tuyên bố rằng MTGP là một lực lượng vũ trang duy nhất ở miền Nam chống lại chính quyền Sài Gòn, cũng như tại miền Nam không bao giờ có sự hiện diện của quân đội Bắc Việt dù chỉ một người.

Như vậy, đúng ra trong buổi lễ này hoặc ông Thọ hay ông Phát phải là đại diện cho miền Nam thì mới hợp tình hợp lý. Nhưng không! Vị trí này đã do một nhân vật khác thay thế khiến cho mọi người phải kinh ngạc một cách bất ngờ.

Đó là Phạm Hùng, một nhân vật người miền Bắc nằm trong bộ chính trị trung ương đảng LĐ, nay là đảng cộng sản VN. Ông Hùng được giới thiệu đã từng giữ chức phó thủ tướng của phía BV và hiện Tổng bí thư đảng bộ miền Nam của đảng LĐ. Chưa hết, nhân vật thứ hai đại diện cho miền Nam trong buổi lễ này lại là Nguyễn Văn Linh, ủy viên chính trị trung ương đảng lao động VN kiêm phó bí thư đảng bộ miền Nam, tức dưới ông Hùng một bậc.

Sự thay đổi nhân sự này càng chứng minh rõ ràng là lực lượng quân đội miền Bắc dưới sự chỉ huy của đảng cộng sản đã nằm ngay trong lòng miền Nam từ trước và trực tiếp chiến đấu chống lại chính quyền VNCH, nhưng lúc nào cũng che dấu dưới tấm bình phông của MTGPMN. Cùng lúc, nó cũng cho thấy việc vắt chanh bỏ vỏ một cách không thương tiếc của đảng cộng sản đối với những nhân vật đầu não của phe cách mạng miền Nam sau khi họ đạt được chiến thắng.

Tuy trước đây tôi cũng đã tương đối hiểu rõ về chân tướng của phe cách mạng miền Nam, nhưng tôi không thể nào ngờ được rằng họ lại bị đào thải một cách nhanh chóng và phủ phàng như thế. Điều này cũng khiến cho những ký giả ngoại quốc như chúng tôi phải ú ớ không nói được nên lời.

Vì thế, tôi đã không ngạc nhiên về việc nhà cầm quyền cộng sản đã nhanh chóng thiết lập một hệ thống cai trị ở miền Nam bằng hình thức quản lý quân sự qua các ủy ban quân quản và tất cả những chức vụ các ngành các cấp từ trung ương đến địa phương đều do người miền Bắc nắm giữ. Về phần những người tham gia cách mạng gốc miền Nam thì dù có được hiện diện trong bộ máy hành chính cũng chỉ là bù nhìn và đa số họ đã từ từ biến mất theo những hư cấu ảo tưởng mà phiá BV đã dựng nên cho họ trước kia.

Tuy trong khoảng thời gian từ lúc phản kháng chính quyền ông Ngô Đình Diệm cho đến thời điểm tổng tấn công Tết Mậu Thân, những lực lượng cách mạng theo chủ nghĩa dân tộc đã hiện hữu và trực tiếp chiến đấu là điều có phần nào đó xác thực nhưng nếu nhìn một cách toàn diện từ đầu đến cuối và nguyên nhân của cuộc chiến tranh VN thì rõ ràng là do phía BV dưới sự lãnh đạo của một đảng phái theo chủ nghĩa cộng sản gây ra cũng như nắm giữ vai trò chính yếu. Đây là một sự thật không thể nào chối cãi được.

Nhưng tại Nhật Bản thì đa số dư luận đều cho những điều ngụy tạo của BV dựng nên là sự thật. Chẳng hạn như về từ ngữ đảng bộ miền Nam, trung ương cục miền Nam đã được nhà nghiên cứu về VN là ông Douglas Pike gọi tắt bằng Anh ngữ là COSVN (Central Office for South Vietnam) và ông đã có những báo cáo chi tiết tường tận về việc này ngay từ từ lúc còn chiến tranh, nhưng phía Nhật Bản lại cho rằng đó chỉ là những hình thức tuyên truyền chống cộng.

Đa số giới trí thức Nhật Bản cũng sai lầm nặng nề khi đã từng cho rằng nếu Hoa Kỳ rút quân thì người VN trên tinh thần hòa giải dân tộc sẽ thực hiện được nền hòa bình tại đây, hoặc nếu Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu từ chức thì cuộc chiến VN sẽ được giải quyết bằng những cuộc đàm phán giữa hai bên. Rõ ràng đây chỉ là những điều viễn vông đã được chứng minh ngay sau khi cuộc chiến VN kết thúc. Vì từ căn bản, phía BV được đặt dưới hệ tư tưởng chính trị của chủ nghĩa cộng sản đã tiến hành một cuộc chiến tranh toàn diện xâm chiếm miền Nam và trong quá trình cuộc chiến này những ai không đồng thuận theo hệ tư tưởng của họ sẽ bị tiêu diệt.

Về điểm này, chủ trương của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu biểu hiện qua những câu nói của ông như: "Đừng nghe những gì cộng sản nói mà hãy nhìn kỹ những gì cộng sản làm", hoặc "Việc thương lượng với những người cộng sản để giải quyết vấn đề là điều không thể nào có được" xem ra quả thật chính xác và đúng đắn.

Cuộc chiến VN còn thể hiện hình thức xung đột giữa hai hệ tư tưởng chính trị.

Trải bao năm tháng dài của cuộc chiến, tại miền Nam không hề có một sự kiểm duyệt nơi những tin tức loan tải từ giới ký giả và báo chí ngoại quốc nhưng sau khi chính quyền mới được thành lập thì sự kiểm duyệt thông tin đã bắt đầu xuất hiện và rất gắt gao.

Mặc dù trong thời chiến, giới truyền thông ngoại quốc hầu như chỉ đưa toàn những tin tức bất cho quân đội của mình nhưng chính quyền miền Nam vẫn chấp nhận tự do thông tin báo chí. Trong khi đó, phía BV chỉ tuyển chọn những ký giả thân cộng để phục vụ cho việc tuyên truyền của họ. Hơn nữa, đài phát thanh quốc doanh của BV lại thường bóp méo sự thật qua những điều bịa đặt giả tạo. Thí dụ như việc Văn Tiến Dũng, tổng tham mưu trưởng quân BV lúc đó đang ở miền Nam để trực tiếp chỉ huy các cuộc tấn công quân sự thì họ cứ một mực nói dối rằng Văn Tiến Dũng lúc nào cũng ở Hà Nội.

Kế đến là việc Hoa Kỳ viện trợ cho miền Nam. Vì Hoa Kỳ là quốc gia theo chủ nghĩa tự do dân chủ nên tất cả những chính sách đều bị ảnh hưởng bởi sự biểu quyết của dân chúng mà cơ quan đại diện là Quốc Hội. Do đó vì sợ dư luận thế giới nhất là giới thông tin quốc tế, chỉ trích là không tôn trọng dân chủ nên Hoa Kỳ đã cắt giảm viện trợ cho miền Nam theo ý quốc nội. Ngược lại, Trung Cộng và Liên Xô là hai nước độc đảng độc quyền nên việc viện trợ cho miền Bắc đã không gặp sự phản đối.

Tại sao giới truyền thông quốc tế trong đó có Nhật Bản lại có sự chỉ trích việc VNCH lệ thuộc vào việc trợ của Hoa Kỳ một cách không công bằng như thế? Hay là vì họ run sợ trước những chính quyền độc tài nên cố tình bóp méo thông tin?

Trong phần cuối tập hồi ký Đại Thắng Mùa Xuân, Văn Tiến Dũng đã viết: "Xin được chân thành dâng lên những bó hoa tươi thắm đến chủ tịch HCM, chủ nghĩa Mác Lênin và sự giúp đỡ của quốc tế vô sản", đã cho thấy là đồng thời với việc tuyên truyền về cuộc đấu tranh vì độc lập, BV đã tiến hành một cuộc chiến mang đặc tính của chủ nghĩa cộng sản.

Đối với điều này, phần lớn giới trí thức Nhật Bản chỉ nhìn được bề ngoài của cuộc chiến tranh VN mà thôi. Đây là cuộc chiến xung đột giữa hai ý thức hệ giữa những người VN theo chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa quốc gia. Những người Việt quốc gia vì bị phe cộng sản tấn công, trực tiếp đe dọa đến sự sinh tồn của mình nên đã chọn lựa con đường nhờ vào sự giúp đỡ của Hoa Kỳ. Nếu giới trí thức Nhật Bản cho rằng việc miền Nam lệ thuộc vào sự bảo vệ của Hoa Kỳ là một điều không chính đáng thì sau đệ Nhị thế chiến đến nay Nhật Bản đã và đang nhờ vào sự bảo vệ an toàn và trợ giúp quân sự của ai? Điều này có chính đáng hay không?

Từ lúc Sài Gòn thất thủ, 23 năm sau đó tôi lại viếng thăm nơi này và đã đi đến nghĩa trang quân đội Biên Hoà. Nơi đây chia làm hai khu chôn cất những chiến sĩ đã hy sinh trong cuộc chiến tranh VN. Khu nghĩa trang của những người chiến thắng thì được dọn dẹp gọn gàng sạch sẽ, mà trong đó có những tấm bia được trang hoàng thật nghiêm trang thành kính và hầu như trên những nấm mộ này lúc nào cũng khói hương nghi ngút, hoa quả chưng bày để tưởng nhớ người quá cố.

Cùng trong khu vực này, nằm khuất dưới chân một ngọn đồi trên đường quốc lộ là khu nghĩa trang của những tướng tá và binh sĩ VNCH. Tuy nhiên, mãi cho đến nay khu này vẫn chưa

được coi là một nghĩa trang chính thức nên cỏ dại mọc um tùm trông thật tiêu điều hoang phế. Giữa bãi đất hoang vu không một bóng người nơi đây, tôi nhìn thấy vô số những mộ bia dơ bẩn nằm cô đơn dưới những bãi cỏ hoang mọc bừa bãi. Đứng trước tình cảnh u buồn này, trong một thoáng giây nào đó tôi có cảm giác như là vong hồn của những người bại trận đang chập chờn đâu đây.

Nhưng nếu nhìn kỹ xuống chân, ta sẽ thấy ngay dưới những tấm bia mộ nay đã biến thành màu vàng úa này, lại có những vòng hoa nho nhỏ màu đỏ thắm như muốn ẩn tránh tia nhìn của mọi người và mọc xen lẫn vào đám cỏ dại để tưởng niệm vong linh người chiến bại.

Lời kết của dịch giả

Kính thưa quý độc giả,

Đến đây cũng là kỳ cuối cùng chấm dứt loạt bài SGTT của ký giả Komori Yoshihisa mà chúng tôi đã biên soạn lại với nội dung tóm tắt một số bài. Sau 20 kỳ trích dẫn từ loạt bài phóng sự Sài Gòn Thất Thủ, chúng tôi cũng nhận được rất nhiều ý kiến khích lệ từ quý vị, một lần nữa xin gửi lời cảm tạ đến tất cả quý độc giả

Xuyên qua loại bài này, có lẽ điều mà chúng ta nhận thấy rõ nhất là ký giả Komori là một trong những người ngoại quốc hay đúng hơn là một ký giả ngoại quốc hiếm hoi có cái nhìn rất trung thực và thấu suốt về bản chất của cuộc chiến tranh VN mà cho đến nay vẫn còn rất nhiều người bị nhầm lẫn về biến cố lịch sử miền Nam VN sụp đổ. Từ điều quan trọng nhất là phe cộng sản với quân số hùng hậu cùng với sự yểm trợ dồi dào về vũ khí từ Liên Xô, Trung cộng đã tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam VN, được ông Komori đã vạch rõ bằng những chứng cớ xác thực từ chính những gì tai nghe mắt thấy, chớ không do ảnh hưởng nơi các luận điệu tuyên truyền hay sách vở, tài liệu hoặc hồi ký lịch sử. Đây mới chính là bản chất thật sự của cuộc chiến VN.

Vì vậy, dù đã được đăng tải từ năm 1998, nhưng sau 16 năm ta vẫn nhận thấy được tính cách giá trị lịch sử qua loạt bài ký sự SGTT mà ông Komori muốn gửi đến độc giả Nhật Bản, đúng như ông đã từng nhận định rằng: "Nếu không xem xét lịch sử, thì những tranh chính sử nằm trong bóng tối của sự lừa dối và tuyên truyền sẽ đi vào quên lãng một cách bất công".

Ngoài những điều ghi nhận về các sự kiện lịch sử, ông Komori còn bày tỏ tâm tư tình cảm với những rung động thật sự đối với con người và nếp sống của miền Nam VN khiến ông vẫn còn nhớ mãi cho đến nay. Điều cảm động nhất, khi trở lại Sài Gòn sau nhiều năm xa cách, nơi ông đặt chân đến đầu tiên là nghĩa trang quân đội Biên Hòa để tưởng niệm vong linh người chiến sĩ bại trận. Cũng từ đó cho đến nay, ông không bao giờ ghé thăm Sài Gòn nữa như muốn giữ mãi hình ảnh đẹp trong tim mình.

Bên cạnh chức nghiệp của một phóng viên, một nhà bình luận, ông Komori cũng là cao thủ môn Nhu Đạo với đẳng cấp 4 tứ đẳng huyền đai khi ông còn làm việc ở Sài Gòn, đã từng huấn luyện cho các vệ sĩ của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu và cũng từng được mời là HLV của đội tuyển Nhu Đạo của VNCH để dự tranh các giải đấu khu vực lẫn thế giới. Nhưng với cá tính khiêm tốn và nhất là rất yêu mến nghề kỳ giả ông đã một mực từ chối.

Sau khi chuyển sang làm việc ở Hoa Kỳ, ông cũng thường xuất hiện trên các đài hình với tư cách là một nhà nhận định thời cuộc có liên quan đến tình hình chính trị tại Nhật Bản, Trung cộng và bán đảo Triều Tiên.

Sau loạt bài này, chúng tôi sẽ cố gắng thực hiện những đề tài khác liên quan đến quốc gia Nhật Bản để gửi đến quý độc giả.

[Khôi Nguyên]